

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA KINH TẾ



Lã Thu Phương

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ
TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY TNHH
SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT**

Mã sinh viên 2653011180

Ngành: Kế toán

Ninh Bình, (2026)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

KHOA KINH TẾ



Lã Thu Phương

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

**THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ
TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY TNHH
SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT**

Mã sinh viên : 2653011180

Ngành : Kế toán

Người hướng dẫn : ThS. Hà Thị Minh Nga

Ninh Bình, (2026)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LỜI CAM ĐOAN

Kính gửi: - BGH Trường Đại học Hoa Lư

- Phòng Đào tạo Trường Đại học Hoa Lư

- Khoa Kinh tế Trường Đại học Hoa Lư

Tên em là Lã Thu Phương là sinh viên lớp D15KT2, Khoa Kinh tế.

Đề tài khóa luận tốt nghiệp: “Thực trạng và giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát” là sản phẩm của cá nhân em trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu và làm khóa luận tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát.

Em xin cam đoan tất cả các nội dung nghiên cứu và kết quả trong bản khóa luận này là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất cứ công trình nghiên cứu nào trước đây. Những số liệu trong các bảng biểu phục vụ cho việc phân tích, nhận xét, đánh giá được chính tác giả thu thập từ các nguồn khác nhau có ghi trong phần tài liệu tham khảo.

Em xin hoàn toàn chịu trách nhiệm với cam kết trên

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

Sinh viên

Lã Thu Phương

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

DANH MỤC CÁC KÍ HIỆU VIẾT TẮT

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC CÁC KÍ HIỆU VIẾT TẮT

PHẦN MỞ ĐẦU 1

1. Tính cấp thiết của đề tài. 1

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu. 2

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu..... 4

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu..... 4

5. Phương pháp nghiên cứu..... 5

7. Bố cục khóa luận..... 5

PHẦN NỘI DUNG 6**CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ****TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT KINH DOANH**..... 6

1.1. Khái quát chung về kế toán quản trị 6

1.1.1. Khái niệm, bản chất, mục tiêu của kế toán quản trị..... 6

1.1.2. Vai trò của kế toán quản trị với chức năng quản lý doanh nghiệp 9

1.1.3. Nội dung của kế toán quản trị doanh nghiệp 11

1.2. Nội dung cơ bản của kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp sản xuất.
..... 13

1.2.1. Phân loại chi phí trong doanh nghiệp sản xuất 13

1.2.1.1. Phân loại chi phí theo mức độ hoạt động..... 14

1.2.1.3. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo khả năng quy nạp chi phí
vào các đối tượng kế toán chi phí 16

1.2.1.4. Phân loại theo mối quan hệ giữa chi phí với mức độ hoạt động 16

1.2.1.5. Phân loại chi phí theo thẩm quyền ra quyết định..... 17

1.2.1.6. Phân loại chi phí sử dụng trong lựa chọn các phương án 18

1.2.2.1. Phương pháp chi phí thực tế 19

1.2.2.2. Phương pháp xác định chi phí theo hoạt động (ABC)..... 19

1.2.2.3. Phương pháp chi phí mục tiêu..... 22

1.2.3.1. Xây dựng định mức chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong các
doanh nghiệp. 23

1.2.3.2. Xây dựng dự toán chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất..... 27

1.2.4. Phân tích mối quan hệ giữa Chi Phí – Khối lượng – Lợi nhuận trong quá trình ra quyết định	31
1.2.5. Hệ thống báo cáo quản trị chi phí trong doanh nghiệp.....	33
1.2.6. Mô hình tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp.....	36
1.3. Kinh nghiệm tổ chức kế toán quản trị của một số nước phát triển trên thế giới và bài học kinh nghiệm vận dụng vào các doanh nghiệp Việt Nam	39
1.3.1. Kinh nghiệm tổ chức kế toán quản trị của một số nước phát triển trên thế giới.....	39
1.3.2. Bài học kinh nghiệm vận dụng vào các doanh nghiệp Việt Nam.....	42
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT.....	44
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát	44
2.1.2. Đặc điểm tổ chức quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát.....	57
2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát.....	59
2.1.4. Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát.....	62
2.2. Thực trạng kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát.....	67
2.2.1. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát.....	67
2.2.2. Phương pháp xác định chi phí của công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát.....	68
2.2.3. Công tác xây dựng định mức và lập dự toán chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát	83
2.2.3.1. Xây dựng định mức và lập dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.	83
2.2.3.2. Xây dựng định mức và lập dự toán nhân công trực tiếp.....	87
2.2.3.3. Xây dựng định mức và lập dự toán chi phí sản xuất chung.....	88
2.2.3.4. Lập dự toán Chi phí quản lý kinh doanh.....	91
2.2.4. Ứng dụng phân tích mối quan hệ giữa Chi Phí – Khối lượng – Lợi nhuận cho quá trình ra quyết định.....	94
2.2.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán quản trị	98
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT	101

3.1. Đánh giá công tác kế toán quản trị chi phí tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát.....	101
3.1.1. Ưu điểm.....	101
3.1.2. Hạn chế.....	104
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát	105
3.2.1. Về xây dựng mô hình kế toán quản trị.....	105
3.2.2. Về phân loại chi phí phục vụ cho kế toán quản trị	106
3.2.3. Về xây dựng định mức chi phí và lập dự toán chi phí.....	108
3.2.6. Hoàn thiện về phương pháp tính chi phí đơn vị.....	120
3.2.7. Về phân tích thông tin phục vụ cho việc ra quyết định trong ngắn hạn.....	121
3.2.8. Lập dự toán chi phí quản lý kinh	122
3.3. Một số điều kiện thực hiện giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán quản trị chi phí hàng tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát	123
3.3.1. Về phía nhà nước và cơ quan chức năng	123
3.3.2. Về phía doanh nghiệp.....	124
3.3.3. Về phía bản thân Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát	125
KẾT LUẬN	128
TÀI LIỆU THAM KHẢO	130

DANH MỤC CÁC KÍ HIỆU VIẾT TẮT

Ký hiệu viết tắt	Nội dung đầy đủ
TM	Thương mại
DV	Dịch vụ
DT	Doanh thu
TN	Thu nhập
LN	Lợi nhuận
KT	Kế toán
KTT	Kế toán trưởng
HH	Hàng hóa
VL	Vật liệu
ĐC	Địa chỉ
TK	Tài khoản
KH	Khấu hao
NLĐ	Người lao động
SP	Sản phẩm
STK	Số tài khoản
STT	Số thứ tự
NVL	Nguyên vật liệu
SXC	Sản xuất chung
SXKD	Sản xuất kinh doanh
QTDN	Quản trị doanh nghiệp
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
GTGT	Giá trị gia tăng
KTTC	Kế toán tài chính
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
CPBH	Chi phí bán hàng
SPSX	Sản phẩm sản xuất

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Tình hình tài chính qua các năm gần đây của Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại Vĩnh Phát.....	48
Bảng 2.2. Bảng tổng hợp chi phí theo khoản mục Tháng 3/2026	68
Bảng 2.3. Bảng tổng hợp chi phí nguyên vật liệu theo khoản mục Tháng 3/2026	69
Bảng 2.4: Bảng danh sách phân công giai đoạn	72
Bảng 2.5: Bảng kê sản lượng sản phẩm	72
Bảng 2.6: Bảng thanh toán lương tháng 3/2026	77
Bảng 2.8: Bảng tổng hợp chi phí nhân công	79
Bảng 2.9: Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung	82
Bảng 2.10: Bảng định mức tiêu hao nguyên vật liệu	86
Bảng 2.11: Bảng định mức chi phí nguyên vật liệu	86
Bảng 2.12: Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	87
Bảng 2.13: Dự toán chi phí nhân công trực tiếp	88
Bảng 2.14: Dự toán chi phí sản xuất chung	84
Bảng 2.15. Trích sổ chi phí bán hàng 6421	92
Bảng 2.16. Trích sổ chi phí quản lý doanh nghiệp 6422	93
Bảng 2.17: So sánh CPNVLT giữa thực hiện và dự toán Tháng 3/2026	95
Bảng 2.18: So sánh CPNCTT giữa thực hiện và dự toán Tháng 3/2026	96
Bảng 2.19: So sánh CPSXC giữa thực hiện và dự toán Tháng 3/2026	97
Biểu mẫu 3.1: Bảng phân loại chi phí theo mối quan hệ với mức độ hoạt động ...	107
Biểu mẫu 3.2: Mẫu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dạng lãi trên biến phí chi tiết từng mặt hàng	111
Biểu mẫu 3.3: Bảng phân tích chi phí nhân công trực tiếp	114
Biểu mẫu 3.4: Bảng phân tích chi phí sản xuất chung	119
Biểu mẫu 3.5: Bảng dự toán chi phí bán hàng	123
Biểu mẫu 3.6: Bảng dự toán chi phí quản lý doanh nghiệp	123

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Các chức năng cơ bản của quản lý	10
Sơ đồ 1.2: Mối quan hệ giữa các chức năng quản lý và quá trình kế toán quản trị	11
Sơ đồ 1.3: Kế toán chi phí dựa trên hoạt động (ABC).....	20
Sơ đồ 1.4: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung.....	36
Sơ đồ 1.5: Mô hình kế toán phân tán	37
Sơ đồ 1.6: Mô hình kế toán kết hợp vừa tập trung vừa phân tán.....	38
Hình 2.1: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát.....	45
Hình 2.2: Xưởng gia công trực tiếp	46
Sơ đồ 2.1: Quy trình sản xuất, gia công sản phẩm.....	58
Sơ đồ 2.2. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty.....	60

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, mục tiêu của hầu hết doanh nghiệp là tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Kế toán quản trị chi phí là một trong những công cụ hữu hiệu giúp các nhà quản trị điều hành doanh nghiệp, do thông tin cung cấp cụ thể, chi tiết và kịp thời. Khi sử dụng thông tin chi tiết đã được tóm lược theo yêu cầu sử dụng, nhà quản trị có thể phát hiện vấn đề để giải quyết nhanh chóng, cải tiến kịp thời và đạt hiệu quả hơn. Do vậy, làm tốt kế toán chi phí có ý nghĩa quan trọng đối với doanh nghiệp.

Khi nền kinh tế Việt Nam hội nhập vào thị trường thế giới đã tạo ra nhiều cơ hội cho các ngành hàng hóa xuất khẩu từ trong nước ra quốc tế. Bên cạnh đó, hội nhập kinh tế thế giới cũng mang đến sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp nước ngoài với tiềm lực mạnh có thể gây sức ép lớn lên các doanh nghiệp nội địa, trong đó gây ra ảnh hưởng nhiều nhất là đến ngành xây dựng. Thị trường này là một trong những lĩnh vực kinh tế mũi nhọn giữ vai trò then chốt trong sự phát triển tổng thể của nền kinh tế quốc dân. Nhờ có sự gia tăng mạnh mẽ về nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng cùng với các công trình trọng điểm đã tạo ra một thị trường vô cùng rộng lớn và giàu tiềm năng cho ngành xây dựng. Để tồn tại phát triển và cạnh tranh với đối thủ quốc tế, các doanh nghiệp trong nước phải luôn tìm cách làm sao nâng cao năng lực sản xuất nhằm tạo năng lực cạnh tranh tốt nhất với hàng nhập khẩu. Song song với đó các nhà quản trị phải tìm cách kiểm soát chi phí để giúp doanh nghiệp vận hành tới lợi nhuận tối ưu nhất.

Hệ thống kế toán chi phí đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin về chi phí trong các doanh nghiệp cho các nhà quản trị chính. Các doanh nghiệp ở các nước phát triển trên thế giới đã xây dựng hệ thống kế toán quản trị chi phí hiện đại, cung cấp thông tin hữu ích cho các nhà quản trị nội bộ để trợ giúp họ trong việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra,

đánh giá việc thực hiện kế hoạch. Hệ thống kế toán không chỉ phản ánh và ghi chép đầy đủ, chính xác các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất mà còn thực hiện việc tổng hợp, phân loại và phân tích chi phí theo từng đối tượng cụ thể từ đó xác định được chi phí thực tế của từng loại sản phẩm, từng đơn hàng hay từng giai đoạn sản xuất.

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát là một trong những công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh tôn xộp, ống hộp, thép cốt pha,..., trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Trong công tác quản lý chi phí, bộ phận kế toán công ty đã đưa ra nhiều giải pháp tối ưu hóa nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh cùng với việc ứng dụng phần mềm kế toán quản trị chi phí. Dù vậy công tác quản trị vẫn tồn tại một số hạn chế về chi phí nguyên vật liệu đầu vào chịu ảnh hưởng từ biến động giá cả trên thị trường thế giới, do sản phẩm đa dạng nên việc phân bổ chi phí chung cho từng loại sản phẩm gặp nhiều khó khăn trong việc kiểm soát và có thể dẫn tới việc lập dự toán chi phí chưa thực sự chính xác, từ đó ảnh hưởng đến tính đúng đắn của giá thành và hiệu quả của thông tin cung cấp cho nhà quản trị.

Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp xây dựng, trong quá trình thực tập tại Công ty Sản xuất & Thương mại Vĩnh Phát, em đã đi sâu nghiên cứu tìm hiểu và chọn đề tài khóa luận là: “Thực trạng và giải pháp kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát” để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay để kinh doanh đạt hiệu quả cao và phát triển ngày càng vững chắc thì công tác kế toán phải luôn được củng cố và hoàn thiện để phù hợp với chế độ hiện hành. Nhận thức được tầm quan trọng của kế toán quản trị chi phí cho nên hiện nay đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về công tác kế toán quản trị chi phí. Có thể điểm qua một số tác giả với một số đề tài cơ bản như sau:

Vũ Thị Hằng (2022), “Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí, doanh thu và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH TM & DV Đại Phát”, Trường Đại học Hoa Lư. Nghiên cứu cho thấy rõ những kết quả đạt được trong việc tổ chức bộ máy kế toán hợp lý, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên công tác thu thập và xử lý thông tin phục vụ cho việc lựa chọn các phương án kinh doanh vẫn còn hạn chế. Trên cơ sở đó, tác giả tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán quản trị, đặc biệt là việc lập dự toán chi phí, xây dựng báo cáo quản trị nội bộ và đẩy mạnh phân tích thông tin chi phí phục vụ quá trình ra quyết định quản lý..

Tô Thị Vân Anh (2023), “Tổ chức kế toán quản trị tại các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam”, Trường Đại học Thương mại. Về tổng quan nghiên cứu đã nêu khái quát về thực trạng kế toán quản trị chi phí trên cơ sở lý luận chung. Nghiên cứu cũng chỉ ra mặt hạn chế của bộ máy quản trị tại các doanh nghiệp đó là sự hiểu biết chuyên môn của nhân viên chưa đầy đủ cũng như chưa nhận thức được vai trò về việc tổ chức công tác quản trị chi phí. Ngoài ra về các chỉ tiêu CPBH, CPQLDN, DT, LN, các chỉ tiêu phi tài chính chưa được quan tâm đúng mức. Từ thực tế đó, tác giả đã đưa ra một số giải pháp hoàn thiện nhằm giúp các doanh nghiệp xử lý các vấn đề tồn đọng và hạn chế còn hiện hành.

Đào Ngọc Hà (2024), “Các nhân tố ảnh hưởng đến kế toán quản trị chi phí ở doanh nghiệp trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0”, Tạp chí Quản lý Nhà nước. Từ nghiên cứu tổng quan, tác giả đã chỉ rõ vai trò quan trọng của kế toán quản trị chi phí trong việc cung cấp thông tin phục vụ cho việc ra quyết định của doanh nghiệp đặc biệt là trong bối cảnh công nghiệp 4.0. Thời đại công nghệ hóa đã góp phần thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ giúp tự động hóa xử lý dữ liệu, thu thập và phân tích thông tin từ đó nâng cao hiệu quả kế toán quản trị chi phí và hỗ trợ nhà quản trị ra quyết định tối ưu hơn. Từ đó đặt ra câu hỏi các nhà quản trị phải làm sao bắt kịp thời xu thế công nghệ đang phát triển và áp dụng hiệu quả vào công tác quản trị chi phí phù hợp cho các doanh nghiệp đạt tới hiệu quả tốt nhất.

Theo thống kê, đã có nhiều công trình nghiên cứu về đề tài kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát chưa có một công trình nghiên cứu nào viết về đề tài này trong những năm gần đây. Trong thời gian thực tập tại công ty, nhận thấy công tác kế toán quản trị chi phí vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. Việc kiểm soát số liệu chưa thật sự chặt chẽ, dẫn đến tình trạng hạch toán chưa chính xác, làm ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thông tin kế toán quản trị chi phí. Vì vậy nghiên cứu “Thực trạng và giải pháp kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát” là yêu cầu cấp thiết phản ánh thực trạng kế toán quản trị chi phí từ đó đề xuất những giải pháp hoàn thiện cho công tác kế toán quản trị chi phí tại công ty.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.

3.1. Mục đích

Trên cơ sở tìm hiểu thực trạng kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát để đưa ra giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại công ty.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Làm rõ và khái quát hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp.

Đánh giá và phân tích thực trạng Kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát.

Đánh giá và đề xuất giải pháp hoàn thiện Kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu: Kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát

Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát.

Thời gian nghiên cứu: Đề tài thu thập số liệu về kế toán quản trị chi phí tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát năm 2023, 2024, 2025, 2026.

5. Phương pháp nghiên cứu.

Phương pháp quan sát: Thực hiện quan sát hoạt động kế toán và quy trình quản trị chi phí, bộ máy kế toán và công việc của các nhân viên trong Công ty, đặc biệt là nhân viên phân hành kế toán quản trị chi phí.

Phương pháp thống kê: Thu thập tài liệu về thực trạng kế toán, nghiên cứu chứng từ, sổ kế toán, báo cáo kế toán tại công ty.

Phương pháp tổng hợp, phân tích và xử lý số liệu.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản trị chi phí, từ đó làm rõ vai trò và tầm quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh giúp xây dựng mô hình, phương pháp và công cụ quản trị chi phí hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Giúp doanh nghiệp kiểm soát và tối ưu hóa chi phí, từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh. Đồng thời, nghiên cứu còn cung cấp các giải pháp cụ thể để cải thiện công tác quản trị chi phí trong thực tiễn, hỗ trợ nhà quản lý ra quyết định tài chính chính xác hơn.

7. Bố cục khóa luận

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán quản trị trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT KINH DOANH

1.1. Khái quát chung về kế toán quản trị

1.1.1. Khái niệm, bản chất, mục tiêu của kế toán quản trị

Khái niệm kế toán quản trị

KTQTCP là một bộ phận cấu thành của kế toán quản trị nên mang những đặc trưng cơ bản của kế toán quản trị. Trong bối cảnh hiện nay, hệ thống kế toán trong doanh nghiệp thường được phân chia thành kế toán tài chính và kế toán quản trị, đồng thời kế toán chi phí cũng có thể được xem là một bộ phận tương đối độc lập, đặc biệt trong các doanh nghiệp sản xuất nơi chi phí giữ vai trò quan trọng. Có thể hiểu KTQTCP là hệ thống thông tin kế toán thực hiện việc thu thập, xử lý và phân tích các dữ liệu liên quan đến chi phí nhằm phục vụ cho công tác quản lý, kiểm soát và hỗ trợ ra quyết định trong nội bộ doanh nghiệp, đồng thời có mối quan hệ chặt chẽ với kế toán tài chính và kế toán quản trị trong việc cung cấp và sử dụng thông tin kinh tế

KTQTCP là một bộ phận thuộc kế toán quản trị, tập trung nghiên cứu quá trình hình thành và tính giá thành sản phẩm, bao gồm chi phí nguyên vật liệu đầu vào và các chi phí phát sinh trong kỳ sản xuất. Mục tiêu của KTQTCP là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời cho nhà quản trị, đồng thời hỗ trợ xác định giá trị hàng tồn kho và kết quả kinh doanh của từng loại sản phẩm. Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, yêu cầu kiểm soát chi phí hiệu quả đặt ra đòi hỏi kế toán quản trị phải tổ chức thu thập và xử lý thông tin một cách nhanh chóng từ đó cung cấp các dữ liệu cần thiết giúp nhà quản trị đưa ra những quyết định phù hợp.

Từ những khái niệm trên ta có thể hiểu rằng, KTQTCP là một bộ phận của hệ thống KTQT, cung cấp thông tin dưới hình thức các báo cáo nội bộ nhằm giúp các nhà quản trị doanh nghiệp có cơ sở chắc chắn để có thể đưa ra

những quyết sách phù hợp, kịp thời, đúng đắn liên quan đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp.

Trọng tâm của kế toán quản trị chi phí là cung cấp thông tin liên quan về chi phí chủ yếu là việc ghi chép, phân tích chi phí, kiểm soát chi phí để đánh giá tình hình thực hiện chi phí, dự toán chi phí cho kỳ hoạt động, để tính giá thành sản phẩm.

Kế toán quản trị chi phí nhấn mạnh đến tính dự báo của thông tin và trách nhiệm của nhà quản trị các cấp nhằm gắn trách nhiệm của họ với chi phí phát sinh thông qua hệ thống thông tin chi phí được cung cấp theo các trung tâm quản lý chi phí được hình thành từ đơn vị.

Từ những khái niệm trên, ta có thể hiểu rằng kế toán quản trị chi phí là quá trình thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp các thông tin về chi phí cho nhà quản trị thực hiện các chức năng của mình như phân tích, hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện chi phí và hỗ trợ cho việc ra quyết định.

Bản chất của kế toán quản trị

Trước khi nghiên cứu bản chất của kế toán quản trị chi phí, ta xem xét bản chất của kế toán quản trị nói chung:

Kế toán quản trị là một bộ phận cấu thành của hệ thống kế toán doanh nghiệp, đồng thời là công cụ quan trọng phục vụ cho công tác quản trị nội bộ doanh nghiệp. Kế toán quản trị được coi như một hệ thống nhằm trợ giúp cho các nhà quản lý ra quyết định, là phương tiện để thực hiện kiểm soát quản lý trong doanh nghiệp.

Kế toán quản trị chỉ cung cấp những thông tin về hoạt động kinh tế tài chính trong phạm vi yêu cầu quản lý nội bộ của một doanh nghiệp. Những thông tin đó chỉ có ý nghĩa đối với những người, những bộ phận và những nhà điều hành, quản lý doanh nghiệp, không có ý nghĩa đối với các đối tượng bên ngoài.

- Thông tin kế toán quản trị chủ yếu cung cấp cho các nhà quản trị doanh nghiệp để đưa ra các quyết định điều hành sản xuất kinh doanh.

- Thông tin kế toán quản trị thường cụ thể và mang tính định lượng vì nó gắn với các hoạt động kinh doanh cụ thể của doanh nghiệp.
- Mục đích sử dụng thông tin kế toán quản trị là để hoạch định và kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp, nó được cụ thể hoá thành các chức năng cơ bản của nhà quản trị: Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, phân tích đánh giá và ra quyết định.

Xét dưới góc độ kế toán, thông tin quan trọng nhất mà kế toán quản trị cung cấp cho nhà quản lý là thông tin về chi phí. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, chi phí phát sinh thường xuyên, gắn liền với mọi hoạt động và ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Do phần lớn chi phí hình thành trong nội bộ và chịu tác động từ các quyết định quản lý, nên việc kiểm soát chi phí luôn được đặt lên hàng đầu. Vì vậy, kế toán quản trị chi phí có nhiệm vụ cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời nhằm hỗ trợ nhà quản trị trong việc lập kế hoạch, kiểm soát và ra quyết định.

Như vậy, bản chất của kế toán quản trị chi phí là một bộ phận của kế toán quản trị chuyên thực hiện việc xử lý, phân tích và cung cấp các thông tin về chi phí nhằm phục vụ cho việc thực hiện các chức năng của nhà quản trị như hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm tra và ra quyết định.

Mục tiêu của KTQTCP

Kế toán quản trị có vai trò cung cấp thông tin phục vụ cho quá trình ra quyết định và lập kế hoạch trong doanh nghiệp, đồng thời tham gia tích cực với tư cách là một bộ phận của đội ngũ quản lý, góp phần trực tiếp vào việc xây dựng kế hoạch, phân tích phương án và lựa chọn quyết định phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

Kế toán quản trị hỗ trợ các nhà quản trị trong việc định hướng, tổ chức và kiểm soát các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thông qua việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác và phù hợp, giúp nhà quản lý theo dõi tình hình thực hiện, phát hiện sai lệch và điều chỉnh hoạt động nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra. Kế toán quản trị góp phần thúc đẩy các nhà quản trị và nhân viên tập trung vào việc thực hiện các mục tiêu của tổ chức thông qua việc

cung cấp thông tin và các chỉ tiêu đánh giá phù hợp, từ đó định hướng hành vi, nâng cao trách nhiệm và sự phối hợp trong quá trình thực hiện công việc nhằm đạt được mục tiêu chung của doanh nghiệp.

Kế toán quản trị thực hiện việc đo lường kết quả hoạt động của các mặt kinh doanh, các đơn vị trực thuộc cũng như của các nhà quản trị và nhân viên trong tổ chức thông qua hệ thống chỉ tiêu, báo cáo và phân tích chi phí – hiệu quả, từ đó phản ánh mức độ hoàn thành mục tiêu và hiệu quả sử dụng nguồn lực trong doanh nghiệp.

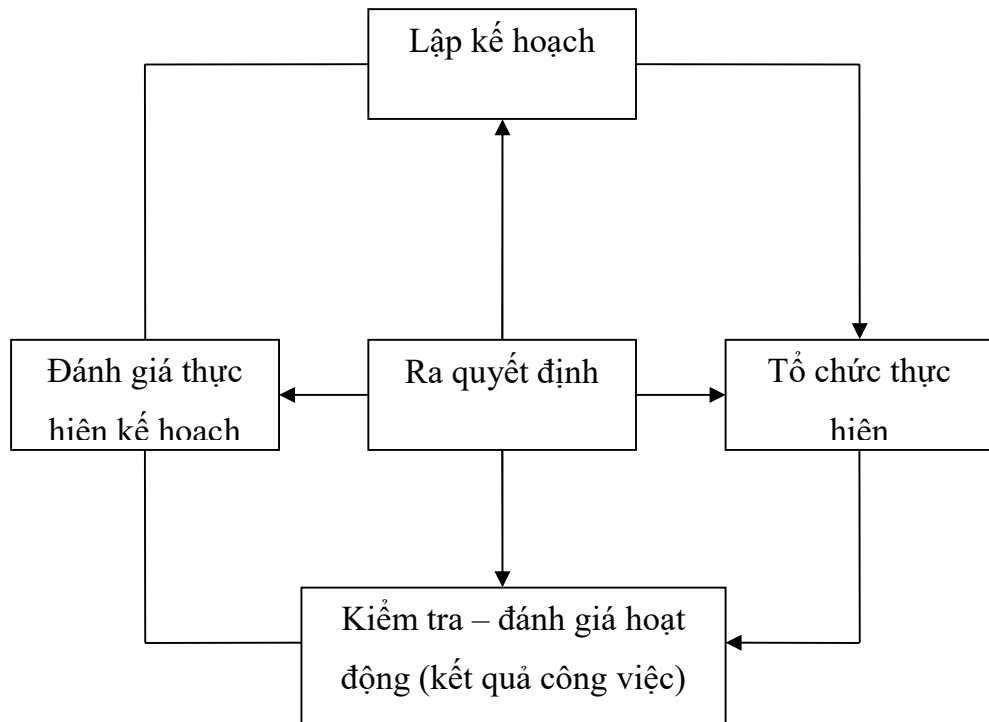
Kế toán quản trị cung cấp thông tin và phân tích để đánh giá vị trí cạnh tranh của tổ chức trên thị trường, đồng thời phối hợp với các nhà quản trị trong việc xây dựng và điều chỉnh các chiến lược nhằm duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh lâu dài của doanh nghiệp trong ngành.

Hiện nay, thông tin do kế toán quản trị cung cấp ngày càng có vai trò quan trọng trong quản lý doanh nghiệp. Nhân viên kế toán quản trị không chỉ dừng lại ở việc thu thập và cung cấp số liệu mà còn tham gia trực tiếp vào quá trình phân tích, tư vấn và hỗ trợ ra quyết định. Họ đóng góp cả trong các quyết định chiến lược dài hạn lẫn hoạt động điều hành hằng ngày, qua đó giúp nâng cao hiệu quả quản lý và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

1.1.2. Vai trò của kế toán quản trị với chức năng quản lý doanh nghiệp

Với chức năng và mục tiêu quản trị doanh nghiệp hiệu quả, nhà quản trị rất cần đến những thông tin hữu ích để có thể đưa qua các quyết định. Vậy nên kế toán quản trị đóng vai trò quan trọng đối với doanh nghiệp.

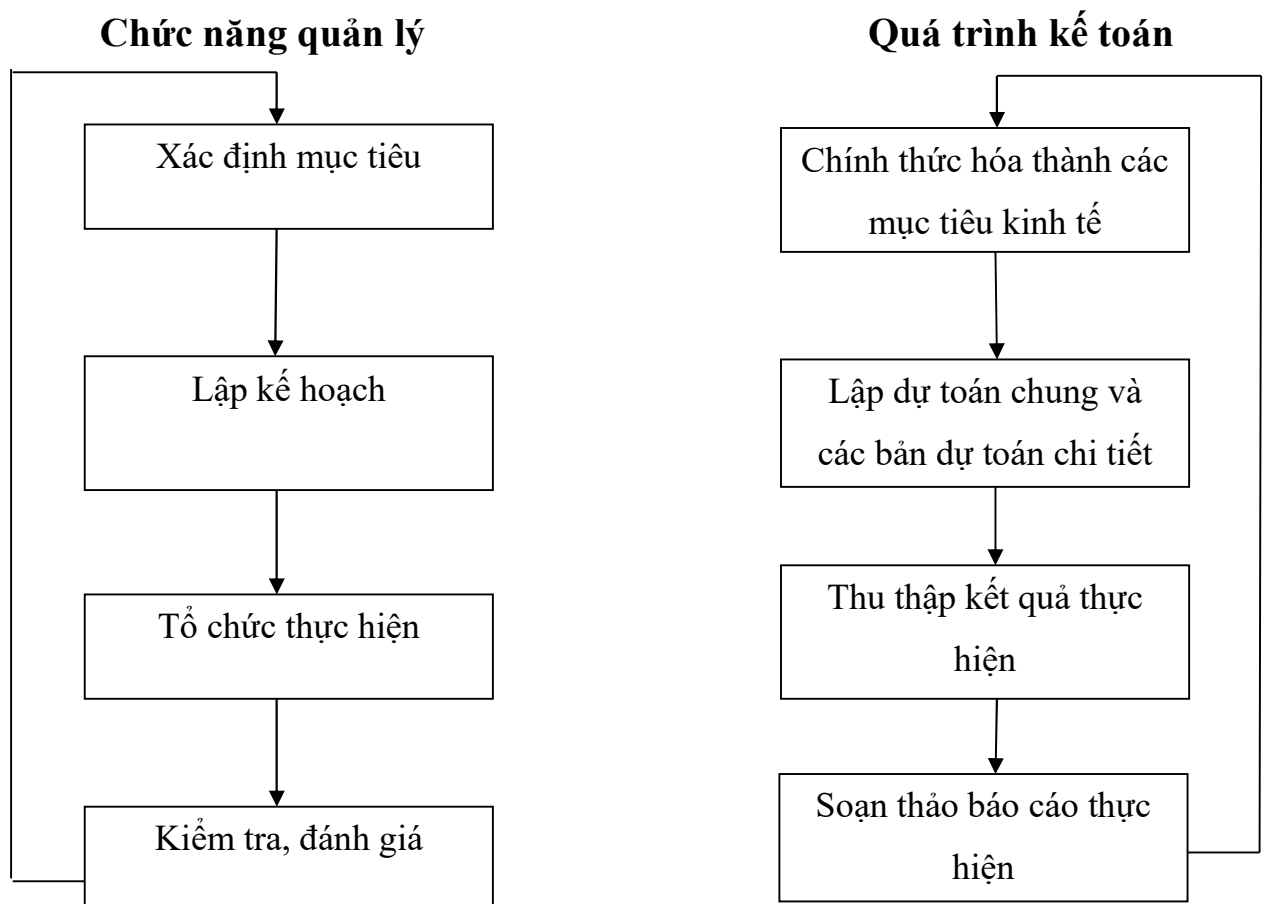
Trách nhiệm của các nhà quản trị trong doanh nghiệp là điều hành và quản lý các mặt hoạt động của DN. Nhiệm vụ cơ bản của nhà QTDN là ra các quyết định nhằm đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Các chức năng cơ bản của QTDN đều xoay quanh vấn đề “ra quyết định”. Chức năng cơ bản của quản lý được khái quát ở sơ đồ 1.1



Sơ đồ 1.1. Các chức năng cơ bản của quản lý

Qua sơ đồ này, có thể thấy sự liên tục của hoạt động quản lý từ khâu lập kế hoạch đến thực hiện, kiểm tra, đánh giá rồi sau đó quay lại khâu lập kế hoạch cho kỳ sau, tất cả đều xoay quanh trục ra quyết định.

Các khâu, các giai đoạn của quá trình quản lý và quá trình KTQT có mối quan hệ mật thiết với nhau, thể hiện trong sơ đồ 1.2



Sơ đồ 1.2: Mối quan hệ giữa các chức năng quản lý và quá trình kế toán quản trị

Mối quan hệ giữa chức năng quản lý và quá trình kế toán thể hiện sự gắn kết chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau. Các bước trong chức năng quản lý như xác định mục tiêu, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá được cụ thể hóa thông qua quá trình kế toán bằng việc lượng hóa mục tiêu, lập dự toán, thu thập số liệu và lập báo cáo thực hiện. Như vậy, kế toán không chỉ phản ánh mà còn cung cấp thông tin giúp nhà quản lý kiểm soát và điều chỉnh hoạt động, đảm bảo đạt được mục tiêu đã đề ra.

1.1.3. Nội dung của kế toán quản trị doanh nghiệp

Kế toán quản trị có những nội dung cơ bản sau đây:

Một, căn cứ vào nội dung các thông tin mà kế toán quản trị cung cấp, có thể khái quát kế toán quản trị doanh nghiệp bao gồm:

Kế toán quản trị các yếu tố SXKD (mua sắm, sử dụng đối tượng lao động – hàng tồn kho; Tư liệu lao động – tài sản cố định; tuyển dụng và sử dụng lao động – lao động và tiền lương...).

Kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm (nhận diện, phân loại chi phí, giá thành; lập dự toán chi phí; tập hợp, tính toán, phân bổ chi phí giá thành; Lập báo cáo phân tích chi phí theo bộ phận, theo các tình huống quyết định..).

Kế toán quản trị doanh thu và kết quả kinh doanh (phân loại doanh thu; Xác định giá bán, lập dự toán doanh thu; Tính toán, hạch toán chi tiết doanh thu, phân bổ chi phí chung, xác định kết quả chi tiết; lập báo cáo phân tích kết quả chi tiết theo bộ phận, theo các tình huống ra quyết định...).

Kế toán quản trị các khoản nợ.

Kế toán quản trị về các hoạt động đầu tư tài chính.

Kế toán quản trị các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Hai là, xét theo quá trình kế toán quản trị trong mối quan hệ với chức năng quản lý, nội dung của KTQT bao gồm:

Chính thức hóa các mục tiêu của đơn vị thành các chỉ tiêu kinh tế.

Lập dự toán chung và các dự toán chi tiết.

Thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về kết quả thực hiện các mục tiêu.

Soạn thảo các báo cáo kế toán quản trị.

Thông tin do kế toán quản trị cung cấp không chỉ bao gồm số liệu quá khứ hay kết quả đã thực hiện mà còn có cả các thông tin dự báo tương lai như kế hoạch, dự toán. Trong đó, các thông tin dự báo giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với hoạt động quản trị. Vì vậy, kế toán quản trị thường được xem là kế toán hướng tới tương lai và mang tính phân tích, bởi nó không chỉ dựa trên số liệu đã ghi nhận mà còn cung cấp thông tin phục vụ trực tiếp cho việc ra quyết định của nhà quản lý.

Việc thu thập thông tin quá khứ được thực hiện dựa trên các chứng từ, tài khoản và sổ kế toán quản trị phù hợp với yêu cầu cung cấp thông tin. Tuy

nhien, các dữ liệu này không thể sử dụng ngay mà cần được kế toán quản trị xử lý, phân tích để chuyển thành thông tin hữu ích. Trên cơ sở đó, kế toán quản trị sẽ chọn lọc những nội dung cần thiết, trình bày một cách rõ ràng, dễ hiểu và giải thích kết quả phân tích nhằm hỗ trợ nhà quản trị trong việc ra quyết định.

Xây dựng các định mức chi phí chuẩn, hệ thống dự toán ngân sách khoa học, kế hoạch phù hợp trong một kỳ xác định

1.2. Nội dung cơ bản của kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp sản xuất.

Kế toán quản trị chi phí về cơ bản phát triển từ kế toán chi phí trong kế toán tài chính, vì vậy vẫn bao gồm các nội dung như nhận diện, thu thập, phân loại chi phí và tính giá thành sản phẩm. Đây được xem là cơ sở dữ liệu quan trọng để phục vụ cho việc xây dựng các kế hoạch và dự toán trong doanh nghiệp.

Ngoài ra, kế toán quản trị chi phí còn tập trung phân tích sâu mối quan hệ giữa chi phí, doanh thu và lợi nhuận, từ đó cung cấp thông tin hữu ích cho nhà quản trị trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động và đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp..

Nội dung cơ bản của kế toán quản trị chi phí bao gồm:

- Nhận diện, phân loại chi phí sản xuất.
- Xây dựng định mức và lập dự toán chi phí trong DN.
- Tổ chức thu thập thông tin thực hiện về chi phí sản xuất kinh doanh và tính chi phí đơn vị để phục vụ yêu cầu quản trị doanh nghiệp.
- Xử lý, phân tích thông tin về chi phí sản xuất kinh doanh phục vụ cho việc ra quyết định tại các DN.
- Sử dụng thông tin chi phí sản xuất kinh doanh cho mục đích ra quyết định.

1.2.1. Phân loại chi phí trong doanh nghiệp sản xuất

Chi phí được xem là một trong những yếu tố cốt lõi trong quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nó tác động trực tiếp đến lợi

nhuận, quy mô tài sản cũng như khả năng duy trì và phát triển lâu dài của doanh nghiệp. Do đó, việc hiểu đúng và đầy đủ bản chất của chi phí có ý nghĩa quan trọng, giúp nhà quản trị đưa ra các quyết định phù hợp và hiệu quả.

Kế toán quản trị chi phí nhằm cung cấp thông tin về chi phí một cách kịp thời, chính xác và phù hợp để hỗ trợ nhà quản lý trong việc ra quyết định. Vì vậy, trong kế toán quản trị chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí không chỉ được ghi nhận như trong kế toán tài chính mà còn được phân tích, đánh giá và khai thác dưới góc độ phục vụ quản trị. Trên cơ sở đó, chi phí được phân loại theo nhiều tiêu thức khác nhau để đáp ứng yêu cầu quản lý.

1.2.1.1. Phân loại chi phí theo mức độ hoạt động

Dựa vào chức năng hoạt động của chi phí thì chi phí được phân thành 2 loại: Chi phí sản xuất và chi phí ngoài sản xuất.

Chi phí sản xuất

Đây là giai đoạn chế biến toàn bộ nguyên vật liệu thành thành phẩm bằng sức lao động của công nhân kết hợp với việc sử dụng máy móc thiết bị. Chi phí sản xuất bao gồm ba khoản mục: chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: bao gồm các loại nguyên liệu và vật liệu xuất dùng trực tiếp dùng cho việc chế tạo sản phẩm. Trong đó, nguyên vật liệu chính dùng để cấu tạo nên thực thể chính của sản phẩm và các loại vật liệu phụ khác có tác dụng kết hợp với nguyên vật liệu chính để hoàn chỉnh sản phẩm về mặt chất lượng và hình dáng.

Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm tiền lương phải trả cho bộ phận công nhân trực tiếp tham gia sản xuất sản phẩm và những khoản trích theo lương của họ được tính vào chi phí. Cần phải chú ý rằng, chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận công nhân phục vụ hoạt động chung của bộ phận sản xuất hoặc nhân viên quản lý các bộ phận sản xuất thì không bao gồm trong khoản mục chi phí này mà được tính là một phần của khoản mục chi phí sản xuất chung.

Chi phí sản xuất chung: là các chi phí phát sinh trong phạm vi các phân xưởng để phục vụ hoặc quản lý quá trình sản xuất sản phẩm. Khoản mục chi phí này bao gồm: chi phí vật liệu phục vụ quá trình sản xuất hoặc quản lý sản xuất, tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý phân xưởng, chi phí khấu hao, sửa chữa và bảo trì máy móc thiết bị, nhà xưởng, chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ sản xuất và quản lý ở phân xưởng, v.v..

Chi phí ngoài sản xuất

Các chi phí phát sinh ngoài quá trình sản xuất sản phẩm liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm hoặc phục vụ công tác quản lý chung toàn doanh nghiệp. Chi phí ngoài sản xuất bao gồm hai khoản mục: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng: là các chi phí phát sinh phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm. Có thể kể đến các chi phí như chi phí vận chuyển, bốc dỡ thành phẩm giao cho khách hàng, chi phí bao bì, khấu hao các phương tiện vận chuyển, tiền lương nhân viên bán hàng, hoa hồng bán hàng, chi phí tiếp thị quảng cáo, v.v..

Chi phí quản lý doanh nghiệp: bao gồm tất cả các chi phí phục vụ cho công tác tổ chức và quản lý quá trình sản xuất kinh doanh nói chung trên góc độ toàn doanh nghiệp. Khoản mục này bao gồm các chi phí như: chi phí văn phòng, tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý doanh nghiệp, khấu hao tài sản cố định của doanh nghiệp, các chi phí dịch vụ mua ngoài khác, v.v.

1.2.1.2. Phân loại chi phí theo mối quan hệ của chi phí với các khoản mục trên báo cáo tình hình tài chính và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Theo cách phân loại này thì toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh được chia thành: chi phí sản xuất và chi phí thời kỳ.

Chi phí sản phẩm

Chi phí sản phẩm là những khoản chi phí gắn liền với quá trình sản xuất sản phẩm hay quá trình mua hàng hóa, dịch vụ để bán. Chi phí sản phẩm bao gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí

sản xuất chung. Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại dịch vụ thì chi phí này là giá vốn của hàng mua, dịch vụ mua bao gồm giá mua hàng hóa dịch vụ và chi phí khâu thu mua. Khi bán hàng, những chi phí này sẽ trở thành giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đó.

Chi phí thời kỳ

Chi phí thời kỳ: là những chi phí cho hoạt động kinh doanh trong khi, không tạo nên giá trị của hàng tồn kho – tài sản,...nên chúng không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán, mà được tham gia xác định kết quả kinh doanh ngay trong kỳ chúng phát sinh, có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận trong kỳ đó. Chi phí thời kỳ bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Ví dụ: tiền hoa hồng bán hàng, chi phí quảng cáo tiếp thị, tiền thuê văn phòng, chi phí hành chính...

1.2.1.3. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo khả năng quy nạp chi phí vào các đối tượng kế toán chi phí

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất kinh doanh được chia thành 2 loại: Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp

Chi phí trực tiếp

Chi phí trực tiếp: Là những chi phí liên quan trực tiếp đến từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí (như từng loại sản phẩm, công việc, hoạt động, đơn đặt hàng...) chúng ta có thể được quy nạp trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí.

Chi phí gián tiếp

Chi phí gián tiếp: Là các chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí khác nhau nên không thể quy nạp trực tiếp cho từng đối tượng tập hợp chi phí được mà phải tập hợp theo từng nơi phát sinh chi phí khi chúng phát sinh, sau đó quy nạp cho từng đối tượng theo phương pháp phân bổ gián tiếp.

1.2.1.4. Phân loại theo mối quan hệ giữa chi phí với mức độ hoạt động

Dựa trên cách phân loại này, toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh được chia thành có thể chia làm 3 loại bao gồm:

Biến phí

Biến phí (hay còn gọi là chi phí khả biến, chi phí biến đổi): là những chi phí thay đổi về tổng số khi có sự thay đổi mức hoạt động của doanh nghiệp. Mức độ hoạt động có thể là số lượng sản phẩm sản xuất, số lượng sản phẩm tiêu thụ, số giờ máy hoạt động, doanh thu bán hàng thực hiện,...

Định phí

Định phí (Chi phí cố định): là những chi phí mà về tổng số không thay đổi khi có sự thay đổi về mức độ hoạt động của đơn vị. Nếu xét tổng chi phí thì định phí không thay đổi, ngược lại nếu xét định phí trên một đơn vị khối lượng hoạt động thì tỷ lệ nghịch với mức độ hoạt động. Như vậy, dù doanh nghiệp có hoạt động hay không thì vẫn tồn tại định phí, ngược lại, khi doanh nghiệp gia tăng mức độ hoạt động thì định phí trên một đơn vị hoạt động sẽ giảm dần.

Chi phí hỗn hợp

Chi phí hỗn hợp là: những chi phí mà cấu thành nên nó bao gồm cả yếu tố của định phí và biến phí. Trong các doanh nghiệp một phần của chi phí vẫn giữ nguyên dù sản lượng thay đổi, trong khi phần còn lại tăng hoặc giảm theo mức độ hoạt động.

1.2.1.5. Phân loại chi phí theo thẩm quyền ra quyết định

Theo cách phân loại này, chi phí được phân biệt thành hai loại là chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được.

Chi phí kiểm soát được

Chi phí kiểm soát được: thường khi nói đến khía cạnh quản lý chi phí bao giờ cũng gắn liền với một cấp quản lý nhất định, khoản chi phí mà ở một cấp quản lý nào đó có quyền ra quyết định để chi phối nó thì được gọi là chi phí kiểm soát được (ở cấp quản lý đó).

Chi phí không kiểm soát được

Chi phí không kiểm soát thường thuộc hai dạng: các khoản chi phí phát sinh ở ngoài phạm vi quản lý của bộ phận (chẳng hạn các chi phí phát sinh ở các bộ phận sản xuất hoặc thu mua là chi phí không kiểm soát được đối với

người quản lý bộ phận bán hàng), hoặc là các khoản chi phí phát sinh thuộc phạm vi hoạt động của bộ phận nhưng thuộc quyền chi phối và kiểm soát từ cấp quản lý cao hơn

Việc xác định chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được có ý nghĩa quan trọng đối với các nhà quản trị thuộc từng cấp quản lý trong doanh nghiệp, giúp họ hoạch định được dự toán chi phí đúng đắn hơn, hạn chế sự bị động về việc huy động nguồn lực để đảm bảo cho các khoản chi phí.

1.2.1.6. Phân loại chi phí sử dụng trong lựa chọn các phương án

Trong việc lựa chọn các phương án, chi phí có thể phân thành 3 loại bao gồm chi phí chìm, chi phí chênh lệch và chi phí cơ hội.

Chi phí chìm

Chi phí chìm: là những chi phí đã phát sinh, nó có trong tất cả các phương án kinh doanh được đưa ra xem xét lựa chọn. Đây là những khoản chi phí mà nhà quản trị phải chấp nhận không có sự lựa chọn. Ví dụ chi phí khấu hao tài sản cố định là chi phí chìm khi xem xét các phương án kinh doanh có liên quan đến sản phẩm, dịch vụ được sản xuất thông qua việc sử dụng tài sản cố định đó. Dù nhà quản trị có đưa ra quyết định thực hiện phương án kinh doanh nào thì chi phí chìm cũng hiện diện, do vậy nhà quản trị không cần xét đến nó khi xem xét đưa ra quyết định lựa chọn phương án tối ưu.

Chi phí chênh lệch

Chi phí chênh lệch: là những khoản chi phí có ở phương án sản xuất kinh doanh này nhưng không có hoặc chỉ có một phần ở phương án kinh doanh khác. Chi phí chênh lệch giúp nhà quản trị thấy được sự khác biệt về chi phí và lợi nhuận trong các phương án kinh doanh, là thông tin thích hợp cho việc xem xét, lựa chọn phương án tốt hơn.

Chi phí cơ hội

Chi phí cơ hội: những thu nhập tiềm tàng bị mất đi khi lựa chọn thực hiện phương án này thay cho phương án khác. Chi phí cơ hội là một yếu tố đòi hỏi luôn phải được tính đến trong mọi quyết định của quản lý.

1.2.2. Các phương pháp xác định chi phí sản phẩm, dịch vụ

Để cung cấp thông tin hữu ích cho các nhà quản trị, doanh nghiệp cần phải lựa chọn phương pháp xác định chi phí một cách khoa học, hiện đại và phù hợp với đặc điểm hoạt động của mình. Việc này nhằm đảm bảo cung cấp thông tin chi phí chính xác, phục vụ cho công tác tính giá thành và xây dựng giá bán hiệu quả. Đồng thời, để phân bổ chi phí đầy đủ và hợp lý, doanh nghiệp cần áp dụng phương pháp kế toán phù hợp với điều kiện thực tế, qua đó cung cấp thông tin tin cậy hỗ trợ nhà quản trị trong quá trình ra quyết định. Những phương pháp xác định chi phí phổ biến hiện nay bao gồm: phương pháp chi phí thực tế, phương pháp chi phí dựa trên hoạt động (ABC) và phương pháp chi phí mục tiêu.

1.2.2.1. Phương pháp chi phí thực tế

Đây là phương pháp này phân bổ chi phí sản xuất chung dựa trên một tỷ lệ chi phí chung xác định trước, với tiêu thức phân bổ thường là số giờ máy hoạt động, chi phí nhân công trực tiếp, số lượng sản phẩm sản xuất.

Trong những trường hợp phù hợp, việc áp dụng phương pháp này có thể giúp xác định giá thành tương đối chính xác. Tuy nhiên, khi doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm khác nhau, độ chính xác và tính khách quan của giá thành sẽ bị hạn chế. Nguyên nhân là do chi phí sản xuất chung bao gồm nhiều khoản chi phí gián tiếp, dẫn đến việc phân bổ không phản ánh đúng mức tiêu hao thực tế của từng sản phẩm. Hơn nữa, chi phí này được phân bổ theo một tỷ lệ định trước dựa trên các tiêu thức như giờ công lao động trực tiếp, giờ máy hoặc doanh thu, nên khó đảm bảo độ chính xác cao.

Vì vậy, phương pháp này chủ yếu được sử dụng trong kế toán tài chính. Trong khi đó, kế toán quản trị chi phí sẽ dựa trên các thông tin này để tiến hành phân tích, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch cũng như dự toán chi phí cho các kỳ tiếp theo.

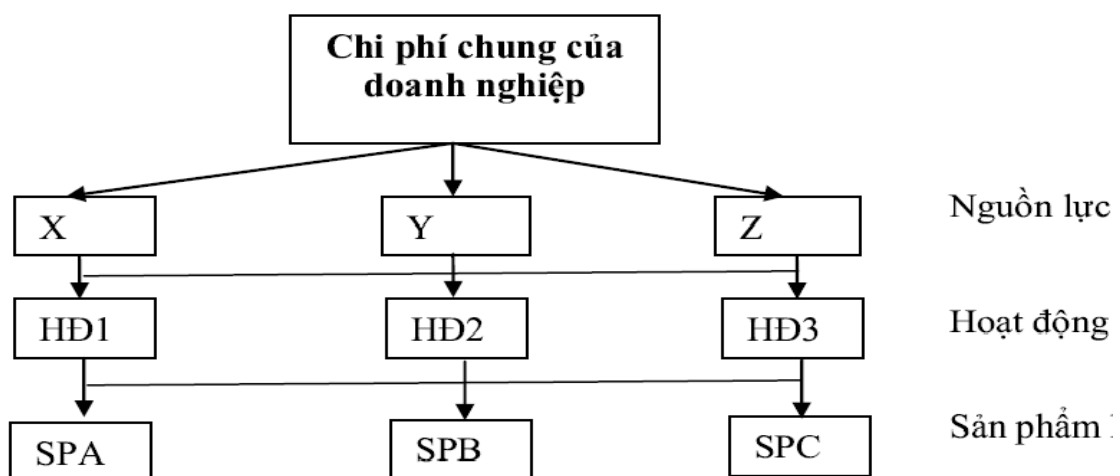
1.2.2.2. Phương pháp xác định chi phí theo hoạt động (ABC)

Phương pháp tính chi phí dựa trên hoạt động (activity-based costing – ABC) là phương pháp chia nhỏ và xác định toàn bộ chi phí cho từng dòng

sản phẩm hoặc dòng khách hàng thông qua các hoạt động làm cơ sở phân bổ chi phí.

Theo cách truyền thống, chi phí SXC được phân bổ dựa trên một tiêu thức. Tuy nhiên, đối với các đơn vị có xu hướng CPSXC ngày càng chiếm tỷ trọng lớn, mà chủ yếu là chi phí cố định, thì tiêu thức lựa chọn như trên không còn phù hợp. Hơn nữa, việc chỉ dựa trên một cơ sở phân bổ cho tất cả các khoản CPSXC có được điểm tiêu hao khác nhau dẫn đến việc phân bổ không chính xác. Từ đó dẫn đến thông tin giá thành sản phẩm không chính xác, không đem lại hiệu quả trong việc định giá bán sản phẩm cạnh tranh. Vì vậy, cần có nhiều tiêu thức phân bổ chi phí cho nhiều loại chi phí khác nhau. Phương pháp xác định chi phí hoạt động trên cơ sở thời gian còn gọi là phương pháp ABC ra đời.

Phương pháp chi phí dựa trên hoạt động là quá trình phân bổ chi phí một cách đầy đủ tới sản phẩm hoặc đối tượng chịu chi phí cuối cùng. Phương pháp này cho phép chi phí được phân bổ tới sản phẩm dựa trên những hoạt động thực tế và nguồn lực được tiêu dùng trong sản xuất, bán hàng... Phương pháp ABC quan tâm đến tất cả các khoản chi phí của doanh nghiệp, trong khi đó phương pháp chi phí thực tế thường không quan tâm đến những chi phí ngoài sản xuất như: Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí nghiên cứu và phát triển.



Sơ đồ 1.3: Kế toán chi phí dựa trên hoạt động (ABC)

Phương pháp ABC dựa trên cơ sở là các hoạt động đã hoàn thành (sản xuất sản phẩm, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hoạt động sửa chữa máy móc...) của DN để xác định chi phí. Do vậy DN cần tập hợp các chi phí phát sinh theo từng hoạt động, sau đó phân bổ cho từng đối tượng tính giá thành theo tiêu thức hợp lý. Giá thành sản phẩm theo phương pháp ABC bao gồm cả chi phí sản xuất kinh doanh và các chi phí gián tiếp như chi phí bán hàng, chi phí quản lý. Phương pháp ABC sử dụng một hệ thống các tiêu thức phân bổ được xây dựng trên cơ sở phân tích chi tiết mối quan hệ nhân quả giữa chi phí phát sinh cho từng hoạt động và mức độ tham gia của từng hoạt động vào quá trình sản xuất kinh doanh, không sử dụng một tiêu thức phân bổ như phương pháp truyền thống. Vì vậy, phương pháp này sẽ cung cấp thông tin giá thành chính xác và hợp lý hơn so với phương pháp kế toán chi phí truyền thống, giúp các nhà quản trị đưa ra những quyết định chính xác, có hiệu quả cao.

Để tính giá thành sản phẩm theo ABC, trước tiên phải xác định được các hoạt động tạo ra sản phẩm đó. Trong quá trình sản xuất, một hoạt động có thể tham gia sản xuất nhiều loại sản phẩm vì thế cần phân bổ chi phí của hoạt động đó cho các sản phẩm. ABC phân bổ chi phí từ các hoạt động vào giá thành sản phẩm theo mức độ tiêu dùng hoạt động của sản phẩm. Dựa vào tiêu thức phân bổ chi phí hoạt động, ABC xác định mức phân bổ chi phí hoạt động đến các sản phẩm, dịch vụ theo công thức:

$$\text{Mức phân bổ chi phí hoạt động } i = \frac{\text{Chi phí hoạt động } i}{\text{Tổng số tiêu thức phân bổ của hoạt động } i}$$

Dựa vào mức tiêu dùng hoạt động thực tế sản xuất sản phẩm và mức phân bổ chi phí của từng hoạt động để tính ra chi phí của một hoạt động được phân bổ vào giá thành.

$$\begin{array}{llll} \text{Chi phí của hoạt} & & \text{Mức phân} & \text{Số lượng tiêu thức} \\ \text{động } i \text{ phân bổ} & = & \text{bổ chi phí} & \text{phân bổ của hoạt động } i \\ \text{cho sản phẩm J} & & \text{hoạt động } i & \text{tính cho sản phẩm J} \end{array} \quad \times$$

Giá thành sản phẩm được xác định bằng cách tổng cộng chi phí của tất cả các hoạt động phân bổ cho sản phẩm. Có bao nhiêu hoạt động sẽ có bấy nhiêu tiêu thức phân bổ. Phương pháp ABC sử dụng nhiều tiêu thức phân bổ như trên, đem lại độ chính xác cao nhưng cũng tốn kém chi phí hơn so với các phương pháp truyền thống vì phải đầu tư thời gian, thiết bị và nhân lực để đo lường các tác nhân chi phí hoạt động.

Mặc dù phương pháp chi phí theo hoạt động có nhiều ưu điểm vượt trội so với các phương pháp xác định chi phí truyền thống song trên thực tế việc triển khai theo mô hình ABC gặp không ít khó khăn. Các doanh nghiệp sử dụng ABC đều gặp khó khăn như: mô hình ABC khó áp dụng trên toàn DN, không phù hợp với DN, sử dụng mô hình gây tốn kém, lãng phí chi phí, trình độ quản lý cũng như cơ sở vật chất không đảm bảo cho việc ứng dụng mô hình ABC.

1.2.2.3. Phương pháp chi phí mục tiêu

Kế toán chi phí mục tiêu (Target Costing) là một phương pháp quản trị chi phí được sử dụng phổ biến trong các doanh nghiệp sản xuất nhằm kiểm soát chi phí ngay từ giai đoạn thiết kế sản phẩm, đảm bảo doanh nghiệp đạt được mức lợi nhuận kỳ vọng trong môi trường cạnh tranh về giá

Thực chất, đây là phương pháp lập kế hoạch lợi nhuận và quản trị chi phí áp dụng chủ yếu cho những sản phẩm có quy trình sản xuất riêng biệt. Mục tiêu của phương pháp này là tập trung vào lập kế hoạch CPSX sản phẩm trong giai đoạn nghiên cứu thiết kế và triển khai hơn là nỗ lực cắt giảm chi phí trong giai đoạn sản xuất. Vì thế phương pháp này bắt đầu bằng việc xác định chi phí tối đa đối với một sản phẩm mới rồi sau đó tiến hành triển khai thiết kế mô hình sản xuất sản phẩm mẫu có khả năng tối đa hóa lợi nhuận trong phạm vi chi phí tối đa cho phép.

Phương pháp chi phí mục tiêu được áp dụng ở nhiều các doanh nghiệp sản xuất hàng công nghệ cao của Nhật Bản như Nissan, Toyota, Matsushita... nhằm cắt giảm chi phí, tăng khả năng cạnh tranh với đối thủ.

Điểm khác biệt giữa phương pháp chi phí mục tiêu và phương pháp chi phí truyền thống là việc xác lập chi phí mục tiêu không chỉ quan tâm đến điều kiện sản xuất mà còn chú ý đến cả lợi nhuận mục tiêu. Chi phí mục tiêu được xem là giới hạn chi phí để đạt được hiệu quả sản xuất mong muốn. Sau khi xác định được chi phí mục tiêu, nhà quản trị phải tổ chức quản trị chi phí theo từng giai đoạn của quy trình sản xuất từ khâu thiết kế đến khâu sản xuất, từ khâu kế hoạch đến khâu tổ chức thực hiện, làm sao cho chi phí thực tế không vượt quá chi phí mục tiêu.

Có thể thấy, đối với kế toán quản trị chi phí trong giai đoạn nghiên cứu, thiết kế triển khai sản phẩm, phương pháp chi phí mục tiêu là phương pháp phù hợp và có thể đem lại hiệu quả tốt nhất.

1.2.3. Xây dựng định mức và lập dự toán chi phí trong doanh nghiệp.

1.2.3.1. Xây dựng định mức chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp.

a) Khái niệm

Định mức chi phí (Standard cost) là chi phí dự tính cho việc sản xuất một sản phẩm hoặc cung cấp dịch vụ. Khi chi phí định mức tính cho toàn bộ số lượng sản phẩm sản xuất hay dịch vụ cung cấp thì chi phí định mức được gọi là chi phí dự toán.

Chi phí định mức được sử dụng như là thước đo trong hệ thống dự toán của doanh nghiệp. Khi một doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm, kế toán quản trị sẽ sử dụng chi phí định mức để xác định tổng chi phí dự toán để sản xuất sản phẩm.

Sau khi quá trình sản xuất được tiến hành, kế toán quản trị sẽ so sánh giữa chi phí thực tế và dự toán để xác định sự biến động về chi phí. Đây chính là cơ sở để kiểm soát chi phí.

Chi phí định mức còn là cơ sở cho việc lập dự toán vốn bằng tiền và hàng tồn kho, bởi vì dựa vào định mức, kế toán quản trị tính được lượng tiền cần cho việc mua nguyên vật liệu, trả lương cho người lao động cũng như

lượng vật liệu cần dự trữ cho quá trình sản xuất, từ đó có chính sách đặt hàng hợp lý.

Chi phí định mức cũng giúp cho quá trình thực hiện kế toán trách nhiệm, vì chi phí định mức là một trong các thước đo để đánh giá thành quả của các trung tâm trách nhiệm, nhất là trung tâm chi phí.

b) Xây dựng định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Để xây dựng định mức chi phí nguyên vật liệu, kế toán quản trị thường xây dựng riêng định mức về lượng và định mức về giá. Định mức giá cho một nguyên liệu trực tiếp phản ánh cuối cùng của một đơn vị nguyên liệu trực tiếp sau khi đã trừ đi mọi khoản chiết khấu.

Định mức lượng của một đơn vị sản phẩm về nguyên liệu trực tiếp phản ánh số lượng nguyên liệu tiêu hao trong một đơn vị thành phẩm, trong điều kiện lý tưởng cộng với lượng vật liệu tính cho sản phẩm hỏng.

Sau khi xây dựng định mức về lượng và giá vật liệu trực tiếp, định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được tổng hợp thành định mức chi phí của một đơn vị sản phẩm và được xác định bằng công thức sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Định mức chi phí} & & \text{Tổng biến phí} & & \text{Tổng định phí} \\ \text{sản xuất chung} & = & \text{sản xuất chung} & + & \text{sản xuất chung} \\ \text{trong kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{trong kỳ} \end{array}$$

Định mức chi phí lao động trực tiếp cũng bao gồm định mức về giá của một đơn vị thời gian lao động trực tiếp với định mức lượng thời gian cần để hoàn thành một đơn vị sản phẩm.

Định mức về giá giờ công lao động không chỉ bao gồm tiền lương, các khoản phụ cấp mà còn các khoản trích theo lương của người lao động như BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn và các khoản phụ cấp lương, thuế lao động của lao động trực tiếp. Như vậy, định mức về giá giờ công lao động có thể được xác định như sau:

$$\begin{array}{ll} \text{Tiền lương cơ bản một giờ công} & : \text{XXX} \\ \text{Phụ cấp (nếu có)} & : \text{XXX} \\ \text{Các khoản trích theo lương} & : \text{XXX} \end{array}$$

Định mức đơn giá giờ công : XXX

Nhiều doanh nghiệp xây dựng đơn giá giờ công chung cho tất cả người lao động trong một bộ phận ngay cả đơn giá tiền lương của người lao động phụ thuộc vào kỹ năng và thời gian công tác. Điều này được chấp nhận để đơn giản hóa quá trình xây dựng định mức và sử dụng định mức lao động trực tiếp, đồng thời nó cũng giúp nhà quản trị giám sát được việc sử dụng lao động trong các đơn vị.

c) Định mức về lượng bao gồm lượng thời gian cần thiết để sản xuất một sản phẩm.

Để xác định thời gian cần thiết cho việc sản xuất một sản phẩm, người ta chia quá trình sản xuất thành các công đoạn, xác định thời gian định mức cho mỗi công đoạn và thời gian định mức cho việc sản xuất sản phẩm được tính bằng tổng thời gian để thực hiện các công đoạn. Một cách khác, có thể xác định thời gian định mức để sản xuất sản phẩm thông qua việc bấm giờ từng công đoạn sản xuất của bộ phận sản xuất thử. Cần lưu ý rằng, thời gian định mức để sản xuất sản phẩm còn bao gồm thời gian nghỉ giải lao, thời gian lau chùi máy móc và thời gian bảo trì máy. Định mức về lượng thời gian để sản xuất một sản phẩm có thể được xác định:

Thời gian cơ bản để sản xuất một sản phẩm: XXX

Thời gian nghỉ ngơi và thời gian dành cho nhu cầu cá nhân: XXX

Thời gian lau chùi máy và thời gian ngừng việc : XXX

Định mức về lượng thời gian để sản xuất một sản phẩm: XXX

Sau khi xây dựng được định mức về lượng và giá giờ công, định mức chi phí nhân công trực tiếp được xác định bằng định mức lượng thời gian để sản xuất một sản phẩm nhân định mức giá giờ công.

Định mức CP	Định mức giá	Định mức lượng
NVL cho 1 đơn	= nguyên vật	x nguyên nguyên
vị sản phẩm	liệu	vật liệu

Định mức biến phí sản xuất chung cũng được xây dựng theo định mức giá và định mức lượng thời gian cho phép. Định mức giá phản ánh biến phí

của đơn giá chi phí sản xuất chung phân bổ. Định mức thời gian phản ánh số giờ của hoạt động được chọn làm căn cứ phân bổ chi phí sản xuất chung cho một đơn vị sản phẩm.

d) Định mức định phí sản xuất chung

Định mức định phí sản xuất chung cũng được xây dựng tương tự như ở phần biến phí, sở dĩ được tách riêng là nhằm giúp cho quá trình phân tích chi phí sản xuất chung sau này. Do bản chất tác động của chi phí khác nhau nên khi phân tích cũng khác nhau dù các phương pháp xác định biến phí và định phí sản xuất chung tương tự như nhau, đều dựa trên đơn giá sản xuất chung phân bổ và số giờ được chọn làm căn cứ phân bổ chi phí sản xuất chung.

Tổng hợp các định mức chi phí sản xuất

Sau khi xây dựng các định mức tiêu chuẩn cho từng loại chi phí, ta lập bảng các định mức chi phí. Số liệu tổng hợp được là định mức tiêu chuẩn để sản xuất một sản phẩm Y, là cơ sở của việc lập dự toán chi phí và là căn cứ để kiểm soát, điều hành và phân tích kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

Chi phí sản xuất chung thường là chi phí gián tiếp, do vậy trong quá trình xây dựng định mức cần lựa chọn tiêu chuẩn phân bổ hợp lý để phân bổ định mức chi phí chung cho từng đối tượng chịu chi phí. Tiêu chuẩn phân bổ hợp lý có thể là khối lượng sản phẩm sản xuất, tổng số giờ công lao động trực tiếp, tổng giờ máy hoặc phân bổ theo chi phí NVLTT.

Công thức xác định:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Định mức chi phí} & & \text{Tổng biến phí} & & \text{Tổng định phí} \\ \text{sản xuất chung} & = & \text{sản xuất chung} & + & \text{sản xuất chung} \\ \text{trong kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{trong kỳ} \end{array}$$

Xây dựng định mức chi phí có vai trò rất quan trọng trong hoạt động kinh doanh của DN. Là cơ sở để doanh nghiệp lập dự toán hoạt động đồng thời giúp cho các nhà quản lý kiểm soát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vì chi phí định mức là tiêu chuẩn, cơ sở để đánh giá.

1.2.3.2 Xây dựng dự toán chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất.

Dự toán là những dự kiến chi tiết về tình hình huy động và sử dụng các nguồn lực dựa trên mục tiêu kế hoạch xác định trong từng thời gian cụ thể và được biểu diễn một cách có hệ thống thông qua các biểu mẫu và thước đo khác nhau.

Dự toán có ý nghĩa quan trọng trong bất kỳ tổ chức hoạt động nào bởi vì nó cung cấp thông tin có hệ thống về toàn bộ kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ tới; Dự đoán trước những khó khăn khi chúng chưa xảy ra để có phương án đối phó kịp thời và đúng đắn; Là cơ sở quan trọng để phân tích, so sánh với kết quả thực hiện, qua đó phát hiện ra nhân tố ảnh hưởng đến sự khác biệt giữa dự toán và thực tế để có các biện pháp điều chỉnh kịp thời và qua đó đánh giá định mức, dự toán xây dựng phù hợp thực tế chưa để có cơ sở xây dựng định mức mới hoàn chỉnh; Nó kết hợp toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp bằng kế hoạch của từng bộ phận khác nhau, nhờ vậy đảm bảo cho kế hoạch của từng bộ phận phù hợp với mục tiêu chung của doanh nghiệp. Như vậy, dự toán chính là cơ sở để đưa ra các quyết định tác nghiệp của nhà quản trị các cấp trong doanh nghiệp.

Dự toán chi phí thường được lập từ cấp cơ sở trở lên trong các doanh nghiệp và do các chuyên gia kỹ thuật, kế toán quản trị tại các phân xưởng, đội sản xuất kết hợp để xây dựng. Sau khi dự toán được xây dựng dựa trên cơ sở khoa học sẽ được chuyển cho bộ phận chức năng như các phòng, ban kỹ thuật thẩm định, phân tích tính khả thi của dự toán, sau đó bổ sung những mặt hạn chế để cho dự toán hoàn thiện hơn. Dự toán được chuyển cho cấp quản trị cao phê duyệt và cuối cùng chuyển tới các bộ phận cơ sở thực hiện.

Dự toán chi phí trong doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp sản xuất nói riêng bao gồm các dự toán sau:

- Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Dự toán chi phí nhân công trực tiếp
- Dự toán chi phí sản xuất chung
- Dự toán chi phí bán hàng

- Dự toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Khi xây dựng dự toán chi phí để đảm bảo có tính khả thi cao phải xây dựng trên cơ sở khoa học, muốn vậy phải dựa vào chính sách kinh tế vĩ mô của nhà nước, điều kiện thực tiễn của quá trình sản xuất kinh doanh cụ thể của từng doanh nghiệp và quan trọng là phải xây dựng được định mức chi phí tiêu chuẩn khoa học, sát thực tế có tính đến sự thay đổi của môi trường kinh doanh (như biến động giá cả, lạm phát...)

a) Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Mục tiêu là để đảm bảo cho việc cung cấp đủ, đúng chất lượng và đúng lúc cho sản xuất, giúp cho quá trình sản xuất diễn ra nhịp nhàng và đúng kế hoạch.

Nội dung lập dự toán được xây dựng dựa trên dự toán sản xuất kết hợp với định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhằm xác định nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình sản xuất. Định mức về lượng nguyên vật liệu trực tiếp cho một đơn vị sản phẩm thể hiện mức tiêu hao cần thiết để hoàn thành một sản phẩm, đồng thời đã tính đến phần hao hụt trong phạm vi cho phép. Định mức này do bộ phận sản xuất xác định, căn cứ vào mức tiêu hao nguyên vật liệu trực tiếp bình quân cho một đơn vị sản phẩm trong kỳ trước, trong điều kiện sản xuất bình thường, để làm cơ sở xây dựng.

Định mức về đơn giá nguyên vật liệu trực tiếp do bộ phận cung ứng vật tư căn cứ vào các yếu tố như: hợp đồng đã ký, thông tin thương lượng giá với nhà cung cấp thường xuyên, biến động giá thị trường, dự báo về biến động giá trong thời gian tới để xác định. Chi phí NVL trực tiếp bị ảnh hưởng bởi nhân tố sản lượng sản phẩm cần sản xuất, số lượng NVL tiêu hao cho 1 đơn vị sản phẩm và đơn giá NVL xuất dùng. Như vậy khối lượng sản phẩm cần sản xuất càng cao thì chi phí NVL trực tiếp càng lớn và ngược lại. Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được xác định theo công thức sau:

<i>Dự toán Chi</i>	<i>Sản lượng</i>	<i>Định mức</i>	<i>Định mức giá</i>
<i>phí NVL =</i>	<i>SP cần</i>	<i>NVL tiêu</i>	<i>cho 1 đơn vị</i>
<i>trực tiếp</i>	<i>sản xuất</i>	<i>hao 1 đvSP</i>	<i>NVL xuất dùng</i>

b) Dự toán chi phí nhân công trực tiếp

Mục tiêu để có kế hoạch điều chỉnh lực lượng lao động thích nghi với tình hình, không làm ảnh hưởng đến sản xuất, giúp nhà quản lý có kế hoạch chủ động trong việc sử dụng lao động, sử dụng lao động có hiệu quả.

Nội dung dự toán được xây dựng trên cơ sở dự toán sản xuất kết hợp với định mức chi phí nhân công trực tiếp, nhằm xác định nhu cầu về thời gian lao động cũng như chi phí nhân công cần thiết cho quá trình sản xuất. Định mức thời gian lao động hao phí phản ánh mức độ sử dụng lao động trực tiếp, được xác định dựa trên mối quan hệ kỹ thuật giữa lao động và sản phẩm tạo ra. Để lập dự toán chi phí nhân công trực tiếp, doanh nghiệp cần căn cứ vào số lượng lao động, trình độ tay nghề, quỹ tiền lương và phương thức phân phối tiền lương để xây dựng phù hợp.

Đơn giá tiền lương, tiền công của một giờ lao động trực tiếp được xây dựng căn cứ vào thang lương, bậc lương hoặc hợp đồng lao động đã ký kết, trong đó đã bao gồm các khoản phụ cấp. Đơn giá tiền lương, tiền công tiêu chuẩn có thể tính bình quân mức lương trả cho toàn bộ công nhân trực tiếp sản xuất. Dự toán chi phí nhân công trực tiếp được xác định là Sản lượng sản phẩm cần sản xuất trong kỳ, định mức thời gian lao động tiêu hao cho 1 ĐVSP và đơn giá tiền công trên 1 đơn vị thời gian lao động trực tiếp sản xuất sản phẩm:

Dự toán chi	Sản lượng sản	Định mức	Đơn giá tiền
phí nhân công	= phẩm cần sản	thời gian lao	công trên 1
trực tiếp	xuất trong kỳ	động tiêu hao	đơn vị thời
		cho 1 ĐVSP	gian lao động

c) Dự toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí cần thiết khác phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm từ các phân xưởng, bộ phận sản xuất. Chi phí sản xuất chung gồm: Chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền.

Trong doanh nghiệp, chi phí sản xuất chung được phân thành hai loại là biến phí sản xuất chung và định phí sản xuất chung. Khi tiến hành lập dự toán, cần xác định riêng từng loại chi phí này, sau đó tổng hợp lại để xác định tổng dự toán chi phí sản xuất chung.

Đối với định phí sản xuất chung do có xu hướng ổn định giữa các kỳ nên căn cứ vào số liệu của các năm đã qua, kế toán sẽ lập dự toán cho năm kế hoạch

$$\text{Dự toán định phí SXC} = \text{Định phí SXC thực tế Kỳ trước} \times \frac{\text{Tỷ lệ tăng(giảm) định phí SXC dự kiến}}{1}$$

Dự toán biến phí sản xuất chung: Lập dự toán biến phí SXC được hiện tương tự như dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, dự toán chi phí nhân công trực tiếp.

$$\text{Dự toán biến phí SXC} = \text{Định phí biến phí SXC để sản xuất 1 ĐVSP} \times \text{Số lượng sản xuất theo dự toán}$$

Trường hợp biến phí SXC được xác định bằng một tỷ lệ trên biến phí trực tiếp thì dựa vào dự toán biến phí trực tiếp, tỷ lệ biến phí sản xuất để lập dự toán biến phí sản xuất chung.

Như vậy, dự toán về định phí sản xuất chung là tổng hợp của biến phí sản xuất chung dự toán và định phí sản xuất chung dự toán.

$$\text{Dự toán chi phí sản xuất chung} = \text{Dự toán biến phí sản xuất chung} + \text{Dự toán định phí sản xuất chung}$$

d) Dự toán chi phí quản lý kinh doanh

Dự toán bao gồm việc tính toán các khoản chi phí ước tính sẽ phát sinh trong kỳ kế hoạch ở lĩnh vực ngoài sản xuất. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là khoản mục thuộc chi phí quản lý kinh doanh vừa được tính phân bổ cho từng đơn vị sản phẩm nhưng đồng thời cũng được tính là chi phí chung cho toàn công ty. Khi lập dự toán về chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp, kế toán cần phân định rõ giữa biến phí và định phí để nhà quản trị dễ dàng tiếp cận và phân tích cho ra quyết định.

Đối với biến phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Việc lập dự toán biến phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp thường sử dụng phương pháp thống kê kinh nghiệm. Dựa trên cơ sở tỷ lệ biến phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp trên biến phí trực tiếp trong và ngoài khâu sản xuất ở các kỳ kế toán trước để xác định tỷ lệ biến phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giữa các kỳ.

Đối với định phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Đối với các yếu tố định phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bắt buộc, căn cứ vào định phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp hàng năm chia đều cho 4 quý để xác định định phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp từng quý.

Đối với các yếu tố định phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tùy ý, căn cứ vào hành động nhà quản trị xác định thời điểm chi tiêu để tính vào chi phí cho kỳ kế toán thích hợp.

1.2.4. Phân tích mối quan hệ giữa Chi Phí – Khối lượng – Lợi nhuận trong quá trình ra quyết định

Chi phí được phân loại theo mối quan hệ với mức độ hoạt động thành biến phí và định phí, qua đó giúp nhà quản trị dễ dàng nhận diện, theo dõi và kiểm soát chi phí. Việc phân loại này tạo điều kiện để doanh nghiệp tiết kiệm các khoản biến phí và khai thác hiệu quả định phí. Trên cơ sở đó, mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận được vận dụng rộng rãi trong thực tiễn, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp đưa ra các quyết định phù hợp về chi phí, sản lượng và giá bán nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Phương trình kinh tế cơ bản:

Tổng lợi nhuận được xác định theo công thức:

$$\begin{aligned}\text{Lợi nhuận} &= \text{Doanh thu} - \text{Chi phí} \\ &= \text{Doanh thu} - \text{Tổng biến phí} - \text{Tổng định phí} \\ &= (\text{Giá bán đơn vị sản phẩm} \times \text{Sản lượng}) - (\text{Biến phí đơn vị} \times \text{Sản lượng}) - \text{Tổng định phí}.\end{aligned}$$

Qua phương trình trên có thể thấy rõ mối quan hệ giữa chi phí, khối lượng và lợi nhuận. Lợi nhuận của doanh nghiệp chịu tác động bởi các yếu tố

nếu giá bán, mức lãi trên biến phí đơn vị và tổng định phí. Khi một trong các yếu tố này thay đổi sẽ kéo theo sự thay đổi của lợi nhuận, do đó nhà quản trị cần phân tích các yếu tố liên quan để lựa chọn phương án kinh doanh tối ưu, đảm bảo hiệu quả hoạt động cao nhất.

$$\text{Lãi trên biến phí} = \text{Tổng định phí} + \text{lợi nhuận}$$

Từ phương trình trên cho thấy, trong điều kiện giả định của mô hình chi phí – khối lượng – lợi nhuận, tổng định phí được xem là không thay đổi trong phạm vi mức độ hoạt động nhất định. Do đó, để tối đa hóa lợi nhuận, doanh nghiệp cần tập trung làm tăng lãi trên biến phí. Khi ấy thay đổi của lợi nhuận sẽ do sự thay đổi của lãi trên biến phí và tổng định phí:

$$\Delta \text{ Lợi nhuận} = \Delta \text{ lãi trên biến phí} - \Delta \text{ Tổng định phí}$$

Theo đó, sự biến động của lợi nhuận phụ thuộc chủ yếu vào sự thay đổi của lãi trên biến phí, trong khi định phí giữ nguyên. Điều này cho thấy việc kiểm soát biến phí, tăng doanh thu hoặc cải thiện biên lợi nhuận sẽ có vai trò quyết định trong việc nâng cao lợi nhuận của doanh nghiệp.

Phân tích điểm hòa vốn: Điểm hòa vốn là điểm mà tại đó doanh thu cân bằng với chi phí (gồm cả định phí và biến phí). Phân tích điểm hòa vốn là bước đầu của phân tích CPV. Doanh nghiệp xác định được sản lượng hòa vốn và doanh thu hòa vốn, cứ mỗi một sản phẩm bán ra sau điểm hòa vốn sẽ đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp. Từ đó nhà quản trị chủ động huy động nguồn lực để đạt được mục tiêu lợi nhuận.

Ngoài phân tích điểm hòa vốn, phân tích CPV còn cung cấp nhiều thông tin hữu ích liên quan đến sự biến động của chi phí ở các mức sản lượng khác nhau, giúp nhà quản trị đánh giá và ra quyết định hiệu quả hơn. Cụ thể, có thể xác định mức sản lượng cần thiết để đạt được lợi nhuận mong muốn, xem xét tác động của việc thay đổi chi phí biến đổi và chi phí cố định đến lợi nhuận, cũng như phân tích ảnh hưởng của việc điều chỉnh giá bán đối với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.5. Hệ thống báo cáo quản trị chi phí trong doanh nghiệp.

Báo cáo kế toán quản trị chi phí là loại báo cáo kế toán phản ánh một cách chi tiết, cụ thể tình hình chi phí của doanh nghiệp theo yêu cầu quản lý của các cấp quản trị khác nhau trong doanh nghiệp để ra các quyết định quản lý kinh doanh.

Báo cáo kế toán quản trị chi phí được lập theo yêu cầu quản lý cụ thể của nhà quản trị trong từng doanh nghiệp, nhà nước không quy định bắt buộc nhưng báo cáo kế toán quản trị có tác dụng rất quan trọng đối với nhà quản trị các cấp trong nội bộ doanh nghiệp như sau:

Cung cấp các thông tin kinh tế – tài chính cần thiết giúp nhà quản trị doanh nghiệp theo dõi, kiểm tra một cách toàn diện và có hệ thống tình hình sản xuất kinh doanh.

Cung cấp thông tin cần thiết giúp nhà quản trị doanh nghiệp phân tích các hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó đánh giá khách quan, toàn diện quá trình hoạt động, xác định chính xác kết quả và hiệu quả của từng hoạt động trong doanh nghiệp..

Là căn cứ để phát hiện những khả năng tiềm tàng về kinh tế tài chính, dự đoán tình hình sản xuất kinh doanh cũng như xu hướng vận động của doanh nghiệp.

Cung cấp tài liệu, số liệu cần thiết giúp cho các cấp quản trị khác nhau trong nội bộ doanh nghiệp trong việc lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, lập dự toán sản xuất kinh doanh của toàn doanh nghiệp.

Báo cáo kế toán quản trị là sản phẩm cuối cùng của quá trình kế toán quản trị, do đó việc tổ chức hệ thống báo cáo có ý nghĩa quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả thông tin cung cấp. Tùy theo phân cấp quản lý và yêu cầu từng chỉ tiêu, doanh nghiệp có thể linh hoạt xác định nội dung, thiết kế mẫu biểu và lựa chọn phương pháp lập báo cáo phù hợp. Khi xây dựng báo cáo kế toán quản trị chi phí phải đảm bảo những yêu cầu cơ bản sau:

Hệ thống báo cáo kế toán quản trị cần được xây dựng phù hợp với yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ quản lý nội bộ của từng doanh nghiệp cụ thể.

Kết cấu của báo cáo cần đa dạng, linh hoạt tùy thuộc vào tiêu chuẩn đánh giá thông tin trong mỗi báo cáo phục vụ cho từng tình huống cụ thể.

Các thông tin trên báo cáo được phân chia thành các chỉ tiêu phù hợp với tiêu chuẩn đánh giá thông tin trong mỗi tình huống ra quyết định và giữa các chỉ tiêu phải có quan hệ chặt chẽ lôgíc.

Nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu trên báo cáo kế toán quản trị phải được thiết kế phù hợp với các chỉ tiêu của kế hoạch, dự toán, báo cáo tài chính và phải nhất quán giữa các kỳ với nhau.

Hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí của một doanh nghiệp thường bao gồm các loại báo cáo sau:

Báo cáo dự toán là công cụ quan trọng phục vụ chức năng lập kế hoạch trong doanh nghiệp, giúp lượng hóa các mục tiêu thông qua các chỉ tiêu tài chính và hoạt động cụ thể. Ngoài việc hệ thống hóa kế hoạch, báo cáo còn là cơ sở để đánh giá kết quả thực hiện, tăng cường phối hợp thông tin nội bộ và hỗ trợ nhà quản lý trong việc ra quyết định điều hành, tài trợ. Các báo cáo dự toán thường gồm: dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Báo cáo phục vụ cho quá trình kiểm tra, đánh giá (báo cáo kiểm soát chi phí) và ra quyết định: Các báo cáo này được lập nhằm kiểm tra tình hình thực hiện chi phí, dự toán chi phí, đánh giá kết quả thực hiện của từng đơn vị nội bộ trong doanh nghiệp.

Báo cáo này có thể lập theo nhiều phương pháp khác nhau, cho nhiều đối tượng và phạm vi khác nhau, tùy theo yêu cầu quản lý cụ thể của từng doanh nghiệp mà xây dựng loại báo cáo này cho phù hợp. Một số báo cáo chủ yếu:

Báo cáo sản xuất: Báo cáo sản xuất trong doanh nghiệp có thể được lập theo nhiều phương pháp khác nhau tùy theo đối tượng và phạm vi quản lý,

như theo từng sản phẩm, công đoạn, dây chuyền, phân xưởng hoặc toàn doanh nghiệp. Tùy phương pháp tính chi phí, báo cáo có thể được lập theo phương pháp chi phí theo công việc hoặc theo quá trình sản xuất; trong đó, nếu theo quá trình sản xuất thì thường áp dụng phương pháp bình quân hoặc nhập trước – xuất trước để phản ánh chính xác chi phí sản xuất.

Báo cáo giá thành sản xuất sản phẩm: Báo cáo giá thành sản xuất sản phẩm có thể được lập cho từng loại sản phẩm, công việc, dịch vụ hay cho từng bộ phận trong phân xưởng, cho từng phân xưởng sản xuất hoặc toàn bộ doanh nghiệp. Tùy theo mục tiêu phân tích khác nhau, việc phân tích giá thành có thể được thiết kế theo các mẫu biểu khác nhau.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: Báo cáo kết quả kinh doanh có thể được lập theo chức năng hoạt động của chi phí hoặc theo cách ứng xử của chi phí. Báo cáo này có thể áp dụng cho từng loại sản phẩm, công việc, dịch vụ, từng công đoạn, dây chuyền, phân xưởng, từng bộ phận hoặc cho toàn doanh nghiệp, tùy theo yêu cầu quản lý.

Báo cáo kết quả kết quả kinh doanh lập theo chức năng hoạt động của chi phí giúp nhà quản trị xác định được giá thành và giá thành toàn bộ của sản phẩm, là cơ sở để xác định lợi nhuận gộp, lợi nhuận tiêu thụ của từng bộ phận và toàn doanh nghiệp.

Đồng thời giúp nhà quản trị biết được hiệu quả kinh doanh của các bộ phận, từ đó ra các quyết định xây dựng dự toán chi phí, quyết toán thuế thu nhập cho từng bộ phận và toàn doanh nghiệp.

Báo cáo kết quả kinh doanh lập theo cách ứng xử của chi phí giúp nhà quản trị đưa ra các quyết định điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn, do chi phí được phân loại thành biến phí và định phí, từ đó giúp hiểu rõ bản chất sự biến động của chi phí và phân tích mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận. Bên cạnh đó, khi lập theo từng bộ phận, báo cáo còn hỗ trợ đánh giá hiệu quả hoạt động của từng đơn vị, làm cơ sở cho việc ra các quyết định quản lý và điều hành hằng ngày trong doanh nghiệp.

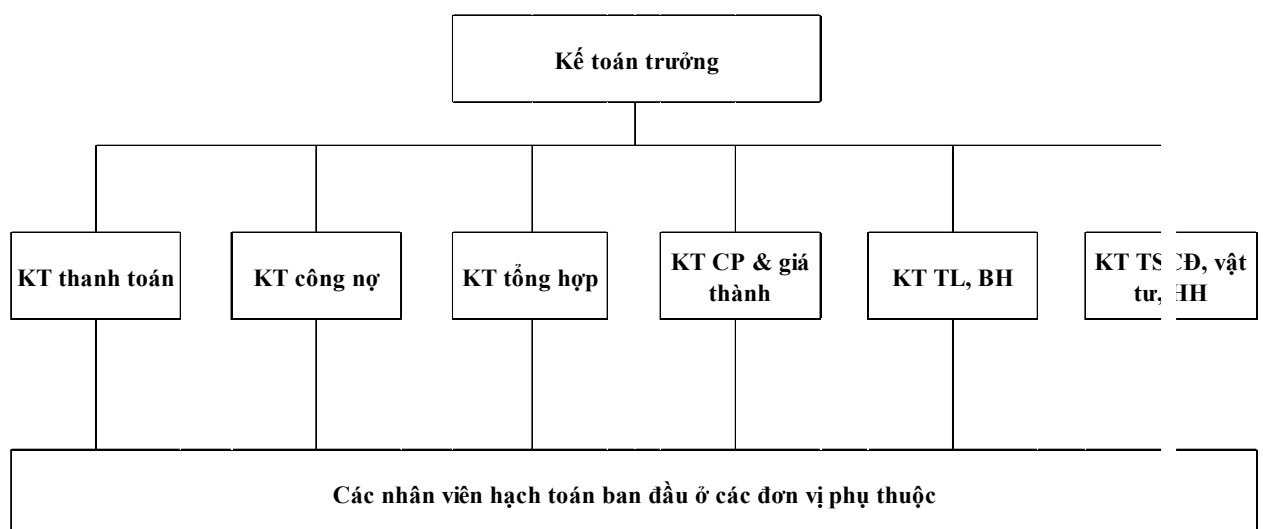
Ngoài ra, căn cứ vào yêu cầu quản lý, điều hành của từng doanh nghiệp có thể lập các báo cáo kế toán quản trị khác như: Báo cáo tiến độ sản xuất, Báo cáo sử dụng lao động, báo cáo tình hình biến động nguyên vật liệu,...

Để đánh giá trách nhiệm của các bộ phận thường thông qua việc phân tích báo cáo bộ phận sau một kỳ hoạt động hoặc dự đoán các chỉ tiêu kinh tế cho kỳ tới. Báo cáo bộ phận nhằm phản ánh doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động của từng bộ phận và toàn doanh nghiệp, cung cấp thông tin cho các nhà quản trị từng cấp để đưa ra quyết định phù hợp. Báo cáo bộ phận thường lập theo cách ứng xử của chi phí và thường lập ở nhiều mức độ, nhiều phạm vi khác nhau phụ thuộc vào nhu cầu sử dụng thông tin và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể của từng cấp.

1.2.6. Mô hình tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp

Từ cơ sở khối lượng công tác kế toán, các căn cứ vào hoạt động thực tiễn của từng doanh nghiệp, tổ chức bộ máy kế toán có thể lựa chọn một trong các mô hình sau: mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung, mô hình tổ chức bộ máy kế toán phân tán và mô hình kế toán hỗn hợp

Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung



Sơ đồ 1.4: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung

Tổ chức hệ thống kế toán quản trị kết hợp với kế toán tài chính trong cùng một bộ máy: Theo mô hình này, các nhân viên kế toán vừa tổ chức kế toán tài chính và kế toán quản trị kết hợp theo từng phần hành kế toán. Để thi

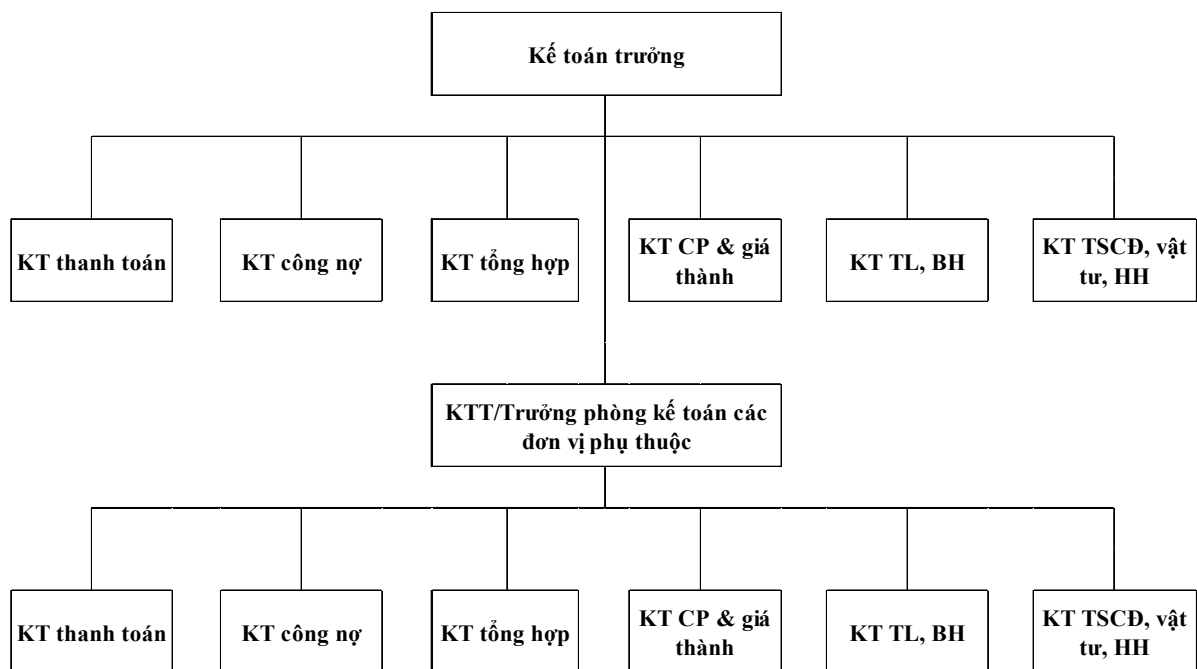
nhận thông tin, kế toán quản trị sử dụng hệ thống tài khoản của kế toán tài chính và được mở chi tiết theo yêu cầu cung cấp thông tin, đồng thời xác định nội dung, phương pháp ghi chép trên các tài khoản chi tiết phù hợp với việc thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin cụ thể.

Mô hình này có ưu điểm kết hợp chặt chẽ thông tin kế toán tài chính và kế toán quản trị, thu nhận thông tin nhanh chóng, tiết kiệm được chi phí. Song có hạn chế là gặp khó khăn trong việc thực hiện chuyên môn hoá hai loại kế toán theo công nghệ hiện đại.

Mô hình tổ chức bộ máy kế toán phân tán

Theo mô hình phân tán bộ máy kế toán được phân cấp thành: kế toán trung tâm và kế toán đơn vị trực thuộc. Kế toán trung tâm và kế toán đơn vị trực thuộc đều có riêng sổ kế toán và bộ máy nhân sự tương ứng để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo phân công, phân cấp kế toán.

Mô hình kế toán phân tán được biểu diễn theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.5: Mô hình kế toán phân tán

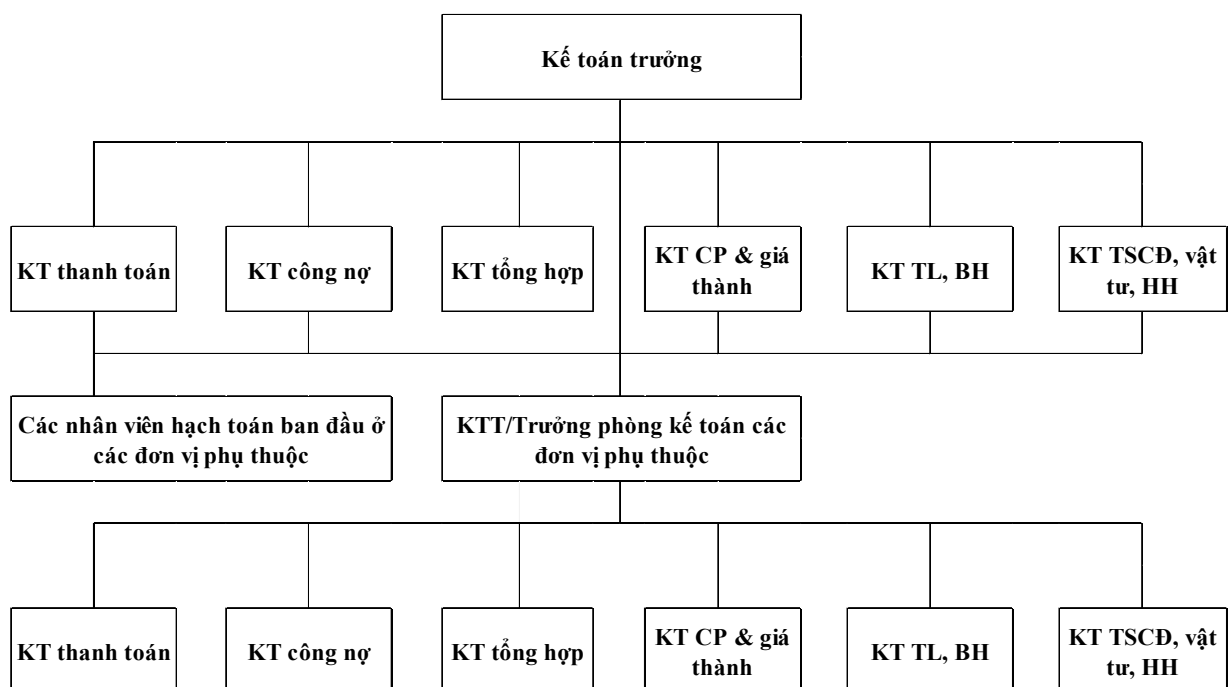
Các tài khoản sử dụng trong kế toán quản trị có thể sử dụng tài khoản nhiều cấp và được phân loại, quy định phương pháp ghi chép phù hợp với nội dung cơ bản của kế toán quản trị nhằm tạo ra sự phối hợp cung cấp thông tin phục vụ quản lý.

Mô hình này có ưu điểm là tách biệt thông tin kế toán quản trị với thông tin kế toán tài chính, thuận tiện cho việc chuyên môn hoá, hiện đại hoá. Song có hạn chế là chưa khái quát được thông tin của hai phân hệ với nhau, tốn kém thời gian và chi phí so với mô hình kết hợp kế toán tài chính và kế toán quản trị vì phải tăng thêm khâu luân chuyển, xử lý thông tin và phải chi phí cho bộ phận kế toán quản trị.

Mô hình tổ chức bộ máy kế toán kết hợp mô hình tập trung và mô hình phân tán

Trong thực tế, các doanh nghiệp có quy mô và cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh rất đa dạng. Vì vậy bộ máy kế toán của các doanh nghiệp không phải chỉ thuần túy được tổ chức theo mô hình tập trung hay phân tán mà thường có sự kết hợp giữa mô hình tập trung và mô hình phân tán với những mức độ kết hợp khác nhau tùy theo điều kiện của mỗi đơn vị. Mô hình này được gọi là mô hình tổ chức bộ máy kế toán hỗn hợp – tức là vừa tập trung vừa phân tán.

Mô hình kế toán hỗn hợp được biểu diễn theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.6: Mô hình kế toán kết hợp vừa tập trung vừa phân tán

Mô hình tổ chức kế toán hỗn hợp là sự kết hợp giữa kế toán tập trung và phân tán, trong đó vừa có phòng kế toán trung tâm tại trụ sở chính, vừa có bộ phận kế toán tại các đơn vị phụ thuộc; cách tổ chức này giúp doanh nghiệp vừa đảm bảo sự kiểm soát và thống nhất về chính sách kế toán từ trung tâm, vừa tăng tính linh hoạt và xử lý kịp thời các nghiệp vụ tại cơ sở; mô hình phù hợp với doanh nghiệp quy mô lớn, hoạt động phân tán và phức tạp, tuy nhiên đòi hỏi sự phân công rõ ràng và phối hợp chặt chẽ để tránh chồng chéo và sai lệch thông tin.

Việc lựa chọn áp dụng mô hình tổ chức kế toán quản trị nào cần xuất phát từ điều kiện thực tiễn cũng như đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để phân tích chi phí và lợi ích của việc vận hành từng mô hình tổ chức đó. Tuy nhiên, dù áp dụng mô hình tổ chức nào, bộ máy kế toán quản trị chi phí cũng cần được sắp xếp nhân sự hợp lý để thực hiện các khâu công việc của mình.

1.3. Kinh nghiệm tổ chức kế toán quản trị của một số nước phát triển trên thế giới và bài học kinh nghiệm vận dụng vào các doanh nghiệp Việt Nam

1.3.1. Kinh nghiệm tổ chức kế toán quản trị của một số nước phát triển trên thế giới

Kinh nghiệm tổ chức kế toán quản trị chi phí tại Đức

Tại Đức, trong hoạt động kế toán của DN, luôn có sự phân tách rõ ràng được đưa ra đối với hoạt động kế toán tài chính và KTQT. Theo đó, nếu như kế toán tài chính được coi là việc ghi chép, phản ánh, tổng hợp số liệu, lập báo cáo tài chính, chủ yếu phục vụ cho các nhu cầu thông tin cho các đối tượng bên ngoài DN, thì KTQT được biết dưới chức năng “kiểm soát”

Trong hoạt động của các DN của Đức và của nhiều quốc gia nói tiếng Đức, luôn có những bộ phận kế toán khác nhau (bộ máy kế toán khác nhau) chịu trách nhiệm cho hoạt động kế toán tài chính và cho “hoạt động kiểm soát” Các DN và các nhà nghiên cứu của Đức đều rất coi trọng hoạt động “kiểm soát” đối với hoạt động của DN, từ đó, họ luôn theo đuổi và vận dụng các phương thức KTQT chi phí tiên tiến.

Do vậy, tại quốc gia có nền kinh tế phát triển như Đức, các hệ thống tổ chức KTQT chi phí được thiết kế đặc biệt nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc ra quyết định của nhà quản trị DN. Tuy nhiên, chính vì việc này mà khối lượng thông tin KTQT cung cấp cho nhà quản trị trước khi họ đưa quyết định điều hành là rất lớn. Đối với các DN Đức, để đảm bảo đạt được mức độ chi tiết trước rất nhiều thông tin kế toán như vậy, họ thường có các hệ thống thông tin tích hợp rất mạnh mẽ, gọi là Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp.

Một nét đặc thù nữa trong tổ chức các hệ thống KTQT chi phí của Đức là công nghệ thông tin đóng vai trò quan trọng trong việc ứng dụng của các hệ thống kế toán chi phí bao gồm các phần mềm tiêu chuẩn, SAP ERP, SAP BW.

Kinh nghiệm tổ chức kế toán quản trị chi phí tại Nhật Bản

Ở Nhật Bản, hệ thống tổ chức KTQT chi phí được ghi nhận phổ biến với 2 phương pháp chủ yếu đó là phương pháp xác định chi phí theo lô và phương pháp xác định chi phí theo mục tiêu.

Trong đó, theo các chuẩn mực này, hệ thống KTQT chi phí cần thực hiện 5 mục tiêu gồm: Xác định giá bán, lập báo cáo tài chính, quản lý chi phí, lập dự toán, xây dựng các kế hoạch cơ bản và đưa ra các quyết định. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, việc áp dụng các chuẩn mực này cũng khá phức tạp và khác nhau giữa các DN do đặc thù lĩnh vực hoạt động, kinh doanh khác nhau của mỗi DN.

Tại Nhật Bản, sự phổ biến của cách tiếp cận theo phương pháp xác định chi phí theo lô trong tổ chức KTQT chi phí chủ yếu là do khuynh hướng thiết kế các hệ thống sản xuất của các DN sản xuất. Nói cách khác, do các doanh nghiệp Nhật Bản không muốn đầu tư vào các dây chuyền sản xuất đơn lẻ cho từng sản phẩm chính mà thiết kế và đầu tư theo hệ thống, cho nên các quá trình sản xuất cần được phân chia ra thành các công đoạn.

Tuy nhiên, các thao tác phân bổ chi phí tiếp sau đó tạo ra tính phức tạp cho công tác KTQT chi phí. Các hệ số công suất (còn gọi là hệ số Kousuu)

dùng cho nhân công trực tiếp lại được sử dụng làm căn cứ phân bổ chi phí chung một cách có chủ ý, bất chấp mối quan hệ không tương xứng với môi trường sản xuất tự động hóa cao.

Phương pháp xác định chi phí theo mục tiêu cho thấy một cách rõ ràng cách thức để phân loại, ghi chép và phân bổ chi phí. Đây cũng là một cách tiếp cận rất rộng được sử dụng cho mục đích quản trị bởi vì nó đã chuyển đổi vai trò của chi phí từ kết quả đầu ra của hoạt động sản xuất sang đầu vào của hoạt động theo đó khuyến khích các tổ chức chuyển dịch từ hướng “đưa sản phẩm ra thị trường” thành “đưa thị trường vào trong sản phẩm”.

Như vậy, tổ chức KTQT chi phí tại Nhật Bản đã chuyển đổi từ “kiểm tra, giám sát hoạt động” sang “thiết lập chất lượng của hoạt động” và gắn kết chặt chẽ với chiến lược của tổ chức. Với sự trợ giúp của công nghệ thông tin cách tiếp cận này được mở rộng và phát triển bởi lẽ dữ liệu cần cho việc ước tính chi phí một cách chính xác đã tăng lên ở một mức độ cao và cơ sở dữ liệu thủ công không thể đáp ứng được.

Kinh nghiệm tổ chức kế toán quản trị chi phí tại Mỹ

Tại Mỹ, tổ chức KTQT chi phí được tiếp cận theo cách xác định chi phí dựa trên hoạt động và dựa trên định mức. tổ chức KTQT dựa trên phương pháp định mức được sử dụng với 2 mục đích gồm: Kiểm soát chi phí và xác định chi phí cho hàng tồn kho khi xây dựng các báo cáo tài chính. Đây là cách tiếp cận tổ chức KTQT chiếm ưu thế trong thực tế sử dụng của các DN Mỹ. Tuy nhiên, phương thức này cũng cho thấy một số nhược điểm.

Chẳng hạn, nó chỉ xem xét đối tượng chi phí thay vì sử dụng cả thông tin tài chính lẫn phi tài chính để mở rộng việc mô tả đối tượng. Dựa trên nhận định rằng “thông tin KTQT” có tính trễ, không thích hợp với các quyết định kiểm soát và lập kế hoạch, nên các báo cáo KTQT hầu như có rất ít tác dụng đối với các nhà quản trị trong việc đưa ra được các quyết định điều hành, đặc biệt là các quyết định để làm sao cắt giảm được các chi phí.

Trong khi đó, tổ chức KTQT chi phí theo phương pháp chi phí dựa trên kết quả hoạt động (ABC) lại được phát triển và sử dụng nhiều hơn. Phương

pháp ABC giúp các DN mô hình hóa tác động của việc cắt giảm chi phí và kiểm soát chi phí tiết kiệm được. Đây là một quy trình hoàn thiện liên tục bắt đầu từ việc phân tích chi phí, cắt giảm những hoạt động không cần thiết và qua đó đạt được hiệu suất chung.

1.3.2. Bài học kinh nghiệm vận dụng vào các doanh nghiệp Việt Nam

Trên cơ sở nghiên cứu những kết quả quá trình vận dụng giá trị hợp lý về KTQTCP trên thế giới mà trọng tâm là ở các doanh nghiệp của Hoa Kỳ, Đức và Nhật Bản, có thể rút ra một số kinh nghiệm cho các doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình triển khai, thực hiện KTQTCP với các chức năng quản trị như sau:

Một là, hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc áp dụng kế toán giá trị hợp lý tại các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và các ngân hàng thương mại Việt Nam nói riêng. Muốn thế, cần xác định một lộ trình cho việc hội tụ với chuẩn mực kế toán quốc tế IAS/IFRS và xem đó là một hướng đi tất yếu. Trên cơ sở đó đề ra các bước đi cụ thể cho từng giai đoạn.

Hai là, lựa chọn thời điểm phù hợp để triển khai, khi đã có các yếu tố thời cơ như: sự đòi hỏi cấp thiết của nền kinh tế, sự thay đổi tư tưởng của các nhà lãnh đạo đất nước, áp lực của các cơ quan quốc tế, sự phát triển đến gần hoàn thiện của các chuẩn mực kế toán quốc tế, sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế về nguồn lực tài chính, kinh nghiệm, kỹ thuật.

Ba là, quá trình tích lũy các yếu tố về môi trường kinh doanh, chính trị, văn hóa, nguồn nhân lực, phải song song với việc xây dựng một hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính mới trên cơ sở kế thừa những thành quả của hệ thống chuẩn mực hiện hành, phù hợp với các đặc điểm kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước và hội tụ với chuẩn mực kế toán quốc tế.

Bốn là, bước đầu chỉ yêu cầu vận dụng đối với một nhóm hoặc toàn bộ các doanh nghiệp niêm yết trên 2 sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh nhằm đúc rút kinh nghiệm, các doanh nghiệp còn lại vẫn được vận dụng theo chuẩn mực kế toán hiện hành

Năm là: Với chức năng kiểm soát, đánh giá chi phí, việc theo dõi, kiểm soát được thực hiện ở nhiều cấp độ từ chi phí tiêu chuẩn, chi phí dựa trên cơ sở hoạt động, chi phí thực tế. Chú trọng thiết kế và theo dõi các chi phí trực tiếp. Các chi phí chung phát sinh từ việc sử dụng chung dây chuyền công nghệ sản xuất sản phẩm hoặc các chi phí quản lý chung được phân bổ cho từng sản phẩm sản xuất theo tiêu thức cụ thể dựa trên mối quan hệ nhân quả. Định hình và thiết kế nhiều trung tâm chi phí – nơi tiêu hao các nguồn lực của doanh nghiệp để phục vụ quá trình kiểm soát. Cách làm này thực sự phát huy hiệu quả đối với các doanh nghiệp của Đức và Nhật Bản để nâng cao trách nhiệm của các bộ phận trong doanh nghiệp. Quan tâm đến việc kiểm tra, đánh giá, phân tích giữa chi phí thực tế và chi phí kế hoạch, chi phí tiêu chuẩn.

Sáu là: Ứng dụng thông tin KTQTCP với việc ra quyết định, thông tin KTQTCP luôn là thông tin rất quan trọng để nhà quản trị đánh giá trách nhiệm của các bộ phận, phân tích thông tin để đưa ra các quyết định trong hoạt động của doanh nghiệp.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát

Tên Công ty: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINH PHAT COMPANY LIMITED

Địa chỉ: SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Đông Thành, Thành phố Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Fax: +84 229 3 890 919

Mã số thuế: 2700282755

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ (Ba mươi tỷ việt nam đồng)

Số tài khoản: 117002636888 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ninh Bình

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 22 tháng 01 năm 2025 do sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp.

Ngành nghề chính: bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Người đại diện theo pháp luật của công ty là: Bà Đinh Thị Ngoãn

Chức danh: Tổng Giám Đốc.

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 28/12/2004 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp, mã số doanh nghiệp cũng là mã số thuế Công ty là 2700282755, được thành lập dưới hình thức là Công ty TNHH Hai thành viên trở lên với các thành viên: Bà Đinh Thị Ngoãn (Tổng Giám đốc) và Bà Vũ Yến Chi. Trụ sở chính được đặt tại: SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Đông Thành, Thành phố Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam, với số vốn điều lệ là 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng). Tỷ lệ góp vốn của hai bà là 91,667-8,333.



Hình 2.1: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát có đầy đủ tư cách pháp nhân, hoạt động theo luật công ty và tổ chức hạch toán độc lập. Đến nay, DN vẫn đang hoạt động và phát triển với các ngành chính như: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng,...

Với hơn 20 năm hình thành và phát triển, hòa nhịp cùng nền kinh tế nhiều thành phần trong bối cảnh chuyển đổi sang kinh tế thị trường, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát đã không ngừng vươn lên, thích nghi với xu thế phát triển của đất nước. Công ty được thành lập trong giai đoạn đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thời điểm mà nhiều doanh nghiệp tư nhân mới ra đời, còn thiếu kinh nghiệm trong việc phát triển và quản trị.

Giai đoạn đầu khởi nghiệp, công ty phải đối mặt với không ít thách thức như cơ sở vật chất hạn chế, bộ máy quản lý chưa hoàn thiện, nhân sự ít và trình độ chuyên môn còn yếu. Do đó, ưu tiên hàng đầu của công ty trong giai đoạn này là tập trung xây dựng và hoàn thiện bộ máy quản lý, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động quảng bá để xây dựng hình ảnh một doanh nghiệp uy tín và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài.

Qua các giai đoạn kế tiếp, nhờ sự nỗ lực không ngừng của Ban giám đốc cùng đội ngũ cán bộ, nhân viên, công ty đã đổi mới toàn diện trên mọi khía cạnh. Công ty chú trọng đầu tư vào việc tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự có trình độ cao, tích lũy kinh nghiệm thực tiễn và áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại nhằm đáp ứng tốt hơn các yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Bên cạnh đó, công ty luôn đặt tiêu chí giữ chữ tín với khách hàng làm kim chỉ nam trong mọi hoạt động kinh doanh, không ngừng mở rộng quan hệ đối tác và cạnh tranh lành mạnh để xây dựng vị thế vững chắc trên thị trường. Với những nỗ lực và kết quả đạt được, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát từng bước khẳng định uy tín và thương hiệu, đồng thời mở rộng hoạt động kinh doanh cùng với sự gia tăng đáng kể về lợi nhuận so với thời kỳ đầu mới thành lập.

Tiền thân là đơn vị chuyên kinh doanh các sản phẩm liên quan đến vật liệu xây dựng, nhận biết được về nhu cầu cũng như thế mạnh của đơn vị, Công ty đã triển khai đầu tư xây dựng nhà xưởng, mua sắm trang thiết bị tiên tiến đưa vào sản xuất nhằm tạo ra những sản phẩm mới (sản phẩm ống thép định hình) chất lượng cao phục vụ cho ngành xây dựng, giao thông, dân dụng. Năm 2017, Công ty đã hoàn thiện việc đầu tư xây dựng nhà xưởng và hệ thống máy móc hiện đại để sản xuất với quy trình khép kín.



Hình 2.2: Xưởng gia công trực tiếp

Ban lãnh đạo Công ty cùng tập thể CBCNV đã nỗ lực cố gắng, cùng sự tin tưởng ủng hộ của các đối tác và khách hàng, Công ty TNHH Sản xuất và

Thương mại Vĩnh Phát ngày càng khẳng định được vị trí và tên tuổi của mình trong lĩnh vực sản xuất và phân phối tổng hợp.

Vĩnh Phát tự hào là đơn vị đầu tiên tại Ninh Bình sản xuất được sản phẩm ống hộp mạ kẽm đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng, qua đó khẳng định được vị thế của Vĩnh Phát không giới hạn trong thị trường Ninh Bình mà còn khẳng định được thương hiệu ở những thị trường khó tính nhất. Công ty coi chất lượng của sản phẩm là chìa khóa mở ra cánh cửa thành công. Sự tin tưởng ủng hộ và hợp tác của quý khách hàng là yếu tố quan trọng nhất quyết định sự phát triển bền vững của Vĩnh Phát.

Định hướng phát triển của công ty trong tương lai

Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp với chuyên môn cao thông qua quá trình đào tạo và phát triển dài hạn.

Mở rộng mạng lưới kinh doanh, gia tăng thị phần trên thị trường. Đồng thời, đa dạng hóa danh mục sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu khách hàng ngày càng phong phú.

Thúc đẩy cải tiến công nghệ; tiên phong định hình xu hướng trong ngành và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Trong đó, đặc biệt chú trọng việc giảm tác động đến môi trường, đảm bảo công bằng xã hội, tạo giá trị tích cực cho cộng đồng và thực hiện kinh doanh có trách nhiệm với xã hội.

Nâng cao uy tín thương hiệu, thúc đẩy quảng bá và khẳng định hình ảnh chuyên nghiệp của công ty trên mọi lĩnh vực hoạt động.

Với định hướng rõ ràng và sự quyết tâm của toàn thể công ty, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát đang hướng tới một tương lai phát triển mạnh mẽ và bền vững hơn nữa.

Cho đến nay có thể nói Công ty đã và đang khẳng định mình trên thị trường là một đơn vị đang hoạt động có hiệu quả, luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước, tìm tòi những hướng đi mới trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

Để có cái nhìn toàn diện hơn về công ty ta có thể xem những con số mà công ty đã đạt được trong những năm qua.

Bảng 2.1: Tình hình tài chính qua các năm gần đây của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	2023	2024	2025	So sánh 2023/2024		So sánh 2024/2025	
				Chênh lệch	%	Chênh lệch	%
<i>Doanh thu thuần</i>	183.220.705.795	263.220.705.795	222.957.191.537	80.000.000.000	43,66%	-40.263.514.258	-15,30%
<i>Giá vốn hàng bán</i>	176.687.685.862	256.876.858.625	217.078.912.997	80.189.172.763	45,38%	-39.797.945.628	-15,49%
<i>Chi phí tài chính</i>	1.569.874.553	569.874.553	829.663.157	-1.000.000.000	-63,70%	259.788.604	45,59%
<i>CP QLDN</i>	3.878.807.713	6.278.807.713	4.805.547.027	2.400.000.000	61,87%	-1.473.260.686	-23,46%
<i>Chi phí thuế TNDN</i>	384.645.510	146.230.957	139.537.140	-238.414.553	-61,98%	-6.693.817	-4,58%
<i>Lợi nhuận sau thuế TNDN</i>	1.538.582.038	584.923.828	558.148.561	-953.658.210	-61,98%	-26.775.267	-4,58%
<i>Tổng tài sản</i>	45.576.898.323	57.082.744.911	52.661.705.301	11.505.846.588	25,24%	-4.421.039.610	-7,74%
<i>Vốn chủ sở hữu</i>	32.534.310.636	33.178.441.411	33.885.482.064	644.130.775	1,98%	707.040.653	2,13%
<i>Nợ phải trả</i>	13.042.587.687	23.904.303.500	18.776.223.237	10.861.715.813	83,28%	-5.128.080.263	-21,45%
<i>ROS</i>	0,0084	0,0022	0,0025	-0,0062	-73,54%	0,0003	12,65%
<i>ROA</i>	0,0338	0,0102	0,0106	-0,0235	-69,65%	0,0004	3,43%
<i>ROE</i>	0,0473	0,0176	0,0165	-0,0297	-62,72%	- 0,0012	-6,57%

Dựa trên bảng số liệu trên, có thể thấy công TNHH Sản xuất Thương mại và Vĩnh Phát đã trải nhiều biến động và thách thức trong hoạt động kinh doanh và tài chính trong năm 2023-2025

Doanh thu thuần năm 2024 tăng mạnh so với năm 2023 là 80.000.000.000 đồng tương ứng với tốc độ tăng 43,66%. Điều này cho thấy doanh nghiệp đã mở rộng hoạt động kinh doanh, gia tăng sản lượng tiêu thụ hoặc mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Sang năm 2025 doanh thu giảm 40.263.514.258 đồng so với năm 2024, tương ứng với tốc độ giảm 15.30%.

Giá vốn hàng bán năm 2024 tăng 80.189.172.763 đồng, tương ứng với tốc độ tăng là 45.38% so với năm 2022. Năm 2025 giảm so với năm 2024 là 39.797.945.628 đồng, tương ứng với tốc độ giảm là 15.49%. Mặc dù TSCĐ năm 2025 có sự gia tăng nhưng vẫn được DN khai thác sử dụng hiệu quả, giúp tạo ra doanh thu cho công ty.

Về chi phí tài chính của DN năm 2024 có sự giảm sâu 1.000.000.000 đồng, tương ứng với tốc độ giảm là 67,87% so với năm 2022 do có sự tái cơ cấu các khoản vay, chuyển dịch sang lãi suất ưu đãi và sử dụng hiệu quả dòng tiền nội bộ. Năm 2025 chi phí tài chính của DN tăng 259.788.604 đồng so với năm 2023, tương ứng với tốc độ tăng là 45,59 %.

Chi phí quản lý kinh doanh năm 2024 tăng cao so với năm 2023 là 2.400.000.000 đồng, tương ứng với tốc độ tăng là 61,87 % nguyên nhân chủ yếu là do đầu tư mạnh vào bộ máy nội bộ, nâng cao cơ sở vật chất và hoạt động bán hàng phát triển mạnh do công ty hướng tới mở rộng thị phần thị trường. Năm 2025 chi phí này cắt giảm 1.473.260.686 đồng, tương ứng với tốc độ giảm là 23,46% so với năm 2024 nhờ vào việc phát huy hiệu quả đầu tư từ năm 2024, điều đó phần lớn là nhờ năng lực kiểm soát chi phí linh hoạt và hiệu quả.

Chi phí thuế TNDN năm 2024 giảm sâu so với năm 2023 là 238.414.553 đồng, tương ứng với tốc độ giảm là 61,88% và năm 2025 giảm với năm 2024 với mức giảm nhẹ là 6.693.817 đồng, tương ứng với tốc độ

giảm là 4,58%. Chi phí thuế TNDN giảm trong 2 năm liên tiếp nhờ việc doanh nghiệp đã tận dụng tối đa các ưu đãi thuế và khấu trừ từ các hoạt động đầu tư

Lợi nhuận sau thuế của DN năm 2024 giảm so với năm 2023 là 953.658.210 đồng, tương ứng với tốc độ giảm 61,98%. Năm 2025 giảm so với năm 2024 là 26.775.267 đồng, tương ứng với tốc độ giảm 4,58 %. Tuy lợi nhuận năm 2025 có giảm nhưng đây vẫn là nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo công ty trước tình hình kinh doanh đặc biệt khó khăn.

Về quy mô tài chính, tổng tài sản năm 2024 tăng 25,24%, trong khi nợ phải trả tăng mạnh 83,28%. Điều này cho thấy doanh nghiệp đã sử dụng thêm nguồn vốn vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đầu tư mở rộng. Trong khi đó, vốn chủ sở hữu chỉ tăng nhẹ 1,98%, chứng tỏ khả năng tự chủ tài chính chưa được cải thiện nhiều.

Các chỉ số ROS, ROA, ROE từ năm 2024 giảm so với năm 2023 lần lượt là 0,0062; 0,0235 0,0297 với tốc độ giảm tương ứng là 73,54%; 69,65%; 62,72%. Đến năm 2025 chỉ số ROS, ROA tăng nhẹ lên 0,0003 và 0,0004 tương ứng tốc độ tăng 12,65% và 3,43%, duy chỉ số ROE là giảm 0,0012 tương ứng tốc độ giảm 6,57%. Các chỉ tiêu sinh lời ROS, ROA và ROE đều giảm mạnh trong giai đoạn 2023–2024, cho thấy hiệu quả sử dụng doanh thu, tài sản và vốn chủ sở hữu giảm đáng kể. Sang năm 2025, ROS và ROA có cải thiện nhẹ nhưng vẫn ở mức thấp, trong khi ROE tiếp tục giảm 6,57%, phản ánh khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu chưa thực sự hiệu quả.

Doanh thu và lợi nhuận của Công ty qua các năm 2023, 2024, 2025 mặc dù có sự biến động nhưng đây cũng là kết quả đáng mừng cho những nỗ lực của Công ty. Sự tăng lên của doanh thu chứng tỏ doanh nghiệp không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm, đầu tư máy móc cơ sở hạ tầng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng, đẩy mạnh công tác sản phẩm chủ đạo như tôn, thép...

2.1.2. Đặc điểm tổ chức quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát

Trong xu thế hội nhập và phát triển không ngừng của nền kinh tế, Công ty luôn đề cao và không ngừng thúc đẩy hợp tác trên nhiều phương diện. Là một trong những doanh nghiệp đứng đầu của tỉnh Ninh Bình về lĩnh vực thương mại, sản xuất với phương châm “Chúng tôi cam kết đưa sản phẩm chất lượng tốt nhất phục vụ các công trình xây dựng và tiêu dùng”

Trong sản xuất, công ty đã mở rộng sản xuất thêm các mặt hàng như Thép hộp sản xuất theo dây chuyền công nghệ tiên tiến và hiện đại nhất và được sản xuất theo dây tiêu chuẩn của các quốc gia có nền công nghiệp phát triển như Nhật Bản, EU... và tiêu chuẩn để áp dụng là ASTM, JISG... Bởi vậy thép hộp luôn có độ bền rất cao và được ứng dụng tại nhiều những công trình khác nhau.

Trong kinh doanh, Công ty đã trở thành một trong nhà phân phối tổng hợp lớn trong tỉnh Ninh Bình, Theo Giấy phép kinh doanh do sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp, Công ty có các hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

- Đại lý, môi giới, đấu giá

Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết: Buôn bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác

Trong các hoạt động trên, ngành nghề chính là gia công vật liệu xây dựng các sản phẩm như: Ống hộp mạ kẽm, ống hộp đen, tole PU 3 lớp, tole mạ màu, thép dập hình,... Chủ yếu được tiêu thụ bởi các đại lý địa phương, các công ty thương mại về vật liệu xây dựng.

Nhiệm vụ

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát hoạt động với các nhiệm vụ chính sau:

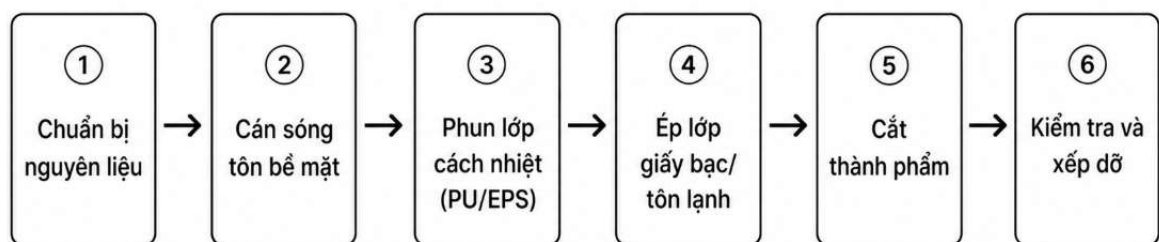
- Công ty phải đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, chịu trách nhiệm trước Nhà nước về kết quả hoạt động kinh doanh của mình, và chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước pháp luật về sản phẩm do Công ty cung cấp.

- Khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn của Công ty, tự tạo thêm nguồn vốn để đảm bảo cho việc thực hiện mở rộng và tăng trưởng hoạt động kinh doanh, từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Công ty phải thực hiện chế độ báo cáo thống kê, báo cáo kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định báo cáo, chịu trách nhiệm về tính xác thực của các cơ quan có thẩm quyền, tuân thủ các quy định về thanh kiểm tra của cơ quan tài chính, các cơ quan Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Một công nghệ sản xuất tốt giúp khai thác tối đa công suất thiết bị, tiết kiệm nguyên vật liệu, tổ chức các công đoạn hợp lý và rút ngắn thời gian sản xuất, đồng thời đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định.

Hiện tại, Công ty đang sản xuất theo quy trình sau:



Sơ đồ 2.1: Quy trình sản xuất, gia công sản phẩm của công ty

Quy trình sản xuất tôn chống nóng (tôn xốp cách nhiệt) tại các nhà máy hiện đại, bao gồm các công nghệ tương tự như Vĩnh Phát, thường được thực hiện qua các bước nghiêm ngặt để đảm bảo khả năng cách nhiệt, cách âm và độ bền.

Cấu tạo chính của tôn chống nóng bao gồm 3 lớp: Lớp tôn nền, Lớp lõi cách nhiệt (PU/EPS), và Lớp giấy bạc (hoặc tôn lạnh).

Quy trình sản xuất chi tiết:

1. Chuẩn bị nguyên liệu: Các cuộn tôn mạ kẽm, mạ màu, xốp cách nhiệt (PU hoặc EPS) và giấy bạc PP/PVC được chuẩn bị sẵn.

2. Cán sóng tôn bề mặt: Tôn cuộn được đưa qua máy cán để tạo hình sóng (sóng vuông, sóng tròn, hoặc sóng ngói) theo yêu cầu.

3. Phun lớp cách nhiệt (PU/EPS): Hệ thống máy tự động sẽ phun lớp PU (Polyurethane) hoặc dán xốp EPS vào bề mặt dưới của lớp tôn sóng. Đây là lớp quan trọng giúp cách nhiệt và cách âm.

4. Ép lớp giấy bạc/tôn lạnh: Lớp giấy bạc PP/PVC (hoặc lớp tôn lạnh thứ 2) được ép chặt lên trên lớp xốp, tạo thành kết cấu 3 lớp bền vững.

5. Cắt thành phẩm: Tôn được cắt theo chiều dài tiêu chuẩn hoặc theo yêu cầu đơn đặt hàng (thường chiều dài tối đa có thể lên tới 15m).

6. Kiểm tra và xếp dỡ: Sản phẩm sau khi cắt được kiểm tra chất lượng (độ dày tôn 0.4-0.7mm, tỷ trọng xốp) và xếp thành phẩm.

Ưu điểm của quy trình sản xuất này:

Sản phẩm có khả năng chống nóng, giảm tiếng ồn hiệu quả.

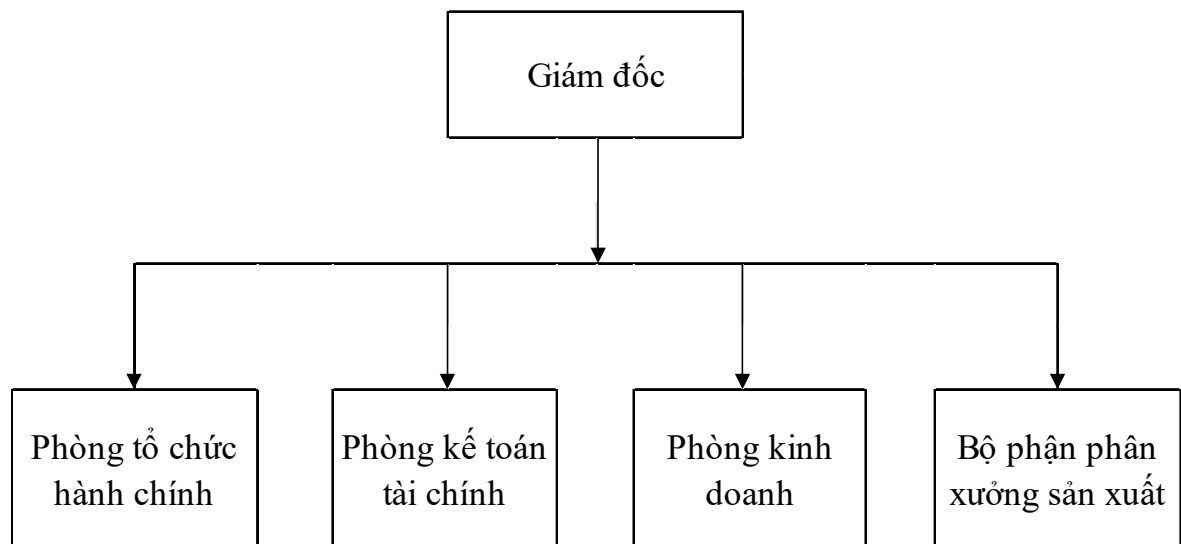
Dây chuyền tự động hóa giúp tạo ra tấm tôn 3 lớp đồng nhất, tăng độ bền và tính thẩm mỹ cao cho công trình.

2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty đã có nhiều sự đổi mới theo hướng gọn nhẹ. Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình các chức năng quản lý, mỗi bộ phận phòng ban cũng luôn tạo ra luồng luân chuyển thông tin với nhau nhằm tạo điều kiện tốt cho nhau cùng thực hiện những nhiệm vụ được giao.

Công ty tổ chức quản lý theo mô hình trực tuyến, chế độ một thủ trưởng và các phòng ban trực thuộc quản lý sản xuất.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty được khái quát theo sơ đồ:



Sơ đồ 2.2. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong cơ cấu quản lý

Giám đốc

Chức năng

Giám đốc là người đứng đầu doanh nghiệp, có chức năng điều hành và quản lý toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra. Giám đốc chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược phát triển, lập kế hoạch kinh doanh, tổ chức và phân công công việc cho các bộ phận, đồng thời kiểm tra và giám sát việc thực hiện kế hoạch.

Nhiệm vụ

Bên cạnh đó, Giám đốc còn có nhiệm vụ quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của doanh nghiệp như tài chính, nhân sự và tài sản. Đồng thời, Giám đốc đại diện cho doanh nghiệp trong các mối quan hệ đối nội và đối ngoại, đưa ra các quyết định quan trọng và chịu trách nhiệm trước pháp luật cũng như các bên liên quan về toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.

**** Các phòng chức năng:***

Bên cạnh Giám đốc công ty còn có sự giúp đỡ của các phòng ban chức năng, các phòng ban này có chức năng nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc trong các quyết định đầu tư, sản xuất. Các phòng ban bao gồm:

Phòng tổ chức hành chính

Chức năng

Phòng Tổ chức Hành chính là bộ phận có chức năng tham mưu và hỗ trợ Ban lãnh đạo trong công tác tổ chức bộ máy, quản lý nhân sự và thực hiện các hoạt động hành chính trong doanh nghiệp. Bộ phận này chịu trách nhiệm xây dựng cơ cấu tổ chức, tuyển dụng, đào tạo, bố trí và sử dụng lao động một cách hợp lý, đồng thời thực hiện các chính sách về tiền lương, chế độ phúc lợi và các vấn đề liên quan đến người lao động.

Nhiệm vụ

Bên cạnh đó, Phòng Tổ chức Hành chính còn đảm nhiệm công tác hành chính như quản lý văn thư, lưu trữ hồ sơ, quản lý con dấu, tổ chức các cuộc họp, sự kiện và đảm bảo điều kiện làm việc cho cán bộ nhân viên. Ngoài ra, phòng còn có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện nội quy, quy chế của doanh nghiệp, góp phần duy trì kỷ luật và xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả.

Phòng kế toán tài chính

Chức năng

Phòng Kế toán Tài chính là bộ phận có chức năng tham mưu và giúp Ban lãnh đạo trong công tác quản lý tài chính, kế toán của doanh nghiệp. Phòng chịu trách nhiệm tổ chức hệ thống kế toán, ghi chép, phản ánh và tổng hợp đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, từ đó cung cấp thông tin tài chính kịp thời phục vụ cho việc ra quyết định quản lý.

Nhiệm vụ

Bên cạnh đó, Phòng Kế toán Tài chính còn thực hiện nhiệm vụ lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế, theo dõi tình hình thu chi, công nợ, kiểm soát chi phí và phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh. Đồng thời, phòng có trách nhiệm tham mưu cho lãnh đạo trong việc sử dụng và quản lý nguồn vốn, đảm bảo cân đối tài chính, tuân thủ các quy định của pháp luật về kế toán, thuế và tài chính, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Phòng kinh doanh

Chức năng

Phòng Kinh doanh là bộ phận có chức năng tham khảo và tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ và mở rộng thị trường cho doanh nghiệp. Phòng có nhiệm vụ nghiên cứu thị trường, thu thập

Nhiệm vụ

Ngoài ra, Phòng Kinh doanh còn đảm nhiệm công việc tìm kiếm và chăm sóc khách hàng, đàm phán, ký kết hợp đồng, theo dõi quá trình thực hiện đơn hàng và phân phối hợp lý với các bộ phận khác để đảm bảo cung cấp sản phẩm, dịch vụ đúng yêu cầu. Đồng thời, phòng còn phân tích kết quả kinh doanh, đánh giá hiệu quả bán hàng và đưa ra các giải pháp

Bộ phận phân xưởng sản xuất*Chức năng*

Bộ phận sản xuất phân xưởng là đơn vị trực tiếp thực hiện quá trình tạo ra sản phẩm trong doanh nghiệp, giữ vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Về chức năng, nhà sản xuất phân xưởng có nhiệm vụ tổ chức và phát triển quy trình sản xuất theo kế hoạch đã được giao, chắc chắn

Nhiệm vụ

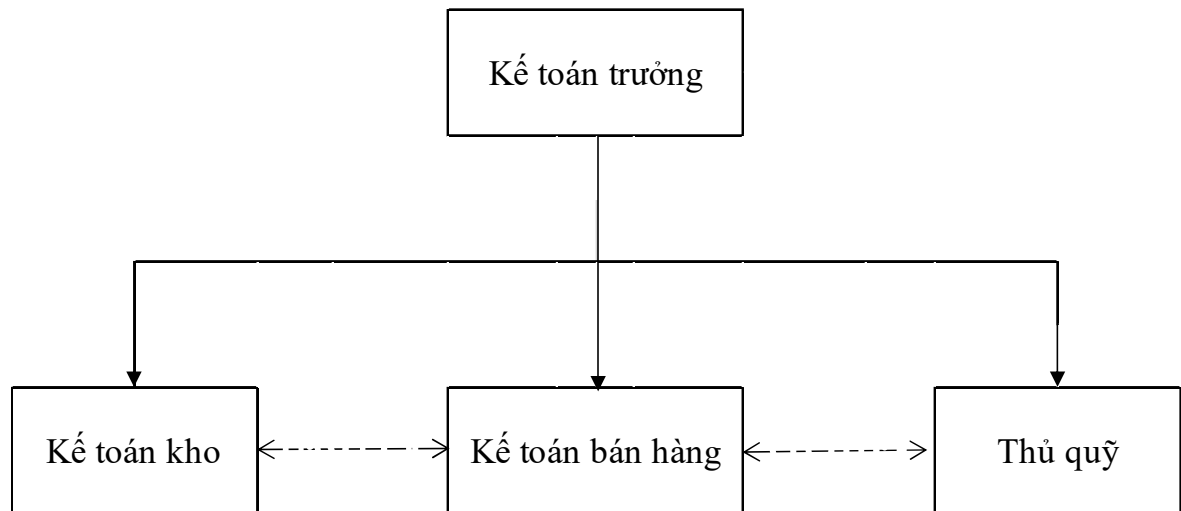
Về nhiệm vụ, bộ phận này chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng hiệu quả máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và lao động trong quá trình sản xuất. Đồng thời, phân xưởng phải được tổ chức sản xuất theo đúng quy trình, đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ sinh công nghiệp và kiểm soát sản phẩm chất lượng. Bên cạnh đó, bộ phận còn có nhiệm vụ nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí sản xuất và phân phối hợp lý với các phòng ban liên quan thúc đẩy hoạt động sản xuất diễn ra liên tục và hiệu quả.

2.1.4. Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát

Để có được thành tựu như hiện nay, với hơn 24 năm phát triển Công ty đã sắp xếp tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với điều kiện và trình độ quản lý. Các phân xưởng sản xuất không tổ chức bộ máy kế toán riêng mà chỉ bố trí

các nhân viên thống kê phân xưởng làm nhiệm vụ hướng dẫn kiểm tra công tác ghi chép, vào sổ sách các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong phạm vi phân xưởng, cuối tháng chuyển chứng từ về phòng kế toán trong doanh nghiệp

Sơ đồ 2.3. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty)

Phòng kế toán gồm có 3 thành viên, mỗi thành viên đều có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn riêng theo quy định của công ty. Mỗi quan hệ giữa các thành viên trong bộ máy kế toán là mối quan hệ ngang nhau có tính chất tác nghiệp và liên hệ chặt chẽ với nhau để hoàn thành nhiệm vụ kế toán.

Chức năng, nhiệm vụ của từng phòng kế toán:

Công ty áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung, hầu hết mọi công việc kế toán được thực hiện ở phòng kế toán trung tâm, từ khâu thu thập, kiểm tra chứng từ, ghi sổ đến khâu tổng hợp, lập báo cáo kế toán, từ kế toán chi tiết đến kế toán tổng hợp.

Trưởng phòng kế toán (Kế toán trưởng)

Là người đứng đầu bộ phận kế toán của doanh nghiệp, chịu trách nhiệm cao nhất có trách nhiệm tổ chức, điều hành và kiểm soát toàn bộ công tác kế toán, tài chính nhằm đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, kịp thời phục vụ cho hoạt động quản lý và ra quyết định của Ban lãnh đạo.

Chịu trách nhiệm tổ chức hệ thống kế toán của doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các nghiệp vụ kế toán của nhân viên. Đồng thời, lập và kiểm soát báo cáo tài chính, báo cáo thuế, phân tích tình hình tài chính. Bên cạnh đó, còn tham mưu cho Ban giám đốc trong việc sử dụng vốn hiệu quả, đảm bảo tuân thủ các quy định về kế toán, tài chính, thuế và chịu trách nhiệm về tính trung thực, hợp lý của các thông tin kế toán trong doanh nghiệp.

Kế toán kho

Kế toán kho có chức năng ghi chép, phản ánh kịp thời và chính xác các nghiệp vụ liên quan đến hàng tồn kho, đồng thời cung cấp thông tin về tình hình nhập – xuất – tồn để phục vụ công tác quản lý. Bên cạnh đó, bộ phận này còn thực hiện kiểm soát việc bảo quản và sử dụng hàng hóa, nguyên vật liệu nhằm hạn chế thất thoát, đảm bảo hiệu quả hoạt động

Về nhiệm vụ, kế toán kho thực hiện kiểm tra và hạch toán chứng từ nhập – xuất kho, theo dõi chi tiết từng loại hàng tồn, đối chiếu số liệu với thủ kho và tham gia kiểm kê khi cần thiết. Ngoài ra, kế toán kho lập báo cáo tồn kho, phối hợp với các bộ phận liên quan và lưu trữ chứng từ theo đúng quy định

Kế toán bán hàng

Kế toán bán hàng có chức năng phản ánh, ghi chép và cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về quá trình tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp.

Kế toán bán hàng có nhiệm vụ theo dõi và phản ánh đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ liên quan đến quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp.

Thủ quỹ

Thủ quỹ có chức năng quản lý và bảo quản tiền mặt của doanh nghiệp, đảm bảo việc thu – chi được thực hiện đúng quy định và an toàn. Đồng thời,

thủ quỹ cung cấp thông tin về tình hình tồn quỹ tiền mặt phục vụ công tác quản lý tài chính.

Về nhiệm vụ, thủ quỹ thực hiện thu – chi tiền mặt theo chứng từ hợp lệ, ghi chép sổ quỹ đầy đủ và kịp thời. Bên cạnh đó, thủ quỹ kiểm kê quỹ định kỳ, đối chiếu số liệu với kế toán và chịu trách nhiệm về số tiền tồn quỹ, đồng thời lưu trữ chứng từ liên quan theo quy định.

Như vậy, từ mô hình tổ chức bộ máy kế toán trên có thể thấy kế toán trưởng giữ vai trò trung tâm, trực tiếp quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động của các bộ phận kế toán trong doanh nghiệp. Các vị trí như kế toán kho, kế toán bán hàng và thủ quỹ được phân công chức năng, nhiệm vụ riêng biệt nhưng vẫn chịu sự chỉ đạo thống nhất từ Kế toán trưởng. Bên cạnh mối quan hệ quản lý theo chiều dọc, giữa các bộ phận còn tồn tại mối quan hệ phối hợp theo chiều ngang, đặc biệt là giữa kế toán kho với kế toán bán hàng và giữa kế toán bán hàng với thủ quỹ thông qua việc trao đổi, đối chiếu thông tin. Sự liên kết này góp phần đảm bảo tính chính xác, kịp thời và minh bạch của số liệu kế toán. Nhìn chung, mô hình thể hiện sự phân công rõ ràng, đồng thời đảm bảo cơ chế kiểm soát chặt chẽ giữa các bộ phận, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý tài chính trong doanh nghiệp.

2.1.5. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát

- Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo thông tư số TT 133/2016/TT-BTC ngày 28/08/2016 của Bộ Tài chính.

Chính sách kế toán mà Công ty đang áp dụng

- Chế độ kế toán của công ty áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ là thông tư số TT 133/2016/TT-BTC ngày 28/08/2016 của Bộ Tài chính.

- Niên độ kế toán: được xác định theo năm (bắt đầu từ ngày 1/1/N và kết thúc vào ngày 31/12/N của năm dương lịch)

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Bình quân cả kỳ dự trữ.

- Phương pháp tính giá trị vốn hàng xuất kho: giá bình quân tháng.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: phương pháp đường thẳng.
- Kê khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ: Thuế suất thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ là 10%.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Sử dụng đơn vị Việt Nam đồng trong ghi chép kế toán.

Tổ chức hệ thống kế toán tại Công ty

Công ty sử dụng mẫu hóa đơn, chứng từ, sổ sách, báo cáo theo mẫu quy định tại thông tư số TT133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính.

Công ty áp dụng hình thức kế toán là: Nhật ký chung

Các chứng từ hiện có của công ty

- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho
- Phiếu thu, phiếu chi
- Séc chuyển khoản
- Hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ liên quan khác.....

Các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm cung cấp cho phòng tài chính kế toán báo cáo kế hoạch tài chính hàng tháng, hàng quý, hàng năm, báo cáo kiểm kê tài sản, kiểm kê công cụ dụng cụ, kiểm kê kho...

Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính tại Công ty:

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát hàng năm lập Báo cáo tài chính theo thông tư số TT133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính của Bộ Tài chính, bao gồm các báo cáo sau đây:

- | | |
|--|------------------|
| + Bảng cân đối kế toán | Mẫu số F01 - DNN |
| + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02 - DNN |
| + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B03 - DNN |
| + Bảng thuyết minh báo cáo tài chính | Mẫu số B09 – DNN |

Thời hạn hoàn thành báo cáo tài chính đối với Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc niên độ tài chính.

Báo cáo quản trị của Công ty: Công ty không lập báo cáo quản trị theo định kỳ, nó chỉ được lập theo yêu cầu khi cần thiết. Bao gồm các loại sổ như sau:

- + Báo cáo về tình hình nhập xuất tồn kho hàng hóa
- + Báo cáo theo dõi công nợ phải thu, phải trả với khách hàng và nghĩa vụ với nhà nước.
- + Báo cáo về tồn quỹ tiền mặt và tiền gửi ngân hàng
- + Báo cáo về tình hình bán hàng và kết quả kinh doanh

2.2. Thực trạng kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát

2.2.1. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát

Qua khảo sát tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát, kế toán đơn vị đang áp dụng cách phân loại chi phí theo công dụng của chi phí để thuận tiện cho kế toán tài chính hạch toán và tổng hợp. Chi phí chưa được phân loại theo biến phí và định phí để phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp.

Theo cách phân loại này thì chi phí được phân ra thành:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Chi phí nguyên vật liệu chính tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát bao gồm: Các cuộn tôn mạ kẽm, mạ màu, xốp cách nhiệt (PU hoặc EPS) và giấy bạc PP/PVC được chuẩn bị sẵn...Đơn vị thường nhận gia công theo các đơn đặt hàng, xuất bán buôn và bán lẻ các sản phẩm tôn.

- Chi phí nhân công trực tiếp: gồm tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp và các khoản trích theo lương của công nhân sản xuất trực tiếp.

- Chi phí sản xuất chung: gồm tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên phân xưởng, chi phí sửa chữa TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các khoản chi khác bằng tiền phát sinh tại phân xưởng.

- Chi phí bán hàng: gồm chi phí khuyến mãi, quảng cáo,...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: gồm tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí văn phòng phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài và các khoản chi khác bằng tiền dùng cho bộ phận quản lý.

Trong Tháng 3/2026 phát sinh các khoản chi phí phục vụ sản xuất được phân loại và tổng hợp như bảng 2.2

Bảng 2.2. Bảng tổng hợp chi phí theo khoản mục Tháng 3/2026

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ THEO KHOẢN MỤC

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Khoản mục	Số tiền
1	Chi phí NVLTT	9.976.346.670
2	Chi phí NCTT	2.773.936.750
3	Chi phí sản xuất chung	960.568.450
4	Chi phí bán hàng	489.435.363
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	329.252.392
	Tổng cộng	14.529.539.625

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty)

2.2.2. Phương pháp xác định chi phí của công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát

Kế toán NVLTT

Tại DN, các chi phí NVL trực tiếp phát sinh trong kỳ có thể tập hợp trực tiếp cho từng sản phẩm, đơn đặt hàng.

Chi phí NVLTT tập hợp theo từng phiếu xuất kho sản xuất từng đơn hàng, kế toán ghi chép và phản ánh vào các thẻ tính giá thành.

Các sản phẩm sản xuất trong tháng 3/2026 của DN gồm:

- Thép hộp 40x80x1.4ly (1.4mm) x 6000mm
- Thép hộp 50x50x1.4ly (1.4mm) x 6000mm
- Thép hộp 25x50x1.1ly (1.1mm) x 6000mm
- Thép tấm 2800x1240

- Tôn xốp PU 3 lớp
- Tôn lạnh (tôn mạ nhôm kẽm)
- ...

Trong kỳ tập hợp được trên các thẻ tính giá thành, khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp như sau:

Bảng 2.3. Bảng tổng hợp chi phí nguyên vật liệu theo khoản mục
Tháng 3/2026

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Sản phẩm	CP NVLTT
1	Thép HK 40x80x1,4 ly x 6000	907.677.000
2	Thép Hk 50x50x1,4 ly x 6000	1.370.006.223
3	Thép HK 25x50x 1,1 ly x 6000	703.098.643
4	Thép tấm 2800 x 1240	90.677.000
5	Tôn xốp PU 3 lớp	2.943.110.665
6	Tôn lạnh (mạ kẽm)	1.459.095.360
7		
	Tổng cộng	9.976.346.670

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty)

Kế toán NCTT

Đối với Chi phí nhân công trực tiếp là khoản chi phí chiếm tỷ lệ khá lớn trong tổng giá thành sản phẩm gia công tại công ty. Do số lượng đơn hàng nhiều, liên tục, số lượng lao động lớn, đòi hỏi kế toán tiền lương của đơn vị phải tỷ mỉ, chính xác đảm bảo tính đúng, tính đủ các khoản tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương cho người lao động.

Chi phí nhân công ở công ty bao gồm các khoản: Tiền lương, phụ cấp và các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ.

Phương pháp tính lương và các khoản trích theo lương:

Phương pháp tính lương theo sản phẩm: Áp dụng đối với công nhân trực tiếp sản xuất ra sản phẩm ở phân xưởng.

Tại công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Vĩnh Phát, tiền lương tháng của công nhân trực tiếp sản xuất được tính theo số lượng sản phẩm hoàn thành nhập kho cuối tháng.

Cuối tháng dựa vào bảng tổng hợp năng suất của các tổ, Kế toán tính lương cho 1 công nhân theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lương} \\ \text{sản phẩm 1} \\ \text{công nhân} \end{array} = \sum_{i=1}^n \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{tiền lương} \\ \text{sản phẩm i} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{Sản phẩm i} \end{array}$$

Quy trình tính lương cho công nhân sản xuất trực tiếp tại công ty khoa học hợp lý, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh hiện tại và đem lại hiệu quả cao. Là cơ sở quan trọng để kế toán tổng hợp chi phí, tính chi phí đơn vị sản phẩm.

Tại các phân xưởng, tổ trưởng tổ sản xuất khi nhận lệnh sản xuất, căn cứ vào số lượng công nhân thực tế và lập danh sách theo tay nghề của từng công nhân trong tổ làm căn cứ phân công đoạn cho từng công nhân để tổ chức sản xuất và làm cơ sở tính lương cho từng công nhân khi đơn hàng kết thúc.

Bảng 2.4: Bảng danh sách phân công đoạn

STT	Họ và tên	Công đoạn				
		Cán sóng	Phun lớp cách nhiệt	Ép lớp giấy bạc	Cắt thành phẩm	Kiểm tra sản phẩm
1	Nguyễn Văn Toàn	x		x		
2	Phạm Văn Đức	x			x	
3	Hoàng Quang Chung	x				
4	Nguyễn Văn Hậu		x		x	x
5	Nguyễn Đức Anh	x	x		x	x
6	Đỗ Văn Duy	x		x		
7	Lê Văn Cường			x		
8	Đinh Tiến Đạt	x		x		
9	Phạm Văn Phương	x		x	x	
10	Phạm Thị Tươi				x	
11	Nguyễn văn Huân				x	x
12	Tổng Năng Đức	x				x
...						
	Tổng cộng					

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên)

QUẢN ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Sau khi tiến hành sản xuất, cuối tháng kế toán lập phiếu xác nhận sản phẩm hoàn thành, làm căn cứ tính lương cho từng công nhân.

Bảng 2.5: Bảng kê sản lượng sản phẩm

Đơn vị: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát

Mã sản phẩm:

Mã nhân viên: 003

Tên Nhân viên: Nguyễn Đức Anh

Tổ: 02

BẢNG KÊ SẢN LƯỢNG SẢN PHẨM

Tháng 03 năm 2026

STT	Công đoạn	01/03	02/03	03/03	...	31/03	Tổng SPSX
1	Cán sóng	150	200	170	...	140	790
2	Phun lớp cách nhiệt	200	50	40	...	60	980
3	Ép giấy bạc	100	100	130	...	140	825
4	Cắt	100	120	110	...	130	900
	Tổng cộng						

Ngày 31 tháng 03 năm 2026

Người lập

(Ký, họ tên)

Tổ Trưởng

(Ký, họ tên)

Sau đó kế toán căn cứ vào toàn bộ các chứng từ liên quan đến việc sản xuất, như bảng đơn giá và phân đoạn; bảng phân công đoạn, bảng chấm công, Phiếu xác nhận sản phẩm hoàn thành, để làm thủ tục thanh toán tiền lương cho công nhân.

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lương} \\ \text{sản phẩm của} \\ \text{Nguyễn Đức Anh} \end{array} = \sum_{i=1}^n \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{tiền lương} \\ \text{công đoạn } i \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{SPHT của} \\ \text{công đoạn} \end{array}$$

Như vậy tiền lương sản phẩm của ông Nguyễn Đức Anh trong tháng 3 như sau:

$$\begin{aligned}\text{Tiền lương} &= (790 \times 2300 + 980 \times 2.100 + 825 \times 3150 + 900 \times 2500) \\ &= 8.625.750 \text{ đồng}\end{aligned}$$

Kế toán tiền lương tập hợp, trích các khoản trích theo lương theo tỷ lệ quy định: 34% trong đó

- BHXH: trích 25,5% trên mức lương cứng, trong đó 17,5% tính vào chi phí của Công ty, 8% trừ vào thu nhập của NLĐ;

- BHYT: trích 4,5% trên mức lương cứng, trong đó tính vào chi phí 3%, còn 1,5% trừ vào lương của NLĐ;

- KPCĐ trích 2% trên lương cứng của công nhân viên và tính toàn bộ vào chi phí của Công ty;

- BHTN: trích 2%, trong đó mỗi bên (công ty và người lao động) san sẻ một nửa.

Tất cả các công việc tính toán tiền lương và các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm cũng như nhân viên ở các phòng ban hành chính đều được kế toán của công ty thực hiện trên phần mềm Microsoft Office Excel để hỗ trợ cùng phần mềm kế toán. Cuối tháng kế toán lập Bảng thanh toán lương cho từng công nhân ở từng tổ sản xuất.

Kế toán sử dụng TK 1542 “ Chi phí nhân công trực tiếp” để tập hợp các khoản chi phí trên, sau đó lên sổ Nhật ký chung vào sổ cái tài khoản 1542

Trích Bảng thanh toán lương bộ phận sản xuất

Bảng 2.6: Bảng thanh toán lương tháng 3/2026**BỘ PHẬN SẢN XUẤT**

STT	Họ và tên	Chuyên môn	Số ngày công	Lương sản phẩm	Tổng các khoản phụ cấp (xăng xe, điện thoại...)	Tổng thu nhập	Các khoản trích				Thực lĩnh
							BHXH(8%)	BHYT (1,5%)	BHTN(1%)	Cộng	
1	Nguyễn Văn Toàn	Thợ hàn	27	9.858.500	800.000	10.658.500	788.680	147.878	98.585	1.035.143	9.623.358
2	Phạm Văn Đức	Thợ Tôn	16	5.249.481	800.000	6.049.481	419.958	78.742	52.495	551.196	5.498.285
3	Hoàng Quang Chung	Thợ máy	27	8.858.500	800.000	9.658.500	708.680	132.878	88.585	930.143	8.728.358
4	Nguyễn Đức Anh	CN xưởng cơ khí	27	8.625.750	800.000	9.425.750	708.680	132.878	88.585	930.143	8.495.607
5	Phạm Văn Công	CN tôn màu	27	8.858.500	800.000	9.658.500	708.680	132.878	88.585	930.143	8.728.358
6	Đỗ Văn Duy	Thợ máy	27	8.858.500	800.000	9.658.500	708.680	132.878	88.585	930.143	8.728.358
7	Lê Văn Cường	CN cơ khí	25	8.202.315	800.000	9.002.315	656.185	123.035	82.023	861.243	8.141.072
8	Đinh Tiến Đạt	Thợ máy	26.5	10.694.454	800.000	11.494.454	855.556	160.417	106.945	1.122.918	10.371.536
9	Phạm Văn Phương	CN cơ khí	27	8.858.500	800.000	9.658.500	708.680	132.878	88.585	930.143	8.728.358
10	Phạm Thị Tươi	Tạp vụ	27	7.858.500	500.000	8.358.500	628.680	117.878	78.585	825.143	7.533.358
11	Nguyễn văn Huân	Công nhân tôn màu	23	9.546.130	800.000	10.346.130	763.690	143.192	95.461	1.002.344	9.343.786
12	Tổng Năng Đức	Công nhân tôn màu	27	8.858.500	800.000	9.658.500	708.680	132.878	88.585	930.143	8.728.358
...											
	Tổng cộng			2.510.350.000	40.600.000	2.550.950.000	200.828.000	37.655.250	25.103.500	263.586.750	2.327.963.250

Bảng 2.7: Trích Sổ cái 154

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI
VĨNH PHÁT**

SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh
Ninh Bình, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016
của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán

Nhật ký chung)

Năm 2026

Tài khoản: 1542 – Chi phí nhân công trực tiếp

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
31/3		31/3	Tiền lương CNSXTT			334	2.510.350.000	
31/3		31/3	Các khoản phụ cấp CNSXTT			334	40.600.000	
31/3		31/3	Các khoản Trích theo lương của CNSXTT			338	263.586.750	
....			...				...	
31/3		31/3	Kết chuyển chi phí			632		2.814.536.750
			Cộng phát sinh				2.814.536.750	2.814.536.750
			Số dư cuối kỳ					

- Sổ này có 12 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 12

- Ngày mở sổ: 01/03/2026

Ngày 31 tháng 03 năm 2026

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp phát sinh trong Tháng 3/2026 được thống kê chi tiết như sau:

Bảng 2.8: Bảng tổng hợp chi phí nhân công

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ NHÂN CÔNG

Tháng 3/2026

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội Dung chi phí	Số tiền	Ghi chú
1	Lương công nhân trực tiếp sản xuất	2.510.350.000	
2	Các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	263.586.750	
3	Các khoản phụ cấp	40.600.000	
	Tổng cộng	2.773.936.750	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty)

Kế toán CPSX chung:

Để tiến hành hoạt động sản xuất, ngoài chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, doanh nghiệp còn cần có chi phí sản xuất chung. Chi phí sản xuất chung là những chi phí phát sinh trong phạm vi các phân xưởng, bộ phận sản xuất của doanh nghiệp, đó là những chi phí phục vụ chung cho quá trình sản xuất.

Cuối kỳ, sau khi tổng hợp chi phí sản xuất kế toán căn cứ vào các chi phí đã tập hợp được rồi tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng mã sản phẩm theo chi phí nhân công trực tiếp của từng mã sản phẩm.

Một số chứng từ sử dụng làm căn cứ hạch toán chi phí sản xuất chung:

- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- Bảng thanh toán tiền lương.
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội.

- Hóa đơn giá trị gia tăng dịch vụ mua ngoài.
- Bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định.

Các chi phí này nếu tập hợp trực tiếp được thì hạch toán trực tiếp cho từng đối tượng còn nếu liên quan đến nhiều đối tượng thì sẽ tập hợp vào sổ chi tiết đến cuối kỳ sẽ phân bổ theo các tiêu thức nhất định. Tại Công ty hiện nay sử dụng phương pháp xác định chi phí truyền thống để phù hợp với điều kiện sản xuất, quản lý tại đơn vị. Theo phương pháp chi phí truyền thống, các chi phí phát sinh chung được tập hợp và phân bổ cho từng đối tượng chịu phí theo một tiêu thức phù hợp.

DN lựa chọn tiêu thức là Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp làm tiêu thức phân bổ cho các đối tượng chịu phí trong kỳ.

Công thức:

$$\text{Chi phí SXC NVLTT phân bổ cho mã hàng i} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất chung phát sinh trong tháng}}{\text{Tổng CPNVLTT}} \times \text{Chi phí của mã hàng i}$$

Phân bổ Chi phí Sản xuất chung cho các sản phẩm trong kỳ theo CPNVLT:

Thép HK 40x80x1,4 ly x 6000	=	$\frac{960.568.450}{9.976.346.670}$	x	907.677.000	=	87.395.308 đ
Thép Hk 50x50x1,4 ly x 6000	=	$\frac{960.568.450}{9.976.346.670}$	x	1.370.006.223	=	131.910.488 đ
Thép HK 25x50x 1,1 ly x 6000	=	$\frac{960.568.450}{9.976.346.670}$	x	703.098.643	=	67.697.565 đ
Thép tấm 2800 x 1240	=	$\frac{960.568.450}{9.976.346.670}$	x	90.677.000	=	8.730.798 đ
Tôn xốp PU 3 lớp	=	$\frac{960.568.450}{9.976.346.670}$	x	3.943.110.665	=	379.660.794 đ
Tôn lạnh (mạ kẽm)	=	$\frac{960.568.450}{9.976.346.670}$	x	2.459.095.360	=	236.772.989 đ

● ● ● ● ● ● ● ●

Bảng 2.9: Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG
Tháng 3/2026

Stt	Tên hàng	Sản lượng	CPNVLTT	CPSXC	Tài khoản 1543					
					Lương	VL	CCDC	KH TSCĐ	Dịch vụ mua ngoài	Bằng tiền khác
1	Thép HK 40x80x1,4 ly x 6000	40.000	907.677.000	87.395.308	61.176.716	13.109.296	4.369.765	5.243.718	2.621.859	873.953
2	Thép Hk 50x50x1,4 ly x 6000	39.500	1.370.006.223	131.910.488	92.337.341	19.786.573	6.595.524	7.914.629	3.957.315	1.319.105
3	Thép HK 25x50x 1,1 ly x 6000	21.500	703.098.643	67.697.565	47.388.295	10.154.635	3.384.878	4.061.854	2.030.927	676.976
4	Thép tấm 2800 x 1240	24.000	90.677.000	8.730.798	6.111.558	1.309.620	436.540	523.848	261.924	87.308
5	Tôn xốp PU 3 lớp	23.500	2.943.110.665	283.376.204	198.363.343	42.506.431	14.168.810	17.002.572	8.501.286	2.833.762
6	Tôn lạnh (mạ kẽm)	20.050	1.459.095.360	140.488.399	98.341.879	21.073.260	7.024.420	8.429.304	4.214.652	1.404.884
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
Tổng		420.241	9.976.346.670	960.568.450	6.983.442.669	1.496.452.001	498.817.334	598.580.800	299.290.400	99.763.467

2.2.3. Công tác xây dựng định mức và lập dự toán chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát

Việc xây dựng hệ thống định mức và lập dự toán chi phí là một trong những bước khởi đầu có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình sản xuất. Đây được xem như cơ sở định hướng cho toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp, giúp đơn vị chủ động trong việc huy động và phân bổ nguồn lực, đồng thời đưa ra các giải pháp kịp thời nhằm đạt được mục tiêu đề ra cũng như xây dựng chiến lược phát triển phù hợp trong tương lai.

Tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát, công tác thiết lập định mức tiêu hao cho từng loại sản phẩm luôn được chú trọng. Các định mức chi phí được xây dựng trên cơ sở đảm bảo tính khách quan, phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và đáp ứng yêu cầu quản lý của công ty. Trong kỳ, doanh nghiệp đã xây dựng được một số dự toán chi phí cơ bản, chủ yếu là các dự toán tĩnh, phù hợp với tình hình hoạt động thực tế hiện nay của đơn vị.

2.2.3.1. Xây dựng định mức và lập dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Theo khảo sát tại đơn vị, định mức NVL do phòng kế hoạch xây dựng cho từng đơn hàng. Định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho 1 sản phẩm dựa trên định mức tiêu hao trung bình theo tài liệu thống kê của các kỳ trước. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát sản xuất theo đơn đặt hàng của khách hàng, chủ yếu dưới hình thức nhận gia công. Trong Tháng 3/2026 Công ty sản xuất nhiều đơn đặt hàng của các khách hàng như: Tôn cách nhiệt PU 3 lớp, Thép hộp hình chữ U,...Tuy nhiên, tác giả chỉ xin tập trung nghiên cứu cho đơn hàng Tôn cách nhiệt PU 3 lớp (Tôn + PU + Giấy bạc/Tôn) của Công ty TNHH MTV Bình Minh còn các đơn hàng còn lại với quy trình tương tự.

Hợp đồng gia công với Công ty TNHH MTV Bình Minh được ký kết ngày 02 tháng 03 năm 2026.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG GIA CÔNG

Số: 12/HĐGC-2026

BÊN NHẬN GIA CÔNG (BÊN A): Công ty TNHH Sản xuất và
Thương mại Vĩnh Phát

Địa chỉ: SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Đông Thành,
Thành phố Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Người đại diện: Đinh Thị Ngoãn Chức vụ: Giám đốc.

Số điện thoại: STK:

BÊN ĐẶT GIA CÔNG (BÊN B): Công ty TNHH MTV Bình Minh

Địa chỉ: Phường Hoa Lư – Tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện: Số điện thoại:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG GIA CÔNG & QUY CÁCH

Bên A nhận gia công tôn PU 3 lớp từ nguyên vật liệu do bên A nhập
mua với các thông số sau:

Sản phẩm: Tôn cách nhiệt PU 3 lớp (Tôn + PU + Giấy bạc/Tôn).

Thông số kỹ thuật:

Khổ Tôn: 1070mm.

Khổ Tôn hữu dụng: 1000mm.

Độ dày lớp Polyurethane (PU): 16mm - 18mm – 20mm.

Tiêu chuẩn chất lượng: Nhật Bản JIS G3312, Châu Âu EN10169, Mỹ
ASTM A755/A755-03

Chiều dài tôn: Theo danh sách cắt do Bên B cung cấp.

Tổng diện tích/Khối lượng dự kiến: . 1000m².

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ THANH TOÁN (Dành cho Xưởng)

Đơn giá gia công: 232.000 VNĐ/m² (Chưa bao gồm VAT):
232.000.000 đồng

Thuế GTGT 10%: 23.200.000 đồng

Giá trị thanh toán: 255.200.000 đồng

Đặt cọc: Ngay sau khi ký hợp đồng, Bên B đặt cọc cho Bên A **30%** giá trị hợp đồng để bên A giữ máy và chuẩn bị hóa chất/vật tư phụ.

Thanh toán: Bên B phải thanh toán **100%** giá trị còn lại trước khi hàng rời khỏi xưởng của Bên A (hoặc theo thỏa thuận cụ thể từng đợt giao hàng).

ĐIỀU 3: NGHIỆM THU VÀ GIAO NHẬN

Nghiệm thu: Bên B phải cử người giám sát hoặc nghiệm thu ngay tại xưởng sau khi hàng rời máy. Mọi khiếu nại về số lượng, quy cách sau khi hàng đã rời xưởng sẽ không được giải quyết.

Thời gian nhận hàng: Trong vòng **03 ngày** kể từ khi Bên A thông báo hàng đã xong.

Vận chuyển: Giá trên là giá giao tại xưởng. Chi phí xe cẩu, xe vận chuyển do Bên B chi trả (trừ khi có thỏa thuận khác).

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

Đảm bảo lớp PU kết dính tốt, độ dày đồng đều theo yêu cầu.

Gia công đúng danh sách cắt mà Bên B cung cấp.

Bảo quản nguyên vật liệu của Bên B trong suốt quá trình lưu kho tại xưởng để sản xuất.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường hợp Bên B hủy đơn hàng sau khi Bên A đã chạy máy, Bên B sẽ mất toàn bộ tiền cọc và phải bồi thường chi phí vật tư đã sử dụng.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, đóng dấu)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phòng kế hoạch tiến hành xác định định mức tiêu hao nguyên phụ liệu cho đơn hàng tôn PU 3 lớp như sau:

Bảng 2.10: Bảng định mức tiêu hao nguyên vật liệu

BẢNG ĐỊNH MỨC TIÊU HAO NGUYÊN PHỤ LIỆU

Đơn hàng: Tôn PU 3 lớp chống nóng – 1m²

STT	Tên nguyên phụ liệu	Đơn vị tính	Định mức kỹ thuật
1	Cuộn tôn mạ kẽm	M2	1
2	Phun PU	gr	200
3	Giấy bạc	M2	1
4	Phụ liệu	M2	0.3

(Nguồn phòng kế toán Công ty)

Căn cứ vào giá của nguyên liệu, phụ liệu để xác định định mức chi phí nguyên liệu cho 1m² tôn PU chống nóng 3 lớp.

Bảng 2.11: Bảng định mức chi phí nguyên vật liệu

BẢNG ĐỊNH MỨC CHI PHÍ NGUYÊN PHỤ LIỆU

Đơn hàng: Tôn PU 3 lớp chống nóng

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên nguyên phụ liệu	SL	Tổng cộng đơn hàng
1	Cuộn tôn mạ kẽm	94.000	94.000.000
2	Phun PU	20.000	20.000.000
3	Giấy bạc	35.000	35.000.000
4	Phụ liệu	13.000	13.000.000

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty)

Công ty tiến hành lập dự toán chi phí phụ liệu dựa vào thực tế các kỳ trước và ước tính % biến động để xây dựng mức dự toán cho sát với thực tiễn.

Bảng 2.12: Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

DỰ TOÁN CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP NĂM 2026

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội Dung chi phí	Kế hoạch năm 2026	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Quý I
1	Vật liệu chính	86.400.000.000	7.200.000.000	7.200.000.000	7.200.000.000	21.600.000.000
2	Phụ liệu	31.200.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	7.800.000.000
	Tổng cộng	117.600.000.000	9.800.000.000	9.800.000.000	9.800.000.000	29.400.000.000

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty)

2.2.3.2. Xây dựng định mức và lập dự toán nhân công trực tiếp

Dự toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty được lập dựa vào số lượng sản phẩm sản xuất theo dự toán, định mức chi phí nhân công trực tiếp cho một sản phẩm.

Định mức chi phí tiền lương trực tiếp một sản phẩm: được xác định bằng tổng định mức đơn giá tiền lương của các công đoạn của quy trình công nghệ. Tùy vào đặc điểm quy trình sản xuất của từng mã sản phẩm mà mỗi một mã sản phẩm có một đơn giá riêng.

Dự toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty được lập dựa vào số lượng sản phẩm sản xuất theo dự toán, định mức chi phí nhân công trực tiếp cho một sản phẩm.

Định mức chi phí tiền lương trực tiếp một sản phẩm: được xác định bằng tổng định mức đơn giá tiền lương của các công đoạn của quy trình công nghệ. Tùy vào đặc điểm quy trình sản xuất của từng mã sản phẩm mà mỗi một mã sản phẩm có một đơn giá riêng.

Sau khi hợp đồng được ký, dựa vào kinh nghiệm thực tế từ các đơn hàng trước từ đó lập bảng định mức đơn giá tiền lương ở từng công đoạn sản xuất sản phẩm làm căn cứ lập dự toán chi phí nhân công trực tiếp sản xuất sản phẩm đó.

Dựa vào số lượng sản phẩm sản xuất dự kiến và định mức đơn giá từng công đoạn sản xuất, kế toán tập hợp và tính ra tiền lương cho từng lao động trong tổ sản xuất sản phẩm đó. Dự kiến lương thưởng/ phạt và các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ để dự kiến chi phí nhân công trực tiếp.

Các khoản BHXH BHYT, BHTN, KPCĐ: công ty căn cứ vào tỷ lệ trích theo quy định và lương theo hệ số để lập dự toán cho năm sau.

Bảng 2.13: Dự toán chi phí nhân công trực tiếp

DỰ TOÁN CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP NĂM 2026

Đơn vị tính: VNĐ

Nội Dung chi phí	Kế hoạch năm 2026	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Quý I
Lương CNTT SX	28.400.000.000	2.366.666.667	2.366.666.667	2.366.666.667	7.100.000.000
Các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN	3.600.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000	900.000.000
Các khoản phụ cấp	420.000.000	35.000.000	35.000.000	35.000.000	105.000.000
Tổng cộng	32.420.000.000	2.701.666.667	2.701.666.667	2.701.666.667	8.105.000.000

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty)

2.2.3.3. Xây dựng định mức và lập dự toán chi phí sản xuất chung

Lập dự toán chi phí sản xuất chung tại đơn vị bao gồm dự toán về chi phí nhân viên; chi phí vật liệu; thuế phí và lệ phí; chi phí bằng tiền khác và chi phí dịch vụ mua ngoài. Căn cứ vào tình hình thực tế thực hiện của năm trước làm căn cứ cho dự toán chi phí của các năm sau. Dự toán của các loại chi phí này được xây dựng chủ yếu từ thống kê và ước tính. Dự toán lập theo năm, chia nhỏ ra các quý, tháng.

Bảng 2.14: Dự toán chi phí sản xuất chung**DỰ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG***Đơn vị tính: VNĐ*

STT	Nội Dung chi phí	Kế hoạch năm 2026	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Quý I
1	Chi phí nhân viên	6.840.000.000	570.000.000	570.000.000	570.000.000	1.710.000.000
2	Chi phí vật liệu	780.000.000	65.000.000	65.000.000	65.000.000	195.000.000
3	Chi phí dụng cụ	240.000.000	20.000.000	20.000.000	20.000.000	60.000.000
4	Khấu hao TSCĐ	1.680.000.000	140.000.000	140.000.000	140.000.000	420.000.000
5	Chi phí dịch vụ mua ngoài	960.000.000	80.000.000	80.000.000	80.000.000	240.000.000
6	Chi phí khác bằng tiền	420.000.000	35.000.000	35.000.000	35.000.000	105.000.000
Tổng cộng		10.920.000.000	910.000.000	910.000.000	910.000.000	2.730.000.000

2.2.3.4. Lập dự toán Chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí bán hàng dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng của đơn vị, bao gồm các khoản chi phí lương cho bộ phận bán hàng, chi phí quảng cáo, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí bảo quản đóng gói sản phẩm... Các chi phí này được quản lý và theo dõi chi tiết theo nội dung kinh tế của chi phí.

Chi phí quản lý doanh nghiệp để phản ánh các khoản chi phí phát sinh trong quá trình quản lý của đơn vị, bao gồm các khoản chi phí lương cho bộ phận quản lý, chi phí vật liệu, văn phòng phẩm, chi phí khấu hao TSCĐ, CCDC dùng tại phòng ban quản lý, chi phí dịch vụ mua ngoài... Tại đơn vị sử dụng tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh để tập hợp chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

Hiện tại Công ty chưa lập dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Hàng tháng Công ty tập hợp và tính theo số thực tế phát sinh.

Kế toán căn cứ vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp để ghi vào sổ chi tiết, đồng thời ghi vào Nhật ký chung, cuối tháng ghi sổ cái tài khoản 642.

Trong tháng 03/2026 công ty có phát sinh chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp như sau:

Bảng 2.15. Trích sổ chi phí bán hàng 6421**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT****Mẫu số: S16 -DNN**

SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016

của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6421**Tháng 03 năm 2026**

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
					517.685.365	517.685.365		
...					...			
31/3/2026	31/3/2026	NVK000016	Hạch toán chi phí lương tháng 3/2026	334	80.343.113			
31/3/2026	31/3/2026	NVK000017	Hạch toán các khoản trích theo lương tháng 3/2026	338	12.324.324			
31/3/2026	31/3/2026	NVK000017	Khấu hao TSCD tháng 3 năm 2026	2141	174.115.499			
31/3/2026	31/3/2026	NVK000017	Chi phí dịch vụ mua ngoài	111	4.240.000			
31/3/2026	31/3/2026	NVK000036	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/3/2026	911		489.435.363		
			Cộng		489.435.363	489.435.363		

Ngày 31 tháng 03 năm 2026

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng 2.16. Trích sổ chi phí quản lý doanh nghiệp 6422

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT SN 66, Phố 5, Đường Chiến Thắng, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam					Mẫu số: S16 -DNN <i>(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)</i>			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6422 Tháng 03 năm 2026								
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
					399.086.392	399.086.392		
....							...	
15/3/2026	15/3/2026	MDV000011	Mua dầu xe	331	503.000			
31/3/2026	31/3/2026	NVK000016	Hạch toán chi phí lương tháng 3/2026	334	112.041.400			
31/3/2026	31/3/2026	NVK000017	Hạch toán các khoản trích theo lương tháng 3/2026	3385	11.324.870			
31/3/2026	31/3/2026	MDV000038	Tiền điện tháng 3/2026	331	8.565.960			
31/3/2026	31/3/2026	NVK000036	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/3/2026	911		329.252.392		
			Cộng		329.252.392	329.252.392		

Ngày 31 tháng 03 năm 2026

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Tóm lại, công tác hạch toán các khoản mục chi phí tại công ty đảm bảo thực hiện theo đúng hình thức kế toán như quy định, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu quản trị doanh nghiệp do không tách biến phí và định phí khi tập hợp các khoản mục chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

2.2.4. Ứng dụng phân tích mối quan hệ giữa Chi Phí – Khối lượng – Lợi nhuận cho quá trình ra quyết định.

Tại Công ty chưa phân loại chi phí thành Biến phí và Định phí, không sử dụng các chỉ tiêu để xác định điểm hòa vốn trong sản xuất, do đó chưa thực hiện phân tích các chỉ tiêu trong mối quan hệ Chi phí – Khối Lượng – Lợi nhuận để phân tích các tình huống kinh doanh tại đơn vị để phục vụ cho công tác quản trị, lựa chọn phương án kinh doanh tối ưu.

Về phân tích đánh giá tình hình thực hiện các dự toán, định mức chi phí.

Thực tế cho thấy, Công ty mới chỉ dừng lại ở việc so sánh tổng hợp các khoản mục chi phí về số dự toán và số phát sinh thực tế trong từng quý, năm rồi để đấy, mà chưa chỉ ra được nguyên nhân của sự chênh lệch và có biện pháp phù hợp.

Phân tích biến động CPNVLTT

Chi phí nguyên vật liệu chính trong quá trình sản xuất chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng chi phí sản xuất. Công ty lập dự toán cả năm và chia đều cho các quý. Dựa trên số thực tế phát sinh của tháng 3/2026 và số dự toán đầu năm để đánh giá mức biến động của chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Bảng 2.17: So sánh CPNVLTT giữa thực hiện và dự toán Tháng 3/2026

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên VL	Dự toán	Thực hiện	Mức chênh lệch	% Chênh lệch
1	Chi phí vật liệu chính	7.200.000.000	7.289.275.330	89.275.330	1,24%
2	Chi phí phụ liệu	2.600.000.000	2.678.071.340	78.071.340	3,00%
Tổng		9.800.000.000	9.976.346.670	176.346.670	1,80%

(Nguồn: Phòng kế hoạch công ty)

Từ bảng so sánh trên ta thấy, trong kỳ phân chi phí vật liệu chính thực tế phát sinh so với dự toán chênh lệch 89.275.330 (đồng) tương ứng với tỷ lệ 1,24% và chi phí phụ liệu chênh lệch so với dự toán là 78.071.340 (đồng) tương ứng tỷ lệ 3,00% làm cho tổng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp quý I/2026 chênh lệch so với số dự toán là 176.346.670 (đồng) tương ứng với tỷ lệ 1,80%%. Như vậy mặc dù chi phí vật liệu chính và chi phí phụ liệu tháng 3/2026 vượt qua mức dự toán đề ra nhưng nhìn chung công tác quản lý và kiểm soát chi phí nguyên vật liệu của công ty tuy tương đối ổn định.

Dù xảy ra tình trạng vượt dự toán, đặc biệt chi phí phụ liệu có tỷ lệ chênh lệch cao hơn vật liệu chính. Nguyên nhân có thể do giá nguyên vật liệu trên thị trường biến động, hao hụt trong quá trình sản xuất, định mức sử dụng vật tư chưa sát thực tế hoặc công tác quản lý sử dụng vật liệu chưa thật sự hiệu quả. Tuy mức chênh lệch không quá lớn nhưng công ty cần tăng cường kiểm soát việc sử dụng nguyên vật liệu, xây dựng định mức hợp lý và theo dõi chặt chẽ quá trình sản xuất nhằm hạn chế phát sinh chi phí vượt dự toán, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Phân tích biến động chi phí nhân công trực tiếp

CPNCTT là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất và có ảnh hưởng lớn đến giá thành gia công, do đó công ty luôn chú trọng công tác dự toán khoản chi phí này. Với mỗi hợp đồng kinh tế được ký kết, Phòng kế hoạch của Công ty lập dự toán chi phí này dựa vào định mức tiền lương của từng công đoạn gia công tạo ra sản phẩm và dựa vào đặc điểm yêu cầu kỹ thuật của mỗi sản phẩm. Trên cơ sở số lượng sản phẩm sản xuất dự kiến và định mức tiền lương của toàn bộ các công đoạn tạo ra sản phẩm, công ty dự toán tổng chi phí nhân công trực tiếp cả năm và chia đều cho các quý.

Bảng 2.18: So sánh CPNCTT giữa thực hiện và dự toán Tháng 3/2026

Đơn vị tính: VNĐ

Nội dung chi phí	Dự toán	Thực hiện	Mức chênh lệch	% Chênh lệch
Lương công nhân trực tiếp sản xuất	2.366.666.667	2.510.350.000	143.683.333	6,07%
Các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	300.000.000	263.586.750	-36.413.250	-12,14%
Các khoản phụ cấp	35.000.000	40.600.000	5.600.000	16%
Tổng cộng	2.701.666.667	2.814.536.750	112.870.083	4,18%

(Nguồn: Phòng kế hoạch công ty)

Qua bảng số liệu cho thấy chi phí nhân công trực tiếp thực tế của công ty cao hơn so với dự toán với mức tăng 112.870.083 đồng, tương ứng 4,18%. Điều này cho thấy trong kỳ doanh nghiệp đã phát sinh thêm chi phí lao động phục vụ hoạt động sản xuất so với kế hoạch ban đầu.

Trong các khoản mục chi phí, chi phí lương công nhân trực tiếp sản xuất chiếm tỷ trọng lớn nhất và tăng 143.683.333 đồng, tương ứng tăng 6,07%, đây là nguyên nhân chủ yếu làm cho tổng chi phí nhân công trực tiếp tăng. Nguyên nhân có thể do doanh nghiệp tăng số lượng lao động trực tiếp sản xuất, tăng thời gian làm thêm giờ hoặc điều chỉnh mức lương nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất và giữ chân người lao động.

Ngược lại, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ thực tế giảm 36.413.250 đồng, tương ứng giảm 12,14% so với dự toán. Điều này có thể xuất phát từ việc doanh nghiệp điều chỉnh mức đóng bảo hiểm, thay đổi cơ cấu lao

động tham gia bảo hiểm hoặc mức lương làm căn cứ trích nộp thấp hơn dự kiến ban đầu.

Đối với các khoản phụ cấp, chi phí thực tế tăng 5.600.000 đồng, tương ứng tăng 16%, là khoản mục có tỷ lệ tăng cao nhất. Điều này cho thấy doanh nghiệp có thể đã tăng thêm các khoản hỗ trợ như phụ cấp trách nhiệm, chuyên cần, độc hại hoặc hỗ trợ làm thêm nhằm khuyến khích và nâng cao tinh thần làm việc của người lao động.

Nhìn chung, công tác quản lý chi phí nhân công trực tiếp của công ty tương đối hiệu quả vì mức chênh lệch giữa thực tế và dự toán không quá lớn. Mặc dù tổng chi phí tăng nhưng vẫn nằm trong mức có thể kiểm soát được, cho thấy doanh nghiệp đã có sự quản lý khá tốt đối với chi phí lao động. Trong thời gian tới, công ty cần tiếp tục nâng cao năng suất lao động, xây dựng định mức lao động hợp lý, kiểm soát thời gian làm thêm và sử dụng lao động hiệu quả nhằm hạn chế phát sinh chi phí vượt dự toán, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.- Phân tích biến động chi phí sản xuất chung

Khoản mục CPSXC bao gồm nhiều khoản mục chi phí được dự toán cụ thể dựa trên số thực tế kỳ trước phát sinh và % biến động dự tính kỳ này. Căn cứ vào số phát sinh trong Tháng 3/2026 và số dự toán, ta có bảng so sánh như sau:

Bảng 2.19: So sánh CPSXC giữa thực hiện và dự toán Tháng 3/2026

Đơn vị tính: VNĐ

Nội Dung chi phí	Dự toán Tháng 3/2026	Thực hiện	Mức chênh lệch	% Chênh lệch
Chi phí nhân viên	570.000.000	581.715.496	11.715.496	2,06%
Chi phí vật liệu	65.000.000	66.194.728	1.194.728	1,84%
Chi phí dụng cụ	20.000.000	33.983.667	13.983.667	69,92%
Khấu hao TSCĐ	140.000.000	149.664.032	9.664.032	6,90%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.000.000	73.617.741	-6.382.259	-7,98%
Chi phí khác bằng tiền	35.000.000	55.392.786	20.392.786	58,27%
Tổng cộng	910.000.000	960.568.450	50.568.450	5,56%

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty)

Từ bảng số liệu trên cho thấy, chi phí SXC thực tế đã giảm so với dự toán là 33.317.274 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 1,46%. Chủ yếu là do chi phí vật liệu tăng 139.447.283 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng so với dự toán là 85,81% và các khoản chi phí khác bằng tiền giảm 36.107.214 đồng, chi phí dịch vụ mua ngoài tăng 73.617.741 tương ứng tỷ lệ tăng 36,81% và Chi phí nhân viên giảm 213.922.783 đồng tương ứng tỷ lệ giảm 15,01%. Còn 2 khoản mục chi phí dụng cụ và khấu hao TSCĐ có sự tăng giảm nhẹ, không đáng kể.

Có thể thấy, thực tế công ty đã tiến hành các bước phân tích chi phí nhưng chủ yếu là công tác phân tích trên Báo cáo tài chính, phân tích các chỉ số dựa trên số liệu thực tế, Công ty mới chỉ dừng lại ở việc so sánh số thực tế với số dự toán các khoản mục chi phí rồi để đấy, chưa có sự phân tích tìm ra các nguyên nhân của sự chênh lệch.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, Công ty bỏ qua việc phân tích thông tin dự đoán tương lai, không xác định và phân tích điểm hòa vốn, không ứng dụng mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận để phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến lợi nhuận nhằm lựa chọn phương án kinh doanh tối ưu; không sử dụng những thông tin thích hợp để phân tích số liệu đưa ra quyết định trong các tình huống trong kinh doanh.

2.2.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán quản trị

Theo khảo sát thực tế tại Công ty cho thấy, hệ thống báo cáo phân tích chi phí hiện nay chủ yếu được xây dựng nhằm phục vụ nhu cầu thông tin của các nhà quản trị cấp cao. Các báo cáo này tập trung vào việc phản ánh tổng quát tình hình chi phí, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và hỗ trợ ban lãnh đạo trong việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược. Tuy nhiên, nhu cầu thông tin của các nhà quản trị cấp trung và cấp cơ sở lại chưa được quan tâm đúng mức. Đây là một hạn chế đáng kể bởi các cấp quản lý trung gian và trực tiếp sản xuất là những đối tượng thường xuyên tham gia vào quá trình kiểm soát chi phí, tổ chức thực hiện kế hoạch và xử lý các biến động phát sinh trong hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, tổ chức công tác kế toán tại Công ty hiện vẫn mang nặng tính chất của kế toán tài chính. Hệ thống kế toán chủ yếu tập trung vào việc ghi chép, phản ánh và lập báo cáo theo yêu cầu của chế độ tài chính kế toán hiện hành, phục vụ cho các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp như cơ quan thuế, ngân hàng hoặc nhà đầu tư. Trong khi đó, nội dung liên quan đến kế toán quản trị – đặc biệt là kế toán quản trị chi phí – chưa được tổ chức một cách chuyên sâu và độc lập. Phần lớn công tác kế toán quản trị hiện nay do phòng kế hoạch đảm nhiệm, trong khi phòng kế toán chủ yếu thực hiện chức năng ghi nhận số liệu tài chính. Điều này dẫn đến việc thông tin phục vụ quản trị chưa được xử lý một cách đồng bộ, kịp thời và chuyên nghiệp.

Ngoài ra, nguồn thông tin mà phòng kế hoạch sử dụng để phục vụ công tác kế toán quản trị chủ yếu được cung cấp từ các bộ phận khác nhau trong doanh nghiệp. Do phụ thuộc nhiều vào dữ liệu từ các phòng ban nên tính chủ động trong việc tổng hợp, phân tích và dự báo thông tin còn hạn chế. Hơn nữa, phần lớn các thông tin được sử dụng vẫn là thông tin quá khứ, phản ánh những gì đã xảy ra thay vì hướng đến dự báo hoặc hỗ trợ ra quyết định tương lai. Điều này làm giảm vai trò của kế toán quản trị trong việc cung cấp thông tin nhanh chóng, linh hoạt và có tính định hướng cho nhà quản trị.

Tuy nhiên, trong thời gian qua Công ty cũng đã có những bước tiến nhất định trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống báo cáo quản trị chi phí. Phòng kế hoạch đã phối hợp với bộ phận dự toán và bộ phận đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh thuộc phòng kinh doanh để xây dựng một số báo cáo phục vụ công tác quản trị như: báo cáo tổng hợp chi phí thực hiện theo năm, báo cáo tình hình biến động chi phí giữa thực hiện và dự toán, báo cáo phân tích biến động chi phí qua các năm. Các báo cáo này có ý nghĩa rất quan trọng vì đã góp phần cung cấp cho ban lãnh đạo những thông tin cần thiết liên quan đến tình hình sử dụng chi phí, mức độ tiết kiệm hay lãng phí chi phí, cũng như xu hướng biến động chi phí trong từng giai đoạn. Qua đó, nhà quản trị có cơ sở để hoạch định chiến lược,

xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và kiểm soát hoạt động của Công ty hiệu quả hơn.

Mặc dù vậy, hệ thống báo cáo quản trị chi phí tại Công ty vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. Các báo cáo hiện nay chủ yếu dừng lại ở việc tổng hợp số liệu chi phí sản xuất và kinh doanh phát sinh trong kỳ nhằm cung cấp thông tin tổng quát cho nhà quản lý. Nội dung báo cáo chưa đi sâu vào phân tích nguyên nhân biến động chi phí, chưa đánh giá hiệu quả sử dụng chi phí theo từng bộ phận, từng sản phẩm hoặc từng hoạt động cụ thể. Đặc biệt, các báo cáo chưa thực hiện việc so sánh chi phí giữa các tháng, các quý trong năm để đánh giá xu hướng tăng giảm và xác định các yếu tố tác động đến chi phí.

Ngoài ra, việc thiếu các chỉ tiêu so sánh giữa kỳ hiện tại với các kỳ trước cũng làm cho thông tin quản trị chưa phát huy hết giá trị. Nếu doanh nghiệp thực hiện phân tích chi phí theo chiều hướng thời gian, nhà quản trị sẽ dễ dàng nhận diện được xu hướng biến động, các khoản mục chi phí bất hợp lý hoặc những dấu hiệu bất thường cần kiểm soát. Không những vậy, Công ty hiện cũng chưa thực hiện việc đối chiếu, so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành hoặc cùng lĩnh vực hoạt động. Đây là một hạn chế lớn vì việc so sánh với các doanh nghiệp khác sẽ giúp Công ty đánh giá được năng lực cạnh tranh, hiệu quả quản lý chi phí cũng như xác định vị thế của mình trên thị trường.

Từ những hạn chế trên có thể thấy rằng hệ thống báo cáo quản trị chi phí của Công ty vẫn chưa thực sự đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản trị trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt. Do đó, Công ty cần tiếp tục hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí theo hướng hiện đại hơn, tăng cường phân tích chuyên sâu, xây dựng các báo cáo linh hoạt phục vụ cho từng cấp quản trị và nâng cao khả năng dự báo, kiểm soát chi phí. Điều này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong thời gian tới.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VĨNH PHÁT

3.1. Đánh giá công tác kế toán quản trị chi phí tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát.

3.1.1. Ưu điểm

Qua quá trình tìm hiểu và khảo sát thực tế công tác kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Vĩnh Phát, có thể thấy rằng công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất kinh doanh đã được doanh nghiệp quan tâm và đưa vào áp dụng trong thực tiễn. Việc này đã góp phần hỗ trợ các nhà quản lý trong công tác điều hành, kiểm soát chi phí cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Những kết quả đạt được có sự đóng góp đáng kể của công tác hạch toán kế toán, thể hiện trên nhiều khía cạnh khác nhau trong quá trình quản lý doanh nghiệp.

Về bộ máy kế toán: Công ty hiện đã và đang áp dụng mô hình kế toán gọn nhẹ phù hợp với quy mô công ty hiện hành. Cách thức này đảm bảo sự thống nhất, chặt chẽ trong quản lý, giúp tiết kiệm thời gian cũng như chi phí. Các hoạt động kế toán trở nên dễ dàng hơn trong việc kiểm tra và thực hiện. Kế toán trưởng có thể theo dõi kịp thời sự biến động về giá cả, số lượng hàng hóa và nhu cầu thị trường, đồng thời tính toán chính xác các chi phí liên quan đến kinh doanh. Nếu có sai sót xảy ra, việc xử lý sẽ nhanh chóng hơn nhờ quyền quyết định tập trung vào một phòng ban cụ thể.

Mặc dù số lượng nhân sự không nhiều nhưng đội ngũ nhân viên kế toán trẻ trung, năng động, có trách nhiệm và mục tiêu rõ ràng trong công việc. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban tạo nên một hệ thống thống nhất, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chung. Nhân viên trong Công ty chủ động thực hiện tốt công việc, hỗ trợ nhau khi cần thiết.

Về hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán: Công ty hiện đang áp dụng hệ thống chứng từ và sổ sách kế toán tương đối đầy đủ, tuân thủ theo quy định của Bộ Tài chính, cụ thể là Thông tư số 133/2016/TT-BTC. Các báo cáo tài chính được lập đúng theo mẫu biểu và nguyên tắc quy định, đảm bảo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của doanh nghiệp. Công việc ghi chép, luân chuyển và lưu trữ chứng từ được thực hiện tương đối khoa học, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu khi cần thiết. Công ty cũng đang từng bước hoàn thiện hệ thống báo cáo tài chính nhằm nâng cao chất lượng thông tin cung cấp cho hệ thống quản trị hoạt động hiệu quả nhất.

Về áp dụng phần mềm kế toán: Công ty đang sử dụng phần mềm kế toán MISA để thực hiện các nghiệp vụ kế toán. Phần mềm giúp đơn giản hóa công tác kế toán, giảm thời gian thực hiện và tích hợp hóa đơn điện tử nhằm thuận tiện hơn trong phát hành. Việc tự động lập báo cáo, quyết toán thuế và đối chiếu sổ sách tránh được tối đa các sai sót. Các mẫu báo cáo trên phần mềm rất chi tiết và chuyên biệt theo từng đối tượng, giúp kế toán phát hiện lỗi một cách kịp thời trong quá trình làm việc.

Về quy trình hạch toán: Công tác hạch toán chứng từ ban đầu tại công ty được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác của số liệu. Quy trình luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận được tổ chức hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ghi chép, kiểm tra và giám sát. Nhờ đó, công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được thực hiện kịp thời và chính xác.

Về phân loại và nhận diện chi phí sản xuất kinh doanh: công ty đã và đang thực hiện phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo công dụng của chi phí. Việc tổ chức và sắp xếp chi phí thành các khoản mục chi phí sản xuất như hiện nay cơ bản đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin cho kế toán tài chính. Nhờ đó, thông tin kế toán được trình bày tương đối rõ ràng, hỗ trợ hiệu quả cho công tác lập báo cáo tài chính và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của công ty

Về xây dựng định mức và lập dự toán chi phí: công ty đã xây dựng hệ thống định mức nguyên vật liệu cho từng sản phẩm tương đối hợp lý, góp phần

kiểm soát tốt vật tư và hạn chế lãng phí. Việc xuất nguyên vật liệu được thực hiện dựa trên định mức nên đảm bảo đúng chủng loại, số lượng. Định mức được xác định thông qua sản xuất thử và thống nhất với yêu cầu của khách hàng, tạo thuận lợi cho việc tập hợp chi phí và tính giá thành.

Bên cạnh đó, công ty đã lập dự toán chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung theo năm, phân bổ theo tháng để làm cơ sở so sánh với thực tế, qua đó nâng cao hiệu quả kiểm soát chi phí

Về đối tượng tập hợp chi phí: Do công ty sản xuất theo đơn đặt hàng với nhiều mã sản phẩm trong cùng một đơn, nên không thể tập hợp chi phí và tính giá thành cho từng mã riêng biệt. Vì vậy, công ty xác định đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành là từng đơn đặt hàng hoàn thành, phù hợp với đặc điểm sản xuất và yêu cầu quản lý chi phí

Về kế toán tập hợp chi phí: Công ty hiện đang thực hiện công tác kế toán chi phí theo quy định của Thông tư số 133/2016/TT-BTC. Trên cơ sở đó, doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống tài khoản kế toán từ tổng hợp đến chi tiết tương đối phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý và hạch toán chi phí.

Về hệ thống sổ kế toán và báo cáo kế toán: Hiện tại công tác kế toán tại công ty được thực hiện chủ yếu trên máy vi tính, qua đó góp phần giảm thiểu chi phí, tiết kiệm thời gian và hạn chế sai sót trong quá trình xử lý số liệu. Hệ thống sổ kế toán, bao gồm cả sổ chi tiết và sổ tổng hợp, được mở và sử dụng tương đối đầy đủ, phù hợp với nhu cầu cung cấp thông tin và phục vụ hiệu quả cho công tác kế toán tài chính của doanh nghiệp.

Hệ thống báo cáo tài chính của công ty được lập theo quy định tại Thông tư số 133/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26/8/2016, bao gồm các báo cáo chủ yếu như:

- | | |
|--|---------------|
| + Bảng cân đối kế toán | Mẫu số F01-DN |
| + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02-DN |
| + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B03-DN |

+ Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B09-DN

Các báo cáo này được lập tương đối đầy đủ, đảm bảo cung cấp thông tin cần thiết về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác kế toán quản trị tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định cần được xem xét và hoàn thiện trong thời gian tới:

Về tổ chức bộ máy kế toán: Hiện tại bộ máy kế toán mới chỉ tập trung vào công tác kế toán tài chính, chưa chú trọng đến kế toán quản trị; công ty chưa bố trí được bộ phận kế toán quản trị riêng biệt, nhân viên chưa được đào tạo bài bản về quản trị chi phí theo hướng chuyên môn hóa.

Về phân loại chi phí sản xuất kinh doanh: Công ty chưa thực hiện được phân loại chi phí thành biến phí và định phí, gây khó khăn cho việc phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận và hạn chế hiệu quả kiểm soát chi phí. Công ty chủ yếu mới phân loại chi phí theo công dụng để phục vụ tính giá thành, chưa phân loại theo mức độ hoạt động phục vụ cho yêu cầu quản trị.

Về lập định mức và dự toán chi phí: Công tác lập dự toán tại công ty còn mang tính tổng quát, chưa gắn chặt với mục tiêu kiểm soát chi phí. Dự toán chủ yếu tập trung vào chi phí sản xuất như chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, trong khi chưa xây dựng dự toán cho chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Đồng thời, chi phí sản xuất chung chưa được phân loại theo cách ứng xử chi phí nên việc kiểm soát còn hạn chế.

Bên cạnh đó, công ty mới chỉ lập dự toán theo tháng, quý, năm mà chưa xây dựng dự toán chi tiết cho từng đơn hàng, cũng như chưa áp dụng dự toán linh hoạt. Việc so sánh giữa số thực tế và dự toán mới dừng lại ở mức xác định chênh lệch, chưa đi sâu phân tích nguyên nhân, do đó chưa phát huy được vai trò của dự toán trong kiểm soát và hỗ trợ ra quyết định quản lý

Về kế toán tập hợp chi phí và phân bổ chi phí: Đối với các chi phí sản xuất chung không thể tập hợp trực tiếp, công ty hiện đang tập hợp chung theo

tháng và phân bổ cho các mã sản phẩm theo tiêu thức doanh thu. Cách phân bổ này chưa phản ánh chính xác chi phí thực tế của từng mã hàng, dẫn đến việc tính giá thành chưa hợp lý. Điều này làm giảm độ chính xác trong xác định lãi – lỗ theo từng mã sản phẩm, gây khó khăn cho việc ra quyết định lựa chọn hoặc hạn chế gia công các mã hàng

Về sổ sách, báo cáo kế toán: Các báo cáo quản trị tại công ty chưa được chú trọng đúng mức. Mặc dù đã có một số báo cáo chi phí như chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động hỗ trợ kiểm soát, nhưng công ty chưa thực hiện phân tích chi phí theo từng nhân tố ảnh hưởng. Do đó, chưa xác định rõ nguyên nhân biến động chi phí, hạn chế hiệu quả phục vụ cho công tác quản trị

Về phân tích thông tin để ra quyết định kinh doanh: công ty hiện chủ yếu dựa vào báo cáo tài chính và phương pháp so sánh để đánh giá biến động chi phí. Tuy nhiên, do chưa phân loại được định phí và biến phí nên chưa áp dụng các kỹ thuật phân tích của kế toán quản trị như phân tích điểm hòa vốn, phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận hay sử dụng thông tin thích hợp cho các quyết định ngắn hạn. Điều này làm hạn chế hiệu quả phân tích và khiến hoạt động quản lý còn mang tính thụ động

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát

3.2.1. Về xây dựng mô hình kế toán quản trị

Hiện nay hầu hết các doanh nghiệp sản xuất đã tổ chức được bộ máy kế toán đồng bộ, cung cấp thông tin kế toán tài chính kịp thời hữu ích. Tuy nhiên, để có những thông tin cho nhà quản trị doanh nghiệp trong việc cạnh tranh, đưa ra các quyết định kịp thời, các phương án kinh doanh hiệu quả thì bộ máy kế toán phải được tổ chức theo mô hình kế toán quản trị.

Thực tế tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát, với điều kiện hiện tại của công ty, việc tổ chức kế toán quản trị thành một hệ thống riêng biệt so với kế toán tài chính là biện pháp không khả thi. Thứ nhất, nó đòi hỏi khá nhiều chi phí cho công tác tổ chức một phòng kế toán quản trị. Thứ hai, cần phải mất nhiều thời gian và công sức để đào tạo được một bộ máy kế toán quản trị

chuyên biệt. Thứ ba, trong điều kiện của công ty hiện nay, việc tách biệt hai hệ thống kế toán chưa thực sự cần thiết và gây ra lãng phí về nhân lực, trong khi công ty đang chú trọng đến việc sắp xếp, tinh giảm bộ máy quản lý nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất- kinh doanh.

Do đó, công ty nên xây dựng bộ máy kế toán quản trị trong mối quan hệ với kế toán tài chính. Một số nhân viên kế toán tài chính có thể kiêm nhiệm chức năng kế toán quản trị tùy theo khả năng. Kế toán quản trị có mối quan hệ mật thiết với kế toán tài chính, song vẫn phải đảm bảo rằng nó chỉ cung cấp thông tin phục vụ cho nội bộ doanh nghiệp mà thôi. Để áp dụng cách thức tổ chức này, cần phải có sự phân công phân nhiệm lại về chức năng, nhiệm vụ giữa các kế toán viên trong phòng kế toán.

3.2.2. Về phân loại chi phí phục vụ cho kế toán quản trị

Như đã phân tích ở trên, để ra quyết định thì nhà quản trị cần phải có nguồn thông tin trong đó thông tin về chi phí rất quan trọng vì thông tin kế toán mà nhà quản lý cần hầu hết đều liên quan đến chi phí. Tuy nhiên, thực tế tại đơn vị, chi phí mới chỉ dừng lại ở việc thu nhận, xử lý phục vụ báo cáo tài chính, chưa nhận diện được các khoản chi phí để phân tích lựa chọn được phương án kinh doanh tối ưu và lập các báo cáo chi tiết.

Để có được các thông tin có giá trị làm cơ sở cho việc tổng hợp lập báo cáo sử dụng cho hoạt động quản trị thì việc đầu tiên đòi hỏi các doanh nghiệp phải phân biệt rõ ràng và nhận diện được chi phí. Theo đó, nhà quản lý cần phải xem khả năng phản ứng hoặc thay đổi như thế nào của chi phí khi mức độ hoạt động sản xuất kinh doanh thay đổi (mức độ ở đây có thể hiểu là số lượng sản phẩm được sản xuất ra, số lượng sản phẩm tiêu thụ, số giờ máy chạy...). Việc xem xét sự thay đổi của chi phí khi mức độ hoạt động của chi phí chính là phân loại chi phí theo mô hình ứng xử chi phí. Cách phân loại này sẽ thấy được mối quan hệ giữa chi phí và mức độ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, giúp nhà quản lý trong việc lập kế hoạch, kiểm soát chi phí và ra quyết định kinh doanh.

Biểu mẫu 3.1: Bảng phân loại chi phí theo mối quan hệ với mức độ hoạt động
PHÂN LOẠI CHI PHÍ THEO MỐI QUAN HỆ VỚI MỨC ĐỘ HOẠT ĐỘNG

Khoản mục chi phí	Biến phí	Định phí	Chi phí hỗn hợp
1. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp			
- Nguyên vật liệu chính	X		
- Nguyên vật liệu phụ	X		
2. Chi phí nhân công trực tiếp			
- Tiền lương công nhân sản xuất	X		
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	X		
3. Chi phí sản xuất chung			
- Chi phí nhân viên phân xưởng		X	
- Chi phí vật liệu		X	
- Chi phí công cụ dụng cụ		X	
- Chi phí khấu hao TSCĐ		X	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài			
+ Chi phí điện			X
+ Chi phí nước			X
+ Chi phí bảo dưỡng máy móc			
-Chi phí khác			X
4. Chi phí bán hàng			
- Chi phí nhân viên bán hàng			X
- Chi phí vật liệu bao bì		X	

- Chi phí dụng cụ đồ dùng			X
- Chi phí khấu hao TSCĐ			X
- Chi phí dịch vụ mua ngoài			X
- Chi phí vận chuyển, bốc vác		X	
- Chi phí khác			X
5. Chi phí quản lý DN			
- Chi phí nhân viên			X
- Chi phí vật liệu quản lý			X
- Chi phí đồ dùng văn phòng			X
- Chi phí khấu hao TSCĐ			X
- Thuế, phí và lệ phí			X
- Chi phí dịch vụ mua ngoài			X
+ Điện thoại, Fax			
+ Văn phòng phẩm			X
- Chi phí khác			X

3.2.3. Về xây dựng định mức chi phí và lập dự toán chi phí

Việc xây dựng hệ thống định mức trong Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát, bao gồm định mức kỹ thuật và định mức chi phí. Định mức kỹ thuật đưa ra các thông tin về số lượng, chủng loại các yếu tố cần thiết để sản xuất ra một mã hàng. Định mức chi phí căn cứ vào các dữ liệu do định mức kỹ thuật cung cấp để xác định mức hao phí về giá trị, chi tiết cho từng đơn vị yếu tố đầu vào để sản xuất ra sản phẩm. Do đó, định mức kỹ thuật đóng vai trò vô cùng quan trọng và không thể thiếu được trong quá trình xây dựng định mức chi phí, còn định mức chi phí là căn cứ để kiểm soát chi phí trong quá trình sản xuất sản phẩm.

Khi xây dựng định mức chi phí sản xuất, Công ty cần thực hiện:

- Việc xây dựng định mức chi phí nguyên vật liệu cần phải dựa trên định mức kỹ thuật về số lượng nguyên vật liệu tiêu hao, định mức giá của một đơn vị yếu tố NVL để xác định chi phí nguyên vật liệu tiêu hao.

- Việc xây dựng định mức chi phí nhân công trực tiếp cần phải dựa trên định mức kỹ thuật về lao động hao phí cho một đơn vị sản phẩm, định mức giá của một đơn vị lao động để xác định chi phí nhân công hao phí cho một đơn vị sản phẩm.

- Việc xây dựng định mức chi phí sản xuất chung bao gồm định mức định phí và định mức biến phí. Trong đó, định mức biến phí được xây dựng theo định mức lượng và định mức giá. Định mức lượng phản ánh số giờ hoạt động được chọn làm căn cứ phân bổ chi phí sản xuất chung cho một đơn vị sản phẩm, còn định mức giá phản ánh biến phí của đơn giá chi phí sản xuất chung phân bổ.

Việc phân bổ chi phí sản xuất chung được thực hiện theo công thức sau:

$$\text{Hệ số phân bổ chi phí sản xuất chung} = \frac{\text{Tổng chi phí SXC ước tính}}{\text{Tổng mức hoạt động chung ước tính}} \quad (3.1)$$

$$\text{Mức phân bổ ước tính CPSXC cho từng công việc} = \frac{\text{Hệ số phân bổ chi phí SXC}}{\text{Mức hoạt động ước tính chung của từng công việc}} \quad (3.2)$$

Hiện nay tại công ty, dự toán ở Công ty mới chỉ dừng lại ở dự toán tĩnh có nghĩa là chỉ theo một mức độ hoạt động nhất định. Điều này chưa đáp ứng được thông tin cho các nhà quản trị trong việc đưa ra quyết định phù hợp nếu như có sự thay đổi về quy mô sản xuất, sự thay đổi giá sản phẩm... Vì lúc đó chi phí của sản phẩm sẽ thay đổi nếu như có sự thay đổi của các yếu tố có liên quan. Do vậy việc lập dự toán linh hoạt sẽ đáp ứng yêu cầu này.

Dự toán chi phí linh hoạt là dự toán chi phí được lập cho các quy mô hoạt động khác nhau, giúp nhà quản trị có thể so sánh được chi phí thực tế ở các mức

độ hoạt động khác nhau. Việc lập dự toán chi phí linh hoạt tại công ty được tiến hành như sau:

Đối với biến phí NVL căn cứ vào định mức tiêu hao nguyên liệu và đơn giá dự kiến nguyên liệu mua vào.

Đối với biến phí tiền lương căn cứ vào đơn giá lương do bộ phận tổ chức hành chính xây dựng theo kế hoạch hàng năm và tỷ lệ trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN theo quy định.

Đối với chi phí chung: căn cứ vào tài liệu thống kê năm trước và kết quả tách các chi phí hỗn hợp theo phương pháp hồi quy để xác định biến phí đơn vị.

Đối với chi phí cố định bao gồm hai bộ phận:

Một bộ phận nằm trong các chi phí hỗn hợp được tách theo phương pháp hồi quy như chi phí điện, nước xác định được phần định phí nằm trong tổng chi phí của các kỳ trước làm căn cứ xác định chi phí cho kỳ kế hoạch.

Một phần là các chi phí cố định độc lập căn cứ vào tổng dự toán năm để xác định như chi phí khấu hao, chi phí quản lý, chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng, chi phí lãi vay, chi phí sửa chữa. Trên cơ sở dự toán cho cả năm xác định được dự toán ước tính cho một kỳ kinh doanh.

3.2.4. Về tổ chức hệ thống sổ kế toán

Hoàn thiện sổ kế toán chi tiết phục vụ KTQT trong DN phải đáp ứng được yêu cầu cụ thể sau:

+ Phải đảm bảo mối quan hệ giữa sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết để đảm bảo mối quan hệ cân đối giữa các chỉ tiêu kinh tế tài chính tổng hợp với số liệu kế toán chi tiết của chỉ tiêu đó.

+ Đảm bảo mối quan hệ kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo tính chính xác trong quá trình hệ thống hóa thông tin, đảm bảo độ tin cậy cho số liệu kế toán trong các báo cáo KTQT.

+ Nội dung của sổ kế toán chi tiết chi phí phải đảm bảo theo dõi được chi tiết từng khoản mục chi phí, yếu tố chi phí kết hợp với việc nhận dạng chi phí cố định và chi phí biến đổi. Phân tích được chi phí theo từng đối tượng tập hợp chi

phí đã xác định phù hợp với yêu cầu cung cấp thông tin chi tiết về chi phí để vừa phục vụ yêu cầu quản lý chi phí, đáp ứng yêu cầu xác định kết quả từng hoạt động, từng mặt hàng... phù hợp với việc hạch toán ban đầu và theo yêu cầu của nhà QTDN.

+ Về mẫu sổ, nội dung và phương pháp ghi chép đối với sổ kế toán tổng hợp, còn sổ kế toán chi tiết chỉ mang tính hướng dẫn, tùy thuộc vào đặc điểm sản xuất kinh doanh, đặc điểm quy trình công nghệ và đặc điểm, trình độ quản lý của từng doanh nghiệp mà có thể thiết kế, bổ sung cho phù hợp với đặc điểm của từng doanh nghiệp. Tuy nhiên trên cơ sở mẫu sổ theo hướng dẫn của chế độ kế toán tài chính doanh nghiệp, hướng dẫn kế toán quản trị và trên cơ sở đặc thù riêng của kế toán quản trị các sổ kế toán cần phải đảm bảo các nội dung cơ bản: địa điểm phát sinh chi phí, đối tượng chịu chi phí, nội dung, yếu tố của chi phí, bản chất của chi phí. Chính vì vậy cần bổ sung các thông tin về dự toán, định mức, chi phí biến đổi, chi phí cố định, chi phí hỗn hợp trên các sổ này. Sổ chi phí nhân công trực tiếp cần mở thêm cột biến phí, định phí, dư toán và thực tế, nếu dùng chung cho nhiều đối tượng. Sổ chi tiết chi phí sản xuất chung thêm cột biến phí, định phí, dư toán, thực tế, phân bổ cho các đối tượng sử dụng

3.2.5. Hoàn thiện hệ thống các báo cáo bộ phận cung cấp thông tin cho yêu cầu quản trị, phục vụ kiểm soát chi phí

Sau khi đã phân loại, thu thập được thông tin đầy đủ về chi phí, kế toán sẽ lập và phân tích báo cáo quản trị cho Ban giám đốc của Công ty. Hiện nay, công ty đang cùng một lúc sản xuất nhiều mã hàng (sản phẩm) nên kế toán có thể lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dạng lại trên biến phí chi tiết cho từng mã hàng. Mẫu báo cáo như sau:

Biểu mẫu 3.2: Mẫu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dạng lại trên biến phí chi tiết từng mặt hàng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
DẠNG LÃI TRÊN BIẾN PHÍ CHI TIẾT TỪNG MẶT HÀNG**

Chỉ tiêu	Mặt hàng 1	Mặt hàng 2	...	Mặt hàng n	TỔNG CỘNG
1. Doanh thu					
2. Chi phí biến đổi - Chi phí NVLTT - CPNCTT - Biến phí SXC - Biến phí bán hàng - Biến phí quản lý doanh nghiệp					
3. Lợi nhuận biến phí (3) = (1) – (2)					
4. Chi phí cố định - Định phí sản xuất chung - Định phí bán hàng - Định phí quản lý doanh nghiệp					
5. Thu nhập thuần					

Trên cơ sở của báo cáo nêu trên, các nhà quản trị có thông tin để phân tích, từ đó đưa ra quyết định từ chối hay chấp nhận đơn đặt hàng mới, quyết định tiếp tục sản xuất hay đình chỉ (ngừng) sản xuất một loại mặt hàng nào đó cho phù hợp với tình hình thực tế của công ty trong từng thời kỳ nhất định.

Các báo cáo bộ phận cung cấp thông tin từ các phân xưởng, tổ, đội sản xuất đến nhà quản trị, giúp nhà quản trị kiểm soát được chi phí, đánh giá trách nhiệm các bộ phận có liên quan. Báo cáo được lập phải phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất và quản lý của doanh nghiệp mình nhưng phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- + Phải phù hợp với hoạt động sản xuất của doanh nghiệp

+ Đảm bảo cung cấp thông tin hữu ích cho nhà quản trị. Muốn vậy báo cáo phải được thiết kế đơn giản, dễ hiểu, đảm bảo tính so sánh được và phù hợp với nhu cầu thông tin của nhà quản trị doanh nghiệp.

+ Phải phù hợp với phạm vi cung cấp thông tin kế toán đồng thời đảm bảo phục vụ cho các chức năng quản trị của nhà quản lý.

+ Các chỉ tiêu trong báo cáo phải có quan hệ chặt chẽ, logic với nhau.

+ Các số liệu thực tế, dự toán, định mức hoặc các mục tiêu định trước trong báo cáo phải so sánh được với nhau để giúp các nhà QTDN sử dụng thông tin thực hiện chức năng kiểm soát các hoạt động.

+ Hình thức kết cấu các báo cáo cần đa dạng, linh hoạt, tùy thuộc vào tiêu chuẩn đánh giá thông tin trong mỗi báo cáo phục vụ cho từng tình huống cụ thể.

+ Các chỉ tiêu trong báo cáo thực hiện nên được phân bổ theo loại sản phẩm, mặt hàng, hoặc theo khu vực, thời gian, bộ phận.

Đứng trên góc độ khai thác các kỹ thuật phân tích của kế toán quản trị, nhóm tác giả xin được trình bày một số phương hướng hoàn thiện các báo cáo trách nhiệm quản lý như sau:

Báo cáo về chi phí nguyên vật liệu

Chi phí NVL chịu tác động trực tiếp của lượng NVL tiêu hao và đơn giá nguyên vật liệu mua vào. Để kiểm soát chi phí NVL, bộ phận quản lý phân xưởng cần lập báo cáo về tình hình sử dụng NVL tại phân xưởng. Báo cáo này sẽ do quản đốc phân xưởng lập trên cơ sở thực tế tình hình thực hiện của công nhân và các nguyên nhân ảnh hưởng đến tình hình sử dụng NVL và nộp lên cho bộ phận kế toán. Bộ phận KTQT căn cứ vào báo cáo tình hình sử dụng NVL để lập bảng phân tích chi phí NVL nhằm xác định mức biến động là do lượng hay do đơn giá nhằm xác định nguyên nhân và có biện pháp xử lý. Biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là so sánh giữa thực tế với dự toán với sự ảnh hưởng của hai nhân tố chính đó là nhân tố lượng và giá. Tại công ty hiện tại chủ yếu là nhận nguyên vật liệu từ khách hàng, do đó chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng rất nhỏ, chủ yếu là một số phụ liệu như chỉ, cúc, mex...

Bảng phân tích chi phí NVL chỉ ra những biến động bất lợi hay thuận lợi của lượng nguyên vật liệu và giá cả nguyên liệu, bộ phận quản lý có trách nhiệm giải thích rõ nguyên nhân chủ quan hay khách quan tác động đến sự biến động này, từ đó phải đề ra những giải pháp thích hợp để kiểm soát chi phí NVL ở khâu mua vào, sản xuất và khai thác các khả năng còn tiềm tàng.

Báo cáo về chi phí nhân công trực tiếp

Đây là khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí của doanh nghiệp phát sinh. Các báo cáo về chi phí lao động hiện nay tại đơn vị tuy đã được tổ chức khá đầy đủ song chỉ phục vụ cho công tác hạch toán, chưa đi vào phân tích và đánh giá nguyên nhân những biến động của chi phí lao động. Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu trên, các doanh nghiệp cần lập thêm báo cáo tình hình thực hiện chi phí nhân công trực tiếp nhằm so sánh giữa thực tế và kế hoạch.

Thông qua số liệu trên các báo cáo kế toán Tháng 3/2026 tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát, ta thực hiện lập bảng phân tích chi phí nhân công trực tiếp theo yêu cầu của KTQT như sau:

Biểu mẫu 3.3: Bảng phân tích chi phí nhân công trực tiếp

BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP

Tháng .../năm

ĐVT: đồng

ST T	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Chênh lệch	Chênh lệch %
1	Doanh thu				
2	Tổng chi phí nhân công trực tiếp				
3	Số lao động bình quân (người)				
4	Chi phí nhân công bình quân một lao động				
5	Năng suất lao động bình quân				
6	Tỷ trọng chi phí NCTT trên doanh thu				

Bảng phân tích chi phí nhân công trực tiếp cung cấp thông tin để đánh giá mức tăng giảm chi phí nhân công trong mối quan hệ với doanh thu qua đó kiểm tra tính hợp lý của việc tuyển dụng và sử dụng lao động. Mặt khác, mức tăng năng suất lao động được xem xét trong mối quan hệ với mức tăng chi phí nhân công trực tiếp bình quân cho một lao động và tỷ trọng chi phí nhân công trực tiếp tính trên doanh thu nhằm đánh giá việc chi trả lương cho người lao động có hiệu quả so với kế hoạch không, có đảm bảo kết hợp lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của người lao động; qua đó cho thấy doanh nghiệp có tiết kiệm hay lãng phí chi phí nhân công trực tiếp.

Báo cáo về chi phí sản xuất chung

Nhằm giúp nhà quản trị kiểm tra, đánh giá tình hình sử dụng chi phí sản xuất chung. Căn cứ vào kế hoạch hoặc dự toán chi phí sản xuất chung và số liệu thực tế sổ chi tiết SXC để lập. Báo cáo chi phí sản xuất chung sẽ được chi tiết theo yếu tố chi phí trên cơ sở phân loại thành biến phí và định phí. Mỗi yếu tố có biến động ảnh hưởng đến tổng chi phí sản xuất chung đều được xem xét là ảnh hưởng của nhân tố giá hay nhân tố lượng giữa dự toán và thực hiện để xác định nguyên nhân của các biến động và có biện pháp khắc phục kịp thời.

Biểu mẫu 3.4: Bảng phân tích chi phí sản xuất chung

BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG***ĐVT: đồng***

Chỉ tiêu	Dự toán	Thực tế	Chênh lệch		Mức độ ảnh hưởng	
			+/-	%	Do lượng	Do giá
1. Biến phí sản xuất chung						
- Biến phí điện, nước						
- Chi phí sửa chữa						
- Phí xuất nhập khẩu						
....						
2. Định phí Sản xuất chung						
- Chi phí tiền lương phân xưởng						
- Vật tư						
- Định phí tiền điện, nước						
.....						

Để kiểm soát và đánh giá chi phí ở các bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp, DN cũng lập các báo cáo phân tích tương tự. Các chi phí này là chi phí thời kỳ, có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh trong kỳ vì vậy, khi đánh giá các chi phí trên phải đặt trong mối tương quan với sản lượng tiêu thụ.

3.2.6. Hoàn thiện về phương pháp tính chi phí đơn vị

Hiện nay, Công ty đang áp dụng phương pháp kế toán chi phí truyền thống, trong đó chi phí gián tiếp được phân bổ dựa trên các tiêu thức như tỷ lệ doanh thu. Cách làm này tương đối phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp trong ngắn hạn. Tuy nhiên, về lâu dài để nâng cao chất lượng thông tin phục vụ quản trị, Công ty nên xem xét áp dụng phương pháp kế toán chi phí dựa trên hoạt động (ABC).

Theo phương pháp này, chi phí gián tiếp không phân bổ một cách đơn giản theo tỷ lệ mà được tập hợp theo từng hoạt động cụ thể phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh. Sau đó, chi phí sẽ được phân bổ dựa trên các tiêu thức phù hợp như số giờ máy hoạt động, thời gian lao động trực tiếp hoặc mức độ sử dụng nguồn lực. Nhờ đó, việc xác định chi phí trở nên chính xác hơn, phản ánh đúng bản chất phát sinh.

Các khoản chi phí sau khi phân bổ sẽ được tính vào giá thành cùng với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp từ đó giúp xác định giá thành toàn bộ một cách hợp lý và hỗ trợ tốt hơn cho việc ra quyết định của nhà quản lý.

Phương pháp ABC gồm các bước sau:

- Thứ nhất: Phân tích các hoạt động và xác định chi phí nguồn lực
- Thứ hai: Phân bổ nhân tố chi phí cho các chi phí nguồn lực
- Thứ ba: Xác định tỷ lệ nhân tố chi phí

$$\text{Tỷ lệ nhân tố chi phí} = \frac{\text{Tổng nhóm chi phí}}{\text{Khối lượng nhân tố chi phí}}$$

- Thứ tư: Phân bổ nhóm chi phí hoạt động cho các mục tiêu chi phí

Chi phí hoạt động phân bổ mỗi mục tiêu chi phí được xác định theo công thức sau:

$$\text{Chi phí được phân bổ} = \text{Tỷ lệ nhân tố chi phí} \times \frac{\text{Mục tiêu chi phí của hoạt động}}$$

3.2.7. Về phân tích thông tin phục vụ cho việc ra quyết định trong ngắn hạn

Từ phần hạn chế đã ở nêu cho thấy được công ty chưa phân loại được định phí và biến phí cho nên chưa thể phân tích mối quan hệ giữa chi phí-khối lượng – lợi nhuận, chưa phân tích điểm hòa vốn và sử dụng thông tin lựa chọn các quyết định kinh doanh ngắn hạn. Việc nhận diện chi phí trong doanh nghiệp thành biến phí và định phí chính là nhằm giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa các nhân tố giá bán, sản lượng, chi phí cố định, chi phí biến đổi và sự tác động của chúng đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

Trong mọi trường hợp, định phí là những phí tổn đã bỏ ra trong quá khứ, là các chi phí bất biến như: tiền mua máy móc, dây chuyền sản xuất, thuê nhà xưởng, xây dựng hạ tầng...do đó Công ty khi xem xét lựa chọn chấp nhận hay không chấp nhận một đơn đặt hàng, thì chỉ tính đến các khoản biến phí (biến phí CPNVLT, biến phí CPNCTT, biến phí CP sản xuất chung, biến phí bán hàng và biến phí QLDN) mà bỏ qua các phần định phí. Khi đó lãi trên biến phí của đơn đặt hàng đó là cơ sở để nhà quản trị đưa ra quyết định chấp nhận hay từ chối đơn đặt hàng đó.

Đối với các quyết định kinh doanh ngắn hạn như: tiếp tục hay ngừng sản xuất/kinh doanh một bộ phận bị thua lỗ; thay thế thiết bị/máy móc mới hay giữ lại thiết bị/máy móc cũ; bán ngay nửa thành phẩm hay tiếp tục chế biến thành thành phẩm rồi mới bán... thì cũng cần dựa trên các phân tích về biến phí, lãi trên biến phí và phần chênh lệch giữa lãi trên biến phí và định phí để đưa ra quyết định kinh doanh đem lại lợi nhuận tối đa cho Công ty.

Trong trường hợp có các đơn đặt hàng ngắn hạn và dài hạn, doanh nghiệp cần xem xét yếu tố công suất khi tính giá thành. Với đơn hàng ngắn hạn (kỳ tính giá thành dưới 1 tháng), phần chi phí sản xuất chung do công suất máy móc dư thừa không tính vào giá thành. Ngược lại, với đơn hàng dài hạn khi máy móc hoạt động hết công suất, chi phí này cần được phân bổ vào giá thành sản phẩm. Giá thành dự toán từ đó là căn cứ để nhà quản trị quyết định chấp nhận hay từ chối đơn hàng.

3.2.8. Lập dự toán chi phí quản lý kinh

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát muốn duy trì và phát triển bền vững cần xây dựng định hướng kinh doanh phù hợp. Một trong những công cụ quan trọng hỗ trợ quá trình này là dự toán chi phí kinh doanh. Dự toán giúp cung cấp cho nhà quản trị cái nhìn tổng thể về kế hoạch hoạt động theo từng giai đoạn, từ đó chủ động lựa chọn giải pháp điều hành hiệu quả, kiểm soát việc thực hiện mục tiêu và nâng cao khả năng sử dụng nguồn lực tài chính.

Việc xây dựng dự toán cần được triển khai chi tiết theo từng yếu tố chi phí, sau đó tổng hợp thành các khoản mục để đảm bảo tính đầy đủ và chính xác. Quá trình này không chỉ thuộc trách nhiệm của bộ phận kế toán mà đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa nhiều phòng ban trong doanh nghiệp.

Để lập được dự toán, doanh nghiệp phải thu thập các dữ liệu đầu vào từ các bộ phận như kinh doanh, nghiệp vụ, nhân sự và kế toán. Dựa trên dự báo thị trường, mục tiêu phát triển và năng lực hiện có, các bộ phận sẽ ước tính sản lượng dịch vụ, doanh thu dự kiến trong kỳ kế hoạch. Trên cơ sở đó, bộ phận phụ trách tiến hành xây dựng dự toán chi tiết và trình Ban Giám đốc phê duyệt trước khi triển khai thực hiện. Chính vì vậy Công ty TNHH SX& TM Vĩnh Phát cần lập các dự toán sau:

Dự toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN: Không cần lập cho từng yếu tố chi phí (không cần thiết và gây tốn kém), mà dựa trên cơ sở phân tích

chi phí thành biến phí và định phí. Đối với biến phí bán hàng, công ty căn cứ vào số lượng dịch vụ tiêu thụ và đơn giá biến phí của một đơn vị dịch vụ tiêu thụ.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Dự toán tổng} & & \text{Dự toán số} & & \text{Đơn giá} \\ \text{biến phí bán} & = & \text{lượng sản} & \times & \text{biến phí tiêu} \\ \text{hàng} & & \text{phẩm tiêu thụ} & & \text{thụ} \end{array}$$

Biểu mẫu 3.5: Bảng dự toán chi phí bán hàng

BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ BÁN HÀNG

Năm ...

Chỉ tiêu	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm
1. Tổng tiêu chuẩn phân bổ					
2. Đơn giá phân bổ biến phí QLDN					
3. Tổng biến phí QLDN					
4. Định phí QLDN					
5. Tổng chi phí QLDN					

Biểu mẫu 3.6: Bảng dự toán chi phí quản lý doanh nghiệp

BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Năm ...

Chỉ tiêu	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm
1. Tổng tiêu chuẩn phân bổ					
2. Đơn giá phân bổ biến phí QLDN					
3. Tổng biến phí QLDN					
4. Định phí QLDN					
5. Tổng chi phí QLDN					

3.3. Một số điều kiện thực hiện giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán quản trị chi phí hàng tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát

3.3.1. Về phía nhà nước và cơ quan chức năng

Hiện nay với các doanh nghiệp ở Việt Nam KTQT không còn là một khái niệm xa lạ nhưng với nhiều người làm kế toán lại không có hiểu biết hay được đào tạo sâu về KTQT. Trên thực tế rất nhiều cán bộ kế toán tại các

doanh nghiệp nói chung và Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Vĩnh Phát nói riêng chưa hiểu rõ về KTQT, có chức năng nhiệm vụ như thế nào? Chính vì vậy để xây dựng được quy trình công tác KTQT và đưa ra những nội dung đã đề cập vào thực tế cuộc sống thì Nhà nước và các cơ quan chức năng cần thực hiện một số giải pháp sau:

Cơ quan Nhà nước cần ban hành có một chính sách kế toán nhằm phân định phạm vi phản ánh của KTTT và KTQT. Thông qua các kênh thông tin của mình, có được những biện pháp tuyên truyền, phổ biến kiến thức, tổ chức nói chuyện chuyên đề, hội thảo về KTQT cho các doanh nghiệp thấy được vai trò và tầm quan trọng của KTQT trong việc ra các quyết định quản trị.

Bộ Tài chính cần tăng cường hợp tác với các tổ chức nghề nghiệp quốc tế nhằm xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp. Đồng thời, cần ban hành và hoàn thiện hệ thống quy định pháp lý về KTQT, trong đó quy định rõ các tiêu chuẩn chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp đối với người hành nghề. Bên cạnh đó, việc triển khai cơ chế cấp chứng chỉ hành nghề KTQT là cần thiết, qua đó tạo điều kiện cho các tổ chức nghề nghiệp liên quan hình thành và phát triển, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thúc đẩy KTQT phát triển bền vững tại Việt Nam.

Bộ Tài chính cần có sự kết hợp với các tổ chức nghề nghiệp nước ngoài để có thể xây dựng các chương trình đào tạo liên quan đến KTQT. Cần tiến hành soạn thảo các quy định và luật hóa các điều kiện cụ thể về nghề nghiệp của KTQT, có các quy định cụ thể về chuyên môn và đạo đức của người làm KTQT. Thực hiện việc cấp chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực KTQT, tạo điều kiện cho các tổ chức nghề nghiệp liên quan đến KTQT ra đời nhằm làm cho KTQT nhanh chóng phát triển tại Việt Nam

3.3.2. Về phía doanh nghiệp

Mục đích của Công ty khi hoạt động trong thị trường là nhằm mang lại lợi nhuận cao nhất. Do vậy, công ty luôn phải có chiến lược hoạt động và phát

triển. Để làm tốt công tác KTQT chi phí, doanh thu và kết quả bán hàng công ty cần thực hiện tốt những nội dung sau:

Cần nhận thức rõ về sự cần thiết của KTQT trong nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường. Nhà quản trị cần đặt lợi ích của doanh nghiệp lên hàng đầu, quan tâm đến công tác dự đoán hoạt động bán hàng của doanh nghiệp trong tương lai. Tập trung quan tâm đến công tác dự đoán hoạt động bán hàng trên cơ sở thông tin đáng tin cậy, chú trọng và xây dựng định mức, dự toán và kế hoạch để thực hiện tốt chức năng kiểm soát quá trình hoạt động bán hàng. Việc phân loại chi phí, doanh thu theo yêu cầu quản trị là rất cần thiết. Muốn vậy, công tác tổ chức quản lý theo mô hình nào là phù hợp cũng cần được cân nhắc.

Cần sớm hoàn thiện bộ máy quản lý trong đó có bộ máy kế toán, cần chú trọng việc đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên kế toán.

Xác định mục tiêu và xây dựng mô hình KTQT mà trong đó tập trung KTQT chi phí, doanh thu và KQ bán hàng là quan trọng nhất, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

Để có thông tin kịp thời, chính xác cho các quyết định kinh doanh cần đầu tư cơ sở vật chất đúng mức cho hệ thống kế toán. Thường xuyên nâng cấp phần mềm kế toán để cập nhật những thông tư, nghị định, văn bản mới nhất của Bộ Tài chính.

Thực hiện việc phân loại chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh theo nhiều cách phân loại khác nhau, tạo điều kiện cho KTQT thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin chi tiết, cụ thể theo yêu cầu mà nhà quản trị doanh nghiệp đặt ra.

3.3.3. Về phía bản thân Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát

Để có thể triển khai và thực hiện tốt các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp sản xuất nói chung và trong công ty

TNHH Sản xuất & Thương mại Vĩnh Phát nói riêng cần phải thực hiện các yêu cầu sau.

Đối với các nhà quản trị doanh nghiệp: Cần nâng cao nhận thức và trình độ quản lý cho các nhà quản trị doanh nghiệp để tăng cường khả năng ra quyết định linh hoạt nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và hội nhập kinh tế thế giới.

Đối với việc tổ chức bộ máy kế toán doanh nghiệp: Công ty cần sắp xếp lại bộ máy kế toán doanh nghiệp theo hướng kết hợp bộ phận kế toán tài chính và bộ phận kế toán quản trị, kế toán quản trị sử dụng nguồn thông tin đầu vào chủ yếu từ kế toán tài chính và các kênh thông tin khác để thu thập, xử lý và lượng hóa thông tin theo chức năng riêng có của mình. Tuy nhiên, trong tổ chức bộ máy kế toán quản trị cần chú trọng tính bảo mật của thông tin kế toán quản trị.

Đối với nguồn nhân lực thực hiện kế toán quản trị: Cần phải tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cho các nhân viên kế toán các kiến thức chuyên sâu và toàn diện về kế toán tài chính cũng như kế toán quản trị. Công việc này hết sức quan trọng bởi đây chính là bộ phận thực hiện các công việc kế toán theo nội dung do doanh nghiệp xác định, là bộ phận thu nhận và xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Bên cạnh những yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ cần phải có những chuẩn mực đạo đức cho việc hành nghề của nhân viên kế toán quản trị. Các chuẩn mực này phải được xem là nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo nhân viên kế toán và phải được nghiên cứu, ban hành bởi một tổ chức nghề nghiệp có uy tín.

Cần phải ứng dụng công nghệ tin học, trang bị các phương tiện kỹ thuật hiện đại để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin một cách nhanh chóng, chính xác. Đây là điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật tiền đề áp dụng kế toán quản trị và kế toán quản trị chỉ có thể áp dụng, tác động tích cực, hiệu quả với điều kiện xử lý thông tin hiện đại.

Đối với hệ thống chỉ tiêu thông tin: Cần xây dựng hệ thống chỉ tiêu thông tin trong nội bộ doanh nghiệp một cách đồng bộ và thống nhất, tránh sự trùng lặp đảm bảo cho việc truyền tải thông tin được thông suốt, nhanh chóng và kịp thời. Công ty cũng cần xây dựng một hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật khoa học, tiên tiến và hiện thực nhằm cung cấp một nguồn dữ liệu đáng tin cậy cho kế toán quản trị trong việc dự báo và kiểm soát chi phí.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, với mọi lĩnh vực nói chung và lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng nói riêng thì sự cạnh tranh là vô cùng khốc liệt. Sự cạnh tranh này ảnh hưởng rất nhiều từ việc quản trị chi phí của từng doanh nghiệp trong đó có Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát. Vì vậy, kế toán quản trị chi phí có thể nói có vai trò hết sức quan trọng trong việc cung cấp thông tin quản lý cho các nhà quản trị.

Doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì các thông tin phải chính xác vì dựa vào các thông tin này nhà quản trị mới đưa ra được các chiến lược, chính sách phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp cũng như cơ quan quản lý có thể điều tiết nền kinh tế. Một hệ thống kế toán có thể đáp ứng tốt các nhu cầu thông tin phải có sự kết hợp của cả KTTC và KTQT. KTQT tuy là khái niệm còn mới mẻ ở các doanh nghiệp nhưng đã thể hiện được tầm quan trọng của mình.

Công tác kế toán quản trị chi phí giữ vai trò quan trọng giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra những biện pháp và quyết định đúng đắn trong kinh doanh để đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất với chi phí thấp nhất. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát đã từng bước nhận ra sự cần phải nghiên cứu, tăng cường và hoàn thiện công tác quản trị kế toán chi phí nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho công tác quản trị, thúc đẩy và phát triển doanh nghiệp. Tuy nhiên việc triển khai kế toán quản trị chi phí này vẫn còn rất hạn chế và chưa khai thác hết hết vai trò trong việc cung cấp thông tin và hỗ trợ ra quyết định trong doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng phải hoàn thiện Kế toán quản trị chi phí, là vô cùng quan trọng trong các doanh nghiệp với thực trạng KTQT chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát, trong luận văn này đã đề cập được một số vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, cơ sở lý luận chung về kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp.

Thứ hai, thực trạng kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát.

Thứ ba, một số giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát.

KTQT chi phí là một vấn đề mới và phức tạp trong các doanh nghiệp. Nó đang được nghiên cứu và vận dụng ở nước ta. Em hy vọng được đóng góp sức lực của mình vào việc hoàn thiện KTQT chi phí tại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát. Trong quá trình nghiên cứu luận văn em gặp nhiều khó khăn về lý luận và thực tiễn nên không tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót nhất định. Em mong nhận được sự đóng góp ý kiến của Quý Thầy cô để luận văn được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn ThS. Hà Thị Minh Nga cùng các anh (chị) trong Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Phát đã giúp đỡ em hoàn thiện luận văn này.

Em xin trân thành cảm ơn.

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

Giảng viên hướng dẫn

Sinh viên

ThS. Hà Thị Minh Nga

Lã Thu Phương

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đoàn Xuân Tiên (2019), "*Kế toán quản trị doanh nghiệp*", Nxb Tài chính
2. Vũ Thị Hằng (2022), “Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí, doanh thu và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH TM & DV Đại Phát”, Trường Đại học Hoa Lư.
3. Tô Thị Vân Anh (2023), “Tổ chức kế toán quản trị tại các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam”, Trường Đại học Thương mại.
4. Đào Ngọc Hà (2024), “Các nhân tố ảnh hưởng đến kế toán quản trị chi phí ở doanh nghiệp trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0”, Tạp chí Quản lý Nhà nước.
5. Thông tư 133/2016TT- BTC Chế độ kế toán doanh nghiệp.
6. Giáo trình "*Kế toán quản trị*", NXB Đại học Kinh tế quốc dân .
7. PGS.TS Vô Văn Nhị, S. Phạm Ngọc Toàn, TS. Nguyễn Thị Hằng Nga, "*Kế toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam*", Nxb Tài chính, Hà Nội .
8. GS. Ray H. Garrison (2020), "*Kế toán quản trị*".
9. TS. Trần Đình Phụng, "*Ứng dụng các phương pháp định lượng trong kế toán quản trị*", Nxb, Kinh tế TP Hồ Chí Minh.
10. Hệ thống sổ kế toán và báo cáo tài chính Công Ty TNHH SX& TM Vĩnh Phát năm 2023,2024,2025, 2026.
11. Nguyễn Thanh Huyền (2020), Tổ chức kế toán quản trị trong các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi khu vực Đồng bằng Sông Hồng, Luận án tiến sĩ, Học viện tài chính.
12. Nguyễn Thị Bích Loan & Phạm Công Đoàn (2019), Giáo trình quản trị học, NXB Hà Nội.
13. Trần Thị Hồng Mai và Đặng Thị Hòa (2020), Giáo trình Kế toán quản trị, NXB Thống kê.